



FIGURES & EVENTS REVIEW
OF THE GSO (MPI)

TẠP CHÍ **Con số SỰ KIỆN**

ISSN 2734-9136

TẠP CHÍ CỦA TỔNG CỤC THỐNG KÊ | BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ | NĂM THỨ 61 - Số 633 / Kỳ I - 11/2022



**TĂNG CƯỜNG CHẤT LƯỢNG
VÀ HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN,
PHỔ BIẾN THÔNG TIN THỐNG KÊ**



**GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG
NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2022
BỨT TỐC CHẶNG NƯỚC RÚT**



**GỖ NÚT THẮT
PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM**



**THỊ TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI
BẮP BÊNH SAU LỆNH CẤM
XUẤT KHẨU CỦA ẤN ĐỘ**

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN CẨM KHÊ CHẤT LƯỢNG ĐƯỢC ĐẶT LÊN HÀNG ĐẦU

Trung tâm Y tế huyện Cẩm Khê là đơn vị sự nghiệp y tế công lập có thu hạng I thực hiện 2 chức năng: Dự phòng và khám, chữa bệnh (KCB). Trung tâm có cơ sở hạ tầng khang trang, xanh - sạch - đẹp, công suất phục vụ 500 giường kế hoạch (thực kê đạt 570 giường) cùng nhiều trang thiết bị hiện đại với 14 khoa chuyên môn lâm sàng, cận lâm sàng và 04 phòng chức năng; 24 Trạm y tế xã, thị trấn trực thuộc; đội ngũ cán bộ, y bác sĩ hùng hậu (459 người) có năng lực, trình độ chuyên môn cao.



Bệnh nhân đến khám và điều trị tại Trung tâm Y tế huyện Cẩm Khê được các Y bác sĩ chăm sóc ân cần, tận tình, chu đáo



Hệ thống máy chụp CT hiện đại cùng đội ngũ y, bác sĩ giàu kinh nghiệm góp phần nâng cao chất lượng khám và điều trị cho bệnh nhân

Chất lượng khám chữa bệnh được đặt lên hàng đầu

BS. CKI Nguyễn Thành Mạnh - Phó Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Cẩm Khê cho biết: Để người dân đến KCB được thụ hưởng nhiều dịch vụ chất lượng cao, Trung tâm đã áp dụng mô hình "5S"; đẩy mạnh thực hiện đổi mới "Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh", tận tình, chu đáo đối với bệnh nhân ngay từ khâu đón tiếp đến khâu phân luồng, hướng dẫn, dẫn dắt bệnh nhân đến khám theo quy trình tại các phòng, khoa. Đồng thời lắng nghe, tiếp thu ý kiến phản ánh của người bệnh để đánh giá rút kinh nghiệm, chấn chỉnh những hạn chế tồn tại thông qua việc khảo sát sự hài lòng người bệnh và thông tin từ hòm thư góp ý. Bên cạnh đó, Trung tâm đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý KCB và thanh toán bảo hiểm y tế, trả kết quả xét nghiệm qua mạng... giảm thời gian chờ đợi cho bệnh nhân.

Cùng với đó, Trung tâm thường xuyên đào tạo mới, đào tạo lại, đào tạo luân phiên nhằm nâng cao năng lực quản lý, kỹ năng giao tiếp ứng xử, đạo đức nghề nghiệp, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ tay nghề làm chủ khoa học kỹ thuật cho đội ngũ cán bộ, y, bác sĩ. Ngoài ra, Trung tâm còn mời các chuyên gia, bác sĩ các Bệnh viện uy tín tuyển Trung ương...

hỗ trợ chuyên môn theo hình thức cầm tay chỉ việc. Với sự giúp đỡ của các bác sĩ tuyến trên, các cán bộ Trung tâm có thêm tự tin, bản lĩnh nghề nghiệp, trực tiếp giải quyết nhiều ca bệnh khó ngay tại bệnh viện địa phương.

Làm chủ nhiều kỹ thuật ngoại khoa

Để đáp ứng nhu cầu KCB của người dân, Trung tâm mạnh dạn đầu tư các trang thiết bị, máy móc hiện đại phục vụ cho chuẩn đoán và điều trị, giúp người dân không phải đi xa mà vẫn có thể tiếp cận với dịch vụ y tế tiên tiến như: Máy chụp CT Scanner 32 dãy; Máy X-quang tuyến vú; Máy siêu âm Doppler 4D, 3 đầu dò; Máy chạy thận nhân tạo; Hệ thống nội soi tiêu hóa dạ dày, tá tràng; Hệ thống máy sinh hóa tự động, máy xét nghiệm huyết học tự động; Hệ thống phẫu thuật nội soi ổ bụng, tiết niệu 3 chíp; Hệ thống chụp cộng hưởng từ 1.5 tesla; Hệ thống máy oxy trung tâm, Máy Monitor...

BS. CKII Hà Xuân Hoa - Giám đốc Trung tâm Y tế huyện Cẩm Khê chia sẻ: Hiện nay, Trung tâm đã triển khai được nhiều kỹ thuật, dịch vụ y tế chuyên sâu, chất lượng cao, trung bình mỗi năm triển khai từ 04 đến 10 kỹ thuật mới, tập trung vào 04 kỹ thuật ở các lĩnh vực: Hồi sức cấp cứu, chẩn đoán hình ảnh, sản khoa, ngoại khoa. Trong các kỹ thuật ngoại khoa mà Trung tâm đã thực hiện, có những kỹ thuật tiên tiến, kỹ thuật chuyên sâu đòi hỏi trình độ

bác sĩ có tay nghề cao nay đã được triển khai thành công ở Trung tâm như: Phẫu thuật ung thư; Phẫu thuật nội soi lồng ngực; Phẫu thuật cố định cột sống, kết hợp xương chi, xương hàm mặt; Phẫu thuật sọ não; Phẫu thuật nội soi khớp háng, Phẫu thuật nội soi khớp gối; thay khớp háng, gối; Phẫu thuật mở ống mật chủ lấy sỏi; tán sỏi đường mật qua da, cắt túi mật; Phẫu thuật khâu lỗ thủng dạ dày, cắt nối ruột, cắt ruột thừa, u đường tiêu hóa; Phẫu thuật cắt thận mất chức năng, tạo hình niệu quản; cắt u phì đại tuyến tiền liệt; phẫu thuật thoát vị bẹn, thoát vị thành bụng... Chỉ tính riêng 6 tháng đầu năm 2022, Trung tâm đã triển khai thành công 04 kỹ thuật, dịch vụ mới, trong đó có phẫu thuật tán sỏi thận qua da đường hầm nhỏ là phẫu thuật hiện đại, ít xâm lấn, bệnh nhân ít đau, thời gian nằm viện ngắn... giúp người bệnh được thừa hưởng các kỹ thuật ngoại khoa tiên tiến mà không cần phải chuyển tuyến, giảm thời gian nằm viện, tiết kiệm chi phí cho bệnh nhân. Cũng tính riêng 6 tháng đầu năm 2022, Trung tâm đã KCB cho 60.157 lượt người bệnh; phẫu thuật 1.915 ca. Số ngày điều trị nội trú trung bình là 7,1 ngày/1 người bệnh.

Với tinh thần tận tâm, hết lòng vì người bệnh, Trung tâm Y tế huyện Cẩm Khê đang góp phần không nhỏ trong sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân đảm bảo an sinh xã hội./

Nghĩa Thủy



TỔNG CỤC THỐNG KÊ LÀM VIỆC VỚI UBND TỈNH HƯNG YÊN

Sáng ngày 28/10/2022, tại Hưng Yên, Đoàn công tác của Tổng cục Thống kê (TCTK) do Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương làm trưởng đoàn có buổi làm việc với Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Hưng Yên để tăng cường năng lực quản lý Nhà nước và tổ chức thực hiện công tác Thống kê; đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 9 tháng và dự kiến cả năm 2022 của tỉnh Hưng Yên. Tiếp và làm việc với đoàn có Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Trần Quốc Văn; Ủy viên Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Phó Chủ tịch Thường trực UBND tỉnh Đặng Ngọc Quỳnh.

Tham dự buổi làm việc, về phía TCTK có Phó Tổng cục trưởng Lê Trung Hiếu; đại diện lãnh đạo, chuyên viên các Vụ, đơn vị liên quan thuộc TCTK. Về phía tỉnh Hưng Yên có thủ trưởng các sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Công thương, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Cục Thuế tỉnh, Ban quản lý các khu công nghiệp tỉnh; lãnh đạo và trưởng các phòng chuyên môn thuộc Cục Thống kê tỉnh; đại diện lãnh đạo các đơn vị: Công ty Cổ phần tập đoàn Ecopark, Công ty Cổ phần Vinhomes; Văn phòng UBND tỉnh.

Phát biểu tại buổi làm việc, Phó Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên Trần Quốc Văn cho biết, tỉnh Hưng Yên có diện tích nhỏ nhưng lại là tỉnh có mật độ dân số cao, những năm gần đây lao động của tỉnh Hưng Yên có sự chuyển dịch tích cực từ khu vực nông nghiệp sang khu vực công nghiệp, xây dựng và dịch vụ; cơ cấu lao động trong khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 21%; khu vực công nghiệp, xây dựng chiếm 47%; khu vực thương mại, dịch vụ chiếm 32%.

Báo cáo Tình hình thực hiện công tác Thống kê và kết quả một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh Hưng Yên 9 tháng

và dự báo cả năm 2022 cho thấy, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh Hưng Yên (GRDP) 9 tháng ước tăng 9,52% so với cùng kỳ năm trước. Sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên tiếp tục có sự phục hồi và tăng trưởng khá so với cùng kỳ năm trước.

9 tháng, trên địa bàn tỉnh đã thu hút được 57 dự án đầu tư mới (tăng 5 dự án so với cùng kỳ năm 2021). Ngoài ra, tỉnh cũng đã tiếp nhận 112 lượt dự án điều chỉnh, với tổng vốn đầu tư tăng thêm là 4.536 tỷ đồng và 245,3 triệu USD. Đến nay, trên địa bàn tỉnh có 2.110 dự án đầu tư còn hiệu lực, tổng vốn đăng ký 257.771 tỷ đồng và 5.997 triệu USD.

9 tháng số lượng doanh nghiệp mới tiếp tục tăng lên với việc thành lập mới 1.024 doanh nghiệp (tăng 1,68% so với cùng kỳ năm trước), đưa tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh lên 14.544 doanh nghiệp, với tổng số vốn đăng ký đạt khoảng 171.101 tỷ đồng. Tổng vốn đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh đạt 40.263 tỷ đồng, tăng 49,63% so với cùng kỳ năm trước.

Dự báo nếu tình hình dịch bệnh Covid-19 tiếp tục được kiểm soát, cùng với các tác động tích cực của các chính sách phục hồi và phát triển nền kinh tế của Chính phủ, bộ, ngành và địa phương thì tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hưng Yên trong quý IV tiếp tục tăng cao hơn so với quý III; tăng trưởng cả năm 2022 của tỉnh Hưng Yên sẽ vượt kế hoạch, cũng như vượt mức tăng 9,97% do TCTK công bố hồi tháng 8/2022.

Đối với công tác quản lý Nhà nước về Thống kê, báo cáo cho thấy, để tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý Nhà nước về công tác thống kê, UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh Hưng Yên đã ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, điều hành trong công tác thống kê. Trong đó có thể kể tới Chỉ thị số 10/CT-UBND ngày 07/7/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành về

việc tăng cường công tác thống kê Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên nhằm nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò và tầm quan trọng của công tác thống kê trong toàn bộ hệ thống chính trị, đặc biệt là người đứng đầu các cấp chính quyền, địa phương; Quyết định số 38/2019/QĐ-UBND ban hành Quy chế phối hợp và chia sẻ thông tin thống kê giữa Cục Thống kê với các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Hưng Yên; Quyết định số 35/2019/QĐ-UBND ngày 14/10/2019 ban hành Quy chế phổ biến thông tin thống kê Nhà nước trên địa bàn tỉnh Hưng Yên...

Mặt khác, trong các cuộc Tổng điều tra và công tác Thống kê hàng năm, các cấp ủy, chính quyền địa phương đã có những chỉ thị, chỉ đạo kịp thời; đồng thời tạo điều kiện về cơ sở vật chất, điều kiện làm việc và kinh phí hỗ trợ cho hoạt động thống kê. Sự phối hợp của các sở, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn được thực hiện tốt thông qua quy chế phối hợp; việc phối hợp cung cấp, chia sẻ thông tin đầu vào; việc trao đổi, thiết lập đầu mối phối hợp cấp chuyên viên giữa Cục Thống kê với các Sở, Ngành được duy trì thường xuyên.

Bên cạnh việc đẩy mạnh ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh trong những năm qua, khung pháp lý trong hoạt động thống kê cũng ngày càng được hoàn thiện và đã giúp cho công tác thống kê Nhà nước nói chung và hoạt động của ngành Thống kê Hưng Yên nói riêng có nhiều thuận lợi, công tác thống kê của địa phương đi vào nề nếp, việc chấp hành chế độ báo cáo thống kê và điều tra thống kê được nâng lên. Công tác thu thập thông tin thống kê có nhiều đổi mới và cải tiến, nhất là việc đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong khâu thu thập thông tin thống kê đã tạo điều kiện thuận lợi

cho các đơn vị thực hiện, đặc biệt là đối với khu vực doanh nghiệp. Do vậy, tỷ lệ doanh nghiệp chấp hành các phương án điều tra thống kê được nâng lên, bảo đảm thời gian và chất lượng thông tin thống kê.

Trong 5 năm qua, Cục Thống kê đã tham mưu chính quyền địa phương triển khai thành công 3 cuộc Tổng điều tra, bao gồm: Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2019; Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản năm 2016 và Tổng điều tra cơ sở kinh tế năm 2021 và các cuộc điều tra thống kê thường xuyên khác bảo đảm về mặt thời gian, số lượng và chất lượng.

Công tác phối hợp và chia sẻ thông tin giữa Cục Thống kê với các Sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh được duy trì và thực hiện tốt để triển khai các nhiệm vụ quan trọng của ngành.

Tại buổi làm việc, để tăng cường năng lực quản lý Nhà nước và tổ chức thực hiện công tác Thống kê, UBND tỉnh Hưng Yên đề nghị TCTK một số nội dung nhằm nâng cao chất lượng công tác Thống kê trên địa bàn tỉnh.

Cũng tại buổi làm việc, Phó Tổng cục trưởng TCTK Lê Trung Hiếu cho rằng, thời gian tới, tỉnh Hưng Yên cần tập trung vào ngành trong điểm có cơ cấu lớn như: Chế biến chế tạo, ngành chuyên môn khoa học công nghệ, cung cấp nước và rác thải. Đây là những ngành có tác động lớn tới GRDP của địa phương.

Phát biểu tại buổi làm việc, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương đánh giá cao kết quả phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hưng Yên cũng như sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của tỉnh đối với công tác thống kê trong thời gian qua. Để nâng cao chất lượng thống kê, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương mong muốn tỉnh tiếp tục quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi, hỗ trợ hoạt động thống kê trên địa bàn tỉnh; tăng cường hơn nữa công tác phối hợp, tạo sự đồng thuận thống nhất trong hoạt động thống kê hàng tháng, quý. Các ngành cần tiếp tục phối hợp với ngành Thống kê để rà soát cụ thể. Thời gian tới, khi nghị định hướng dẫn chỉ tiêu thống kê quốc gia được ban hành, đề nghị UBND tỉnh Hưng Yên quan tâm triển khai hướng dẫn, đào tạo cho các sở, ban, ngành và cấp huyện, cấp xã. /.

M.T

Hội nghị Tập huấn Công tác bảo vệ bí mật nhà nước

Chiều ngày 21/10/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) phối hợp với Cục An ninh chính trị nội bộ, Bộ Công an tổ chức Hội nghị Tập huấn công tác bảo vệ bí mật nhà nước.

Hội nghị Tập huấn được tổ chức trực tiếp tại trụ sở TCTK với sự tham dự của Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương; các Phó Tổng cục trưởng Nguyễn Trung Tiến, Lê Trung Hiếu; lãnh đạo, chuyên viên trực tiếp thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại các đơn vị thuộc TCTK;

Tại các điểm cầu trực tuyến có sự tham dự của đại diện lãnh đạo Cục; lãnh đạo các Phòng, Chi cục Thống kê cấp huyện và khu vực, văn thư và chuyên viên trực tiếp thực hiện công tác bảo vệ bí mật nhà nước của 63 Cục Thống kê tỉnh thành phố; Trường Cao đẳng Thống kê, Trường Cao đẳng Thống kê II; Trung tâm Tin học Thống kê Khu vực II, Trung tâm Tin học Thống kê Khu vực III thuộc Cục TTDL.

Đồng chí Thượng tá Đặng Hồng Nhung, Phó Trưởng phòng Phòng 9, Cục An ninh chính trị nội bộ, Bộ Công an tham gia giảng dạy và hướng dẫn công tác bảo vệ bí mật nhà nước cho các đại biểu tại Hội nghị.

Phát biểu tại Hội nghị Tập huấn, Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Thị Hương nhấn mạnh trước sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin, công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại các cơ quan, đơn vị là rất quan trọng. Điều này đòi hỏi mỗi tổ chức, đơn vị, từng đồng chí lãnh đạo, công chức, viên chức trực tiếp làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước cần nắm vững, triển khai thực hiện nghiêm túc các quy định liên quan đến bảo vệ bí mật nhà nước. Buổi tập huấn nhằm nâng cao nhận thức cho lãnh đạo và công chức, viên chức trực tiếp làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại các đơn vị trong toàn Ngành Thống kê; đồng thời trang bị một số kỹ năng, nghiệp vụ để thực hiện tốt công tác này trong thời gian tới.

Để buổi tập huấn đạt được hiệu quả tốt nhất, Tổng cục trưởng đề nghị các đại biểu tham dự Hội nghị với tinh thần hết sức nghiêm túc, tập trung tiếp thu đầy đủ những nội dung, kiến thức để khi về đơn vị công tác, mỗi cá nhân có thể phát huy, thực hiện tốt và hướng dẫn truyền đạt, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác bảo vệ bí mật nhà nước tại đơn vị mình.

Tại buổi tập huấn, Thượng tá Đặng Hồng Nhung, Phó Trưởng phòng Phòng 9, Cục An ninh chính trị nội bộ, Bộ Công an đã truyền đạt một số vấn đề cơ bản về tình hình liên quan đến công tác bảo vệ bí mật nhà nước và kết quả công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong cả nước thời gian qua; phổ biến, nội dung của Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và văn bản hướng dẫn thi hành, thực trạng tình hình lộ, mất bí mật nhà nước, một số công tác trọng tâm bảo vệ bí mật nhà nước trong thời gian tới. Đồng thời giải đáp những kiến nghị, thắc mắc trong công tác bảo vệ bí mật Nhà nước của các đại biểu dự Hội nghị.

Hội nghị Tập huấn đã bổ sung, nâng cao kiến thức, ý thức trách nhiệm về bảo vệ bí mật nhà nước cho đội ngũ lãnh đạo; công chức, viên chức trực tiếp làm công tác bảo vệ bí mật nhà nước của toàn Ngành Thống kê, góp phần nâng cao chất lượng hiệu quả công tác bảo vệ bí mật nhà nước trong thời gian tới. /.

Thu Hòa

Tổng cục Thống kê tiếp xã giao đoàn chuyên gia dự án Italia về “Cải thiện hệ thống Thống kê quốc gia Việt Nam”

Sáng ngày 17/10/2022, tại Hà Nội, Tổng cục Thống kê (TCTK) tiếp xã giao đoàn chuyên gia dự án Italia về “Cải thiện hệ thống Thống kê quốc gia Việt Nam”. Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến chủ trì buổi tiếp xã giao.

Tham dự buổi tiếp xã giao có ông Andrea Bruni, chuyên gia thống kê, Cơ quan Thống kê Italia (Hợp phần “Công nghệ thông tin và truyền thông”); ông Luigi Costanzo và ông Domenico Adamo, chuyên gia thống kê, Cơ quan Thống kê Italia (Hợp phần “Thống kê môi trường và biến đổi khí hậu”) và đại diện lãnh đạo, chuyên viên các vụ liên quan của cơ quan TCTK.

Phát biểu tại buổi tiếp xã giao Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến thay mặt TCTK chào mừng các chuyên gia của Cơ quan Thống kê Italia đã có chuyến công tác tại TCTK trong khuôn khổ của Dự án “Cải thiện hệ thống thống kê quốc gia Việt Nam” do Chính phủ Italia tài trợ. Chuyến công tác lần này của các chuyên gia có ý nghĩa quan trọng trong việc triển khai thực hiện các hoạt động của Dự án cũng như cải thiện công tác thống kê của TCTK.

Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến cho biết, hợp phần “Công nghệ thông tin và truyền thông” và Hợp phần “Thống kê môi trường và biến đổi khí hậu” là hai trong năm hợp phần của Dự án “Cải thiện hệ thống Thống kê quốc gia Việt Nam” do Chính phủ Italia tài trợ.

Trong thời gian qua, các chuyên gia của Cơ quan Thống kê Italia



và các cán bộ của TCTK đã nỗ lực rất nhiều trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp để trao đổi, thảo luận thông qua các cuộc họp trực tuyến cũng như qua thư điện tử để có được kết quả ban đầu đối với hai hợp phần “Công nghệ thông tin và truyền thông” và “Thống kê môi trường và biến đổi khí hậu”.

Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến cho rằng, để triển khai thực hiện các hoạt động của dự án, các chuyên gia và các cán bộ TCTK gặp không ít khó khăn do các công việc đều rất phức tạp và liên quan tới nhiều đơn vị, nhất là các bộ, ngành. Đồng thời, thời gian còn lại để thực hiện Dự án là không nhiều. Do đó, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến bày tỏ hy vọng với sự hỗ trợ nhiệt tình của các chuyên gia, các hoạt động tiếp theo sẽ được thực hiện theo đúng tiến độ và hai bên có thể hoàn thành Dự án đúng thời gian quy định.

Tại buổi tiếp xã giao, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến đã phân công rõ nhiệm vụ cho các đơn vị đầu mối cụ thể

từng hợp phần để phối hợp với các chuyên gia của Cơ quan Thống kê Italia triển khai tốt hai hợp phần “Công nghệ thông tin và truyền thông” và “Thống kê môi trường và biến đổi khí hậu”.

Nhân dịp này, Phó Tổng cục trưởng TCTK Nguyễn Trung Tiến gửi lời cảm ơn tới Cơ quan Thống kê Italia và các chuyên gia đã hợp tác, hỗ trợ để Tổng cục Thống kê thực hiện Dự án. TCTK cam kết sẽ phối hợp chặt chẽ với Cơ quan Thống kê Italia và các chuyên gia, bố trí các điều kiện tốt nhất để triển khai thành công các hoạt động của Dự án.

Tại buổi tiếp xã giao ông Domenico Adamo, chuyên gia thống kê, Cơ quan Thống kê Italia của Hợp phần “Thống kê môi trường và biến đổi khí hậu” cho biết đã cùng với các đồng nghiệp của TCTK tiến hành rà soát tổng thể các chỉ tiêu ở Việt Nam và đi tới lựa chọn một số chỉ tiêu thực hiện ở Việt Nam trong lĩnh vực môi trường. Sau khi thống nhất, hai bên sẽ có báo cáo về chỉ tiêu các lĩnh vực môi trường đô thị và biến đổi khí hậu./

M.T

TĂNG CƯỜNG CHẤT LƯỢNG VÀ HÌNH THỨC TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN THÔNG TIN THỐNG KÊ

TS. Nguyễn Thị Hương

Tổng cục trưởng Tổng cục Thống kê

Trong thời gian qua, ngành Thống kê đã có nhiều nỗ lực trong việc nâng cao chất lượng thông tin thống kê và tuyên truyền, phổ biến thông tin thống kê với nhiều hình thức đa dạng, phong phú tới đông đảo đối tượng dùng tin trong nước và quốc tế. Song, có thể khẳng định, trước hết, để người dân tin, quốc tế tin tưởng sử dụng thông tin thống kê thì chất lượng thông tin thống kê phải được đặt lên hàng đầu vì có tuyên truyền tốt đến mấy mà nội dung tuyên truyền không đáp ứng được nhu cầu của người dùng tin thì việc tuyên truyền cũng sẽ không đạt hiệu quả. Chính vì vậy ngành Thống kê luôn xác định việc đổi mới, nâng cao chất lượng thông tin Thống kê là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài thể hiện trong nhiều hoạt động của Ngành. Trong đó có việc xây dựng cơ sở pháp lý, cập nhật Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia; hệ thống chỉ tiêu thống kê tỉnh, huyện, xã phù hợp với quốc tế và thực tiễn của Việt Nam. Ngành Thống kê xác định, người dân, doanh nghiệp là người cung cấp thông tin đồng thời cũng là người sử dụng thông tin nên ngay khi xây dựng danh mục chỉ tiêu thống kê, ngành Thống kê đã tham khảo ý kiến của người dân, doanh nghiệp, các bộ, ngành, tham vấn ý kiến từ các chuyên gia, tổ chức quốc tế.

Bên cạnh đó, ngành Thống kê đẩy mạnh đổi mới cách thức thu thập thông tin thống kê, sử dụng công nghệ thông tin thay thế phiếu giấy nhằm có được thông tin chính xác, kịp thời; Nghiên cứu xây dựng đề án về Tư liệu hóa và chuyển đổi số trong Ngành; Tăng cường đào tạo nhân lực, nâng cao trình độ của người làm công tác thống kê thông qua các khóa đào tạo trong nước và hỗ trợ kỹ thuật của các chuyên gia quốc tế. Đặc biệt, đã có nhiều chuyên gia từ các tổ chức quốc tế tham gia hỗ trợ kỹ thuật, tư vấn, giám sát các cuộc điều tra, Tổng điều tra hoặc các nghiệp vụ chuyên sâu của Tổng cục Thống kê, như các chuyên gia đến từ ILO, UNFPA trong Tổng điều tra dân số và nhà ở, Điều tra Lao động việc làm; chuyên gia IMF trong Đánh giá lại quy mô GDP của Việt Nam, trong điều tra giá... Ngành đã tổ chức hàng trăm cuộc hội thảo cả trực tiếp và trực tuyến với các chuyên gia, tổ chức quốc tế, cơ quan thống kê các nước về các chỉ tiêu thống kê như Kinh tế số, logistics... Nhờ vậy, chất lượng thông tin thống kê của Việt Nam ngày càng được nâng lên, đáp ứng ngày càng cao nhu cầu của người dùng tin trong nước và quốc tế do phương pháp luận luôn tuân thủ theo chuẩn mực của quốc tế và phù hợp với thực tiễn Việt Nam.

Có được thông tin tốt việc tuyên truyền cũng phải tốt mới đạt mục tiêu là người dùng tin tin tưởng sử dụng thông tin thống kê. Hàng năm, ngay từ cuối năm trước, căn cứ kế hoạch công tác, ngành Thống kê đã xây dựng tổng thể kế hoạch tuyên truyền, lịch phổ biến thông tin thống kê của ngành cho năm sau. Dựa trên kế hoạch tổng thể này, các đơn vị trong toàn ngành xây dựng kế hoạch cụ thể tại từng đơn vị. Đây là căn cứ quan trọng để các đơn vị trong toàn ngành chủ động thực hiện công tác tuyên truyền bài bản, rộng khắp từ cơ quan Tổng cục Thống kê đến các cục Thống kê địa phương.

Một trong những hình thức tuyên truyền phổ biến của Ngành là họp báo. Ngành Thống kê tổ chức các cuộc họp báo định kỳ công bố tình hình kinh tế xã hội cả nước và tình hình lao động việc làm theo quý, năm (ở trung ương) và tình hình kinh tế xã hội 6 tháng và cả năm (tại 63 tỉnh, Thành phố trực thuộc Trung ương). Ngoài ra, còn tổ chức họp báo đột xuất về kết quả các cuộc Tổng điều tra và điều tra quan trọng. Các cuộc họp báo ở Trung ương và địa phương có sự tham dự của đông đảo các phóng viên, biên tập viên, đại diện các bộ, ban, và các sở, ngành liên quan. Ngành Thống kê dành nhiều thời gian để trao đổi, giải đáp thỏa đáng các câu hỏi về thông tin

thống kê đã cung cấp. Tài liệu cung cấp cho đại biểu tại cuộc họp báo được chuẩn bị kỹ lưỡng với nhiều hình thức như thông cáo báo chí, báo cáo rút gọn, infographic. Sau mỗi cuộc họp báo, ngành Thống kê còn tổng hợp lại những thông tin quan trọng được dư luận quan tâm, tiếp tục cung cấp cho người dùng tin. Vì vậy, sau mỗi cuộc họp báo, thông tin thống kê tổng quan và chuyên sâu, các bài phân tích, phỏng vấn được đăng tải rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng, góp phần giúp các cấp chính quyền, tổ chức, người dân và cộng đồng quốc tế nắm bắt được diễn biến tình hình kinh tế xã hội trên phạm vi cả nước, địa phương.

Thông tin thống kê còn được tuyên truyền, phổ biến rộng rãi thông qua website chính thống của Tổng cục Thống kê, Tạp chí điện tử Con số và Sự kiện, web của các đơn vị trong Ngành cùng 58/63 trang web của Cục Thống kê địa phương. Các trang web này cập nhật đầy đủ, kịp thời các thông tin thống kê, được thiết kế khoa học giúp người dùng tin dễ dàng khai thác thông tin. Ngoài ra, các thông tin thống kê còn được tuyên truyền trên các bảng điện tử Led của 63 Cục Thống kê, với các nội dung phù hợp với từng thời điểm, nhiệm vụ của Ngành, qua đó cũng góp phần đưa thông tin thống kê, hoạt động của Ngành thống kê đến với người dân.

Hiện nay, trong xu hướng mạng xã hội ngày càng có vai trò quan trọng trong đời sống người dân, những người làm công tác thống kê đã xây dựng fanpage Thống kê Việt Nam, tạo thêm một kênh đưa thông tin thống kê tiếp cận đến người dùng tin.

Bên cạnh các hình thức tuyên truyền, phổ biến thông tin điện tử, trang web, thì hình thức tuyên

truyền thông qua việc xuất bản các ấn phẩm thống kê cũng được chú trọng. Hằng năm, ấn phẩm thương hiệu của ngành Thống kê là Niên giám Thống kê ở Trung ương và 63 Cục Thống kê địa phương được đều đặn phát hành. Trung bình, ngành Thống kê xuất bản khoảng 250-300 đầu sách/năm với các thông tin thống kê chuyên đề chuyên sâu, kết quả các cuộc điều tra, Tổng điều tra, sách trắng doanh nghiệp, sách trắng hợp tác xã...

Ngoài ra, ngành Thống kê cũng sản xuất nhiều video clip về một số đề án, hoạt động lớn của ngành phục vụ các đoàn công tác của cơ quan Thống kê ra nước ngoài và các đoàn nước ngoài đến công tác tại cơ quan Thống kê Việt Nam, giúp cho các cơ quan, tổ chức quốc tế hiểu rõ hơn về công tác thống kê Việt Nam.

Có thể nói rằng, để có được thông tin thống kê chính xác, đầy đủ thì chỉ riêng sự cố gắng của ngành Thống kê, của những người làm công tác thống kê là chưa đủ mà cần có sự ủng hộ, hợp tác của người dân, doanh nghiệp trong việc cung cấp thông tin. Chính vì vậy, để có nguyên liệu đầu vào sạch, sản xuất ra số liệu thông tin chất lượng, thì người dân, doanh nghiệp là chủ thể được ngành Thống kê tập trung tuyên truyền. Theo đó, tùy mục đích, yêu cầu, nội dung của từng cuộc điều tra, ngành Thống kê phối hợp với các cơ quan thông tin truyền thông xây dựng kế hoạch tuyên truyền cụ thể, đảm bảo các nội dung tuyên truyền xuất hiện đồng loạt, cùng thời điểm, tạo hiệu ứng lan truyền trên tất cả các phương tiện truyền thông, để mọi người dân đều có thể biết, hiểu, ủng hộ. Đơn cử như trong cuộc Tổng điều tra kinh tế năm 2021, ngành Thống

kê đã phối hợp với Đài truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam, Thông tấn xã Việt Nam, các báo in, báo mạng sản xuất hàng loạt chương trình phóng sự, tọa đàm, phỏng vấn, các bài viết, từ đó nhận được sự ủng hộ của người dân, doanh nghiệp, góp phần tạo nên thành công của cuộc tổng điều tra.

Nhiều chiến dịch tuyên truyền của ngành Thống kê có sự tham gia của các chuyên gia ở các tổ chức quốc tế trong việc viết bài, trả lời phỏng vấn, tham gia tọa đàm trên các kênh truyền hình, càng khẳng định tính đúng đắn của phương pháp luận thống kê mà ngành Thống kê áp dụng phù hợp với thông lệ quốc tế... Bên cạnh đó, những người làm công tác thống kê, đặc biệt là đội ngũ Lãnh đạo ngành Thống kê từ Trung ương đến địa phương luôn chủ động, phối hợp, sẵn sàng cung cấp, phản hồi thông tin thống kê đến với công chúng, góp phần giúp cho số liệu thống kê ngày càng minh bạch, chính xác, đầy đủ.

Như vậy, để đưa thông tin thống kê tới được đông đảo người dùng tin trong nước và quốc tế, ngành Thống kê đã sử dụng nhiều kênh thông tin với nhiều hình thức đa dạng, phong phú trên cơ sở xây dựng chương trình, kế hoạch và thực hiện bài bản tại các đơn vị từ Trung ương đến địa phương. Để người dùng tin trong nước và quốc tế tin tưởng, sử dụng thông tin thống kê, Ngành đã tập trung nâng cao chất lượng thông tin thống kê, thu hút sự quan tâm, ủng hộ của người dân, doanh nghiệp và các tổ chức quốc tế ngay từ khi xây dựng văn bản pháp luật đến việc tham gia cung cấp và sử dụng thông tin thống kê nhằm đáp ứng tốt nhất nhu cầu của người sử dụng thông tin thống kê./.

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

KẾT QUẢ THỰC HIỆN ĐỀ ÁN THỐNG KÊ KHU VỰC KINH TẾ CHƯA ĐƯỢC QUAN SÁT NĂM 2021

ThS. Nguyễn Diệu Huyền

Phó Vụ trưởng - Vụ Hệ thống Tài khoản quốc gia

Ngày 01/02/2019, Thủ tướng Chính phủ đã ký Quyết định số 146/QĐ-TTg phê duyệt Đề án Thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát (viết gọn là Đề án NOE), Bộ Kế hoạch và Đầu tư được Thủ tướng Chính phủ giao nhiệm vụ chủ trì tiến hành đo lường hoạt động của khu vực kinh tế chưa được quan sát nhằm đánh giá thực trạng của khu vực kinh tế này trong nền kinh tế. Năm 2021 là năm thứ ba Bộ Kế hoạch và Đầu tư thực hiện Đề án này, một số kết quả nổi bật như sau:

Một là, cập nhật dự thảo Danh mục hoạt động và xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê đo lường khu vực kinh tế chưa được quan sát

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã cập nhật các hoạt động mới phát sinh trong nền kinh tế vào dự thảo Danh mục hoạt động và xây dựng Hệ thống chỉ tiêu thống kê đo lường khu vực kinh tế chưa được quan sát như: Các hoạt động tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong thời kỳ dịch bệnh bùng phát, hoạt động kinh tế chia sẻ, kinh tế số, kinh tế đêm, kinh tế tuần hoàn...

Bên cạnh đó, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) đã xây dựng nội dung dự thảo Metadata của Hệ thống chỉ tiêu nguồn thông tin đầu vào phục vụ đo lường khu vực NOE. Theo đó, nội dung này được xây dựng dựa trên dự thảo

Danh mục các chỉ tiêu đầu vào phục vụ đo lường khu vực NOE, bao gồm: Tên chỉ tiêu; khái niệm; phương pháp tính; cơ quan chịu trách nhiệm thu thập, tổng hợp. Metadata sẽ giúp các bộ, ngành và địa phương hiểu rõ các thông tin cơ bản của chỉ tiêu trong quá trình thu thập thông tin, tổng hợp và biên soạn.

Hai là, biên soạn kết quả tính toán khu vực phi chính thức và hoạt động tự sản tự tiêu hộ gia đình

Đối với Khu vực phi chính thức: Xét về cơ cấu, khu vực phi chính thức (theo phạm vi bao gồm các cơ sở sản xuất kinh doanh không có đăng ký kinh doanh) năm 2020 chiếm 5,76% quy mô GDP theo giá hiện hành, cao hơn 0,29 điểm phần trăm so với năm 2019. Xét về tốc độ, khu vực phi chính thức năm 2020 tăng 10,09%, bao gồm cơ sở chưa có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh tăng 10,35%; cơ sở không phải đăng ký kinh doanh giảm 0,03%.

Theo ngành kinh tế, khu vực phi chính thức công nghiệp và xây dựng năm 2020 chiếm 38,86% toàn khu vực phi chính thức; khu vực phi chính thức dịch vụ chiếm 61,14%. Trong các ngành kinh tế, ngành bán buôn bán lẻ chiếm 22,32%, cao nhất trong các ngành; tiếp đến là ngành công nghiệp chế biến chế tạo, chiếm 17,75%; ngành dịch vụ lưu trú ăn uống chiếm 11,82%.

Giá trị sản xuất của hoạt động tự sản tự tiêu khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản năm 2020 theo giá hiện hành chiếm 5,59% tổng giá trị sản xuất ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản, thấp hơn 0,42 điểm phần trăm so với cơ cấu 6,01% của năm 2019. Trong đó, Trung du và miền núi phía Bắc có tỷ trọng giá trị của hoạt động tự sản tự tiêu trong tổng giá trị sản xuất của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản theo giá hiện hành cao nhất, chiếm 13,58%; tiếp đến là Đồng bằng sông Hồng chiếm 12,89%; Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung chiếm 7,6%; Tây Nguyên chiếm 2,81%; Đông Nam Bộ và Đồng bằng sông Cửu Long chiếm gần 1,0%.

Một số tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có tỷ trọng cao nhất cả nước là: Điện Biên chiếm 30,40%; Hà Giang 29,01%; Cao Bằng 28,89%; Nam Định 28,18%; Lai Châu 23,17%; Yên Bái 23,12%. Xem xét theo cơ cấu trong GDP, hoạt động tự sản tự tiêu của hộ sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản theo giá hiện hành năm 2020 chiếm 1,43% GDP, giữ mức ổn định so với năm 2019.

Ba là, đẩy mạnh hoạt động hợp tác quốc tế

Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương tham gia Dự án "Số liệu thống kê và dữ liệu đo lường các dòng tài chính bất hợp pháp

ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương" sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức do UNODC, ESCAP và UNCTAD tài trợ tại Quyết định số 2025/QĐ-TTg ngày 02/12/2021. Triển khai Quyết định số 2025/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Văn kiện Dự án "Số liệu thống kê và dữ liệu đo lường các dòng tài chính bất hợp pháp ở khu vực châu Á - Thái Bình Dương" kèm theo Quyết định số 1800/QĐ-BKHĐT ngày 31/12/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Văn kiện Dự án tập trung vào việc xây dựng kế hoạch chi tiết triển khai thực hiện Dự án và Kế hoạch giám sát Dự án trong năm 2022.

Bốn là, rà soát, bổ sung hoàn thiện các văn bản pháp lý quy định đăng ký kinh doanh và chính thức hóa các hoạt động phi chính thức.

Năm 2021, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp, cụ thể hóa cải cách, đổi mới của Luật Doanh nghiệp 2020; đồng thời, cắt giảm một số thủ tục hành chính và các yêu cầu về đăng ký doanh nghiệp trước đó như: Bãi bỏ thông báo thay đổi thông tin người quản lý doanh nghiệp; bãi bỏ thông báo sử dụng, thay đổi, hủy mẫu con dấu; bãi bỏ thông báo chào bán cổ phần riêng lẻ; bỏ yêu cầu nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy để đối chiếu.

Ban hành Thông tư số 01/2021/TT-BKHĐT ngày 16/3/2021 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về đăng ký doanh nghiệp nhằm cụ thể hóa, mẫu hóa các quy định tại Luật Doanh nghiệp 2020 và Nghị định số 01/2021/NĐ-CP, tạo thuận lợi tối đa cho người dân khi đăng ký doanh nghiệp,

đăng ký hộ kinh doanh và phục vụ cho việc tin học hóa công tác đăng ký kinh doanh.

Có thể thấy, việc cắt giảm, đơn giản hóa các quy định trên giúp doanh nghiệp giảm bớt được thành phần hồ sơ phải kê khai, chuẩn bị, tiết kiệm được chi phí nhờ tận dụng tối đa các thông tin sẵn có trong Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp và các hệ thống thông tin đã kết nối. Bên cạnh đó, việc tiếp tục hiện đại hóa, chuyển đổi số mạnh mẽ công tác đăng ký doanh nghiệp thông qua việc nâng cấp, hoàn thiện các quy định về đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử như: Bỏ yêu cầu nộp hồ sơ đăng ký doanh nghiệp bằng bản giấy để đối chiếu, thực hiện cung cấp hầu hết dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 giúp giảm thời gian, chi phí thành lập doanh nghiệp; đồng thời, tạo điều kiện để người dân dễ dàng tiếp cận nguồn thông tin chính thống, có giá trị pháp lý về doanh nghiệp.

Việc đơn giản hóa thủ tục thành lập và hoạt động của doanh nghiệp, hộ kinh doanh đã khuyến khích đăng ký thành lập doanh nghiệp, hộ kinh doanh, góp phần giảm số lượng những đối tượng hoạt động dưới hình thức hộ kinh doanh mà không đăng ký thành lập. Qua đó, giúp cho công tác thống kê phản ánh được đầy đủ và toàn diện hơn về quy mô của nền kinh tế.

Về ban hành các văn bản pháp lý nhằm tăng cường quản lý, chính thức hóa các hoạt động kinh tế phi chính thức, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã trình Chính phủ ban hành Nghị định số 01/2021/NĐ-CP ngày 04/01/2021 về đăng ký doanh nghiệp quy định rõ đặc điểm pháp lý của hộ kinh doanh,

từ việc xác định thế nào là hộ kinh doanh; tạm ngừng và chấm dứt hoạt động của hộ kinh doanh, tạo điều kiện cho phép hộ kinh doanh có nhiều địa điểm so với chỉ được phép kinh doanh tại một địa điểm như quy định trước đây tại Nghị định số 78/2015/NĐ-CP ngày 14/9/2015 cho giai đoạn 2015-2020. Điều này sẽ tạo thuận lợi, hấp dẫn cho nhiều hộ gia đình muốn đăng ký kinh doanh. Ngoài ra, hộ kinh doanh còn được tự lựa chọn thời gian tạm dừng kinh doanh thông qua việc xóa bỏ quy định về thời gian tạm dừng kinh doanh của hộ không được quá 1 năm, thay vào đó hộ kinh doanh có thể tạm dừng kinh doanh vô thời hạn.

Mặc dù đã có những bước tiến so với trước đây nhưng nhìn chung, khuôn khổ pháp lý về hộ kinh doanh hiện nay vẫn đang được quy định chung với hệ thống văn bản pháp lý của khu vực doanh nghiệp mà chưa được tách độc lập thành hệ thống văn bản pháp lý riêng cho hộ kinh doanh để thuận tiện cho việc tra cứu văn bản đăng ký thành lập hộ kinh doanh.

Hơn nữa, để việc chính thức hóa hoạt động phi chính thức, quy định hộ kinh doanh phải đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh cấp huyện để xin cấp Giấy đăng ký hộ kinh doanh chưa thực sự tạo thuận lợi cho các hộ gia đình, gây tâm lý e ngại về vấn đề làm thủ tục tại cơ quan quản lý nhà nước, đặc biệt là cấp huyện - nơi cách xa địa điểm hoạt động kinh doanh của hộ. Do vậy, thủ tục xin cấp Giấy đăng ký hộ kinh doanh hoặc thay đổi nội dung đăng ký kinh doanh chỉ cần đăng ký với UBND cấp xã vừa đảm bảo yêu cầu về mặt quản lý, vừa tạo sự điều kiện cho các hộ kinh doanh./.

SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH VÀ NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA QUY TRÌNH BIÊN SOẠN **GDP, GRDP**

Nguyễn Đình Khuyển

Phó Vụ trưởng phụ trách Vụ Phương pháp chế độ và quản lý chất lượng Thống kê - TCTK

Ngày 22/5/2015, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 715/QĐ-TTg phê duyệt Đề án đổi mới quy trình biên soạn số liệu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương. Qua 5 năm (2015 - 2020) thực hiện đã thu được những kết quả bước đầu rất quan trọng. Số liệu GRDP biên soạn và công bố theo quy trình mới phản ánh chính xác hơn tình hình kinh tế - xã hội của địa phương. Chất lượng số liệu GRDP được nâng cao, phản ánh chính xác hơn thực trạng và xu hướng phát triển kinh tế - xã hội của các địa phương và được người dùng tin, đặc biệt là cấp ủy, chính quyền địa phương tin cậy sử dụng. GDP, GRDP được biên soạn tập trung theo nguyên tắc 3 cùng: (i) Cùng Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục

Thống kê) trực tiếp biên soạn; (ii) Cùng phương pháp tính toán; (iii) Cùng nguồn số liệu đầu vào và số liệu trung gian. Nhờ đó, đã khắc phục được tình trạng vận dụng phương pháp tính thiếu nhất quán diễn ra khá phổ biến trong những năm biên soạn và công bố GRDP phân tán trước đây.

Tuy nhiên, việc biên soạn GDP, GRDP vẫn còn những bất cập như: Số lượng và chất lượng thông tin đầu vào, số liệu trung gian còn hạn chế; công cụ tính toán chưa hoàn thiện, làm ảnh hưởng không nhỏ đến tính kịp thời, đầy đủ và chính xác của số liệu chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Hơn nữa, khoản 6, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều và Phụ lục Danh mục chỉ tiêu thống kê quốc gia của Luật Thống kê

quy định: "Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với Bộ, ngành và địa phương thực hiện xây dựng, trình Chính phủ ban hành... quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước, chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương".

Từ những hạn chế, bất cập và căn cứ pháp lý nêu trên, cần phải xây dựng quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP) và đổi mới quy trình biên soạn chỉ tiêu tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (GRDP).

Để quy trình biên soạn GDP, GRDP có hiệu lực, hiệu quả cao trong thực tiễn thì quá trình xây dựng và thực hiện quy trình này cần tập trung vào một số nội dung chủ yếu sau:



Một là, nguyên tắc biên soạn biên soạn GDP, GRDP phải đảm bảo: Thực hiện tập trung, thống nhất tại Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê); Tính thống nhất và minh bạch trong biên soạn, công bố số liệu GDP, GRDP; đáp ứng việc tiếp cận, khai thác, sử dụng số liệu GDP, GRDP dễ dàng, thuận tiện và bình đẳng; Tính đồng bộ, hệ thống và kết nối ở tất cả các bước của quy trình biên soạn; Tính logic, tương thích, phù hợp giữa số liệu GDP, GRDP và các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô khác.

Hai là, quy trình biên soạn chỉ tiêu GDP, GRDP gồm 6 bước: (1) Thu thập thông tin đầu vào phục vụ biên soạn GDP, GRDP; (2) Tính các chỉ tiêu phục vụ biên soạn GDP, GRDP; (3) Biên soạn số liệu GDP, GRDP; (4) Rà soát, đánh giá lại GDP, GRDP; (5) Công bố, phổ biến số liệu GDP, GRDP; (6) Lưu trữ số liệu GDP, GRDP.

Ba là, số liệu GDP, GRDP được biên soạn gồm số liệu ước tính, số liệu sơ bộ và số liệu chính thức; số liệu GDP được biên soạn trên phạm vi toàn quốc; số liệu GRDP được biên soạn trên phạm vi tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

Số liệu GDP được biên soạn theo phương pháp sản xuất, phương pháp sử dụng đối với kỳ quý, 6 tháng, 9 tháng, năm; phương pháp thu nhập đối với kỳ 5 năm. Số liệu GRDP biên soạn theo phương pháp sản xuất đối với kỳ quý, 6 tháng, 9 tháng, năm.

Số liệu GDP được biên soạn theo giá hiện hành và giá so sánh theo phương pháp sản xuất và phương pháp sử dụng, tương thích giữa số liệu GDP với số liệu các chỉ tiêu vĩ mô khác có liên quan..

Bốn là, các chỉ tiêu biên soạn chủ yếu gồm: Quy mô, cơ cấu và tốc độ tăng GDP, GRDP.

Các chỉ tiêu phục vụ biên soạn GDP, GRDP gồm: (1) Các chỉ tiêu tính theo phạm vi cả nước (Tích lũy tài sản, Tiêu dùng cuối cùng, Trị giá hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, Trị giá dịch vụ xuất khẩu, nhập khẩu, Giá trị sản xuất, Chi phí trung gian, Hệ thống chỉ số giá, Thuế sản phẩm, trợ cấp sản phẩm và các chỉ tiêu thống kê khác); và (2) Các chỉ tiêu tính theo phạm vi vùng, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Giá trị sản xuất, Chi phí trung gian, Hệ thống chỉ số giá, Thuế sản phẩm, trợ cấp sản phẩm và các chỉ tiêu thống kê khác).

Năm là, số liệu GDP, GRDP phải được công bố, phổ biến kịp thời, đầy đủ, rộng rãi, công khai và minh bạch; thời điểm công bố, phổ biến thông tin GDP, GRDP phải đảm bảo đáp ứng nhu cầu thông tin của các cơ quan Đảng, Nhà nước ở Trung ương và địa phương trong việc đánh giá và dự báo tình hình kinh tế - xã hội; phục vụ lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và trên phạm vi cả nước; đồng thời đáp ứng nhu cầu thông tin của các tổ chức, cá nhân khác.

Sáu là, cần xác định nguồn thông tin phục vụ biên soạn GDP, GRDP và xác định các hình thức thu thập thông tin tương ứng để bảo đảm đủ thông tin biên soạn GDP, GRDP.

Triển khai thực hiện biên soạn GDP, GRDP, Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) chủ trì, phối hợp với bộ, ngành và địa phương:

- Xây dựng, hoàn thiện các hình thức thu thập thông tin của các chỉ tiêu thống kê phục vụ biên soạn GDP, GRDP;

- Xây dựng hệ thống biểu mẫu để thu thập thông tin từ Tập đoàn,

tổng công ty nhà nước phục vụ biên soạn GDP, GRDP;

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong thu thập, khai thác, tổng hợp và biên soạn các chỉ tiêu thống kê quốc gia; quy trình biên soạn GDP, GRDP;

- Hướng dẫn về chuyên môn, nghiệp vụ thực hiện quy trình biên soạn GDP, GRDP và rà soát, đánh giá lại quy mô GDP, GRDP.

Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao và các cơ quan có liên quan:

- Xây dựng, hoàn thiện các hình thức thu thập thông tin chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia được phân công;

- Chia sẻ dữ liệu hành chính với cơ quan thống kê trung ương; chú trọng xây dựng, ký kết, thực hiện có hiệu quả quy chế trao đổi, chia sẻ thông tin giữa cơ quan thống kê trung ương với thống kê bộ, ngành để bảo đảm đủ thông tin biên soạn GDP, GRDP;

- Ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống báo cáo thống kê điện tử; gửi báo cáo số liệu thống kê cho Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Tổng cục Thống kê) theo quy định của pháp luật về thống kê.

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

- Chỉ đạo sở, ban, ngành thu thập, tổng hợp và cung cấp thông tin cho cơ quan thống kê cấp tỉnh;

- Sử dụng thống nhất số liệu, thông tin thống kê do cơ quan thống kê công bố trong công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành, xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương;

- Ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng hệ thống báo cáo thống kê điện tử từ sở, ban, ngành cho cơ quan thống kê cấp tỉnh để thu thập, tổng hợp các chỉ tiêu thống kê quốc gia./.

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

a) Nông nghiệp

Tính đến trung tuần tháng Mười, cả nước thu hoạch được 893,1 nghìn ha lúa mùa, chiếm 57,4% diện tích gieo cấy và bằng 87,9% cùng kỳ năm trước. Ước tính năng suất lúa mùa đạt 52,66 tạ/ha, tăng 1 tạ/ha so với vụ mùa năm 2021; sản lượng đạt 8,2 triệu tấn, tăng 144 nghìn tấn.

Cùng với chăm sóc và thu hoạch lúa mùa, các địa phương trên cả nước hoàn thành sản xuất lúa hè thu với diện tích gieo trồng đạt 1.915,6 nghìn ha, giảm 38,6 nghìn ha so với vụ hè thu năm 2021. Ước tính năng suất lúa hè thu đạt 56,4 tạ/ha, giảm 0,6 tạ/ha so với vụ hè thu năm trước; sản lượng đạt 10,8 triệu tấn, giảm 340 nghìn tấn.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm trong 10 tháng phát triển ổn định, dịch bệnh cơ bản được kiểm soát. Hiện tại đang là thời điểm người chăn nuôi tập trung tái đàn, tăng đàn, chăm sóc đàn gia súc, gia cầm để cung ứng nguồn thịt ra thị trường những tháng cuối năm và các kỳ lễ tết sắp tới.

b) Lâm nghiệp

Tính chung 10 tháng năm 2022, diện tích rừng trồng mới tập trung ước tính đạt 227 nghìn ha, tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 78,3 triệu cây, tăng 5%; sản lượng củi khai thác đạt 15,4 triệu ste, tăng 0,3%; sản lượng gỗ khai thác đạt 15,6 triệu m³, tăng 6,2%.

10 tháng năm 2022, cả nước có 989,4 ha rừng bị thiệt hại, giảm 59,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó diện tích rừng bị cháy là 26,5 ha, giảm 98,2%; diện tích rừng bị chặt, phá là 963 ha, giảm 0,2%.

c) Thủy sản

Tính chung 10 tháng năm 2022, sản lượng thủy sản ước đạt 7.450,7 nghìn tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 5.366,7 nghìn tấn, tăng 2,6%; tôm đạt 1.009,8 nghìn tấn, tăng 8,2%; thủy sản khác đạt 1.074,2 nghìn tấn, tăng 1,2%.

Sản lượng thủy sản khai thác 10 tháng ước đạt 3.290 nghìn tấn,

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI 10 THÁNG NĂM 2022

giảm 2,2 % so với cùng kỳ năm trước (trong đó sản lượng thủy sản khai thác biển ước đạt 3.130 nghìn tấn giảm 2,4%); Sản lượng nuôi trồng đạt 4.160,7 nghìn tấn, tăng 7,7%.

2. Sản xuất công nghiệp

Tính chung 10 tháng năm 2022, chỉ số sản xuất toàn ngành công nghiệp (IIP) ước tăng 9% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 tăng 3,8%). Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 9,6% (cùng kỳ năm 2021 tăng 5,1%), đóng góp 7,4 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện tăng 7,8%, đóng góp 0,7 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 6,6%, đóng góp 0,1 điểm phần trăm; ngành khai khoáng tăng 5%, đóng góp 0,8 điểm phần trăm trong mức tăng chung.

Chỉ số sản xuất 10 tháng năm 2022 của một số ngành công nghiệp trọng điểm cấp II tăng cao so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất đồ uống tăng 31,5%; sản xuất trang phục tăng 19,2%; sản xuất da và các sản phẩm có liên quan tăng 17,7%; sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu tăng 17,5%; chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa tăng 17,3%; sản xuất máy móc; sản xuất thiết bị điện tăng 12,8%; sản xuất phương tiện vận tải khác tăng 11%; sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy tăng 10,8%; ...

Chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm trước tăng ở 61 địa phương và giảm ở 02 địa phương trên cả nước. Một số địa phương có chỉ số IIP đạt mức tăng khá cao (Bắc Giang: 39,8%; Cần Thơ: 31,9%; Vĩnh Long: 29,1%...). Ở chiều ngược lại, một số địa phương có chỉ số IIP tăng thấp hoặc giảm (Hà Tĩnh: - 15,6%; Trà Vinh: - 25%) do ngành công nghiệp chế biến, chế tạo chưa lấy lại đà tăng trưởng cao như thời điểm trước khi xảy ra dịch bệnh;

ngành khai khoáng và ngành sản xuất, phân phối điện tăng thấp hoặc giảm.

Số lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp tại thời điểm 01/10/2022 tăng 0,8% so với cùng thời điểm tháng trước và tăng 10,2% so với cùng thời điểm năm trước. Trong đó, lao động khu vực doanh nghiệp Nhà nước tăng 0,1% và giảm 6,9%; doanh nghiệp ngoài Nhà nước tăng 0,5% và tăng 4,8%; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,1% và tăng 13,2%.

3. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

Tính chung 10 tháng năm 2022, cả nước có 125,8 nghìn doanh nghiệp đăng ký thành lập mới với tổng số vốn đăng ký gần 1.379,2 nghìn tỷ đồng và tổng số lao động đăng ký là 835 nghìn lao động, tăng 34,3% về số doanh nghiệp, tăng 5,7% về vốn đăng ký và tăng 18% về số lao động so với cùng kỳ năm trước. Vốn đăng ký bình quân một doanh nghiệp thành lập mới trong 10 tháng năm 2022 đạt 11 tỷ đồng, giảm 21,2% so với cùng kỳ năm 2021. Nếu tính cả 2.794,1 nghìn tỷ đồng vốn đăng ký tăng thêm của 42,6 nghìn lượt doanh nghiệp tăng vốn, tổng số vốn đăng ký bổ sung vào nền kinh tế trong 10 tháng năm 2022 là 4.173,3 nghìn tỷ đồng, tăng 31,1% so với cùng kỳ năm trước. Bên cạnh đó, còn có 52,7 nghìn doanh nghiệp quay trở lại hoạt động (tăng 49% so với cùng kỳ năm 2021), nâng tổng số doanh nghiệp thành lập mới và doanh nghiệp quay trở lại hoạt động trong 10 tháng năm 2022 lên gần 178,5 nghìn doanh nghiệp, tăng 38,3% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân một tháng có 17,8 nghìn doanh nghiệp thành lập mới và quay trở lại hoạt động.

Tính chung 10 tháng năm 2022, số doanh nghiệp tạm ngừng kinh doanh có thời hạn là 66,4 nghìn doanh nghiệp, tăng 36,9% so với

cùng kỳ năm trước; 40,3 nghìn doanh nghiệp ngừng hoạt động chờ làm thủ tục giải thể, tăng 15,2%; 15,4 nghìn doanh nghiệp hoàn tất thủ tục giải thể, tăng 13,4%. Bình quân một tháng có 12,2 nghìn doanh nghiệp rút lui khỏi thị trường.

4. Đầu tư

Tính chung 10 tháng năm 2022, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 387,7 nghìn tỷ đồng, bằng 67,1% kế hoạch năm và tăng 20,1% so với cùng kỳ năm trước. Cụ thể: Vốn đầu tư thực hiện do Trung ương quản lý ước đạt 69,4 nghìn tỷ đồng, bằng 62,3% kế hoạch năm và tăng 21,8% so với cùng kỳ năm trước; Vốn đầu tư thực hiện do địa phương quản lý ước đạt 318,3 nghìn tỷ đồng, bằng 68,2% kế hoạch năm và tăng 19,7% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/10/2022 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 22,46 tỷ USD, giảm 5,4% so với cùng kỳ năm trước.

Trong đó, vốn đăng ký cấp mới có 1.570 dự án được cấp phép với số vốn đăng ký đạt 9,93 tỷ USD, tăng 14,2% so với cùng kỳ năm trước về số dự án và giảm 23,7% về số vốn đăng ký.

Trong số 67 quốc gia và vùng lãnh thổ có dự án đầu tư được cấp phép mới tại Việt Nam trong 10 tháng năm 2022, Nhật Bản là nhà đầu tư lớn nhất với 2,95 tỷ USD, chiếm 29,7% tổng vốn đăng ký cấp mới; tiếp đến là Xin-ga-po 1,65 tỷ USD, chiếm 16,6%;...

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện tại Việt Nam 10 tháng năm 2022 ước tính đạt 17,45 tỷ USD, tăng 15,2% so với cùng kỳ năm trước. Đây là số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài thực hiện cao nhất của 10 tháng trong 5 năm qua.

Đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài trong 10 tháng năm 2022 có 90 dự án được cấp mới giấy chứng nhận đầu tư với tổng số vốn của phía Việt Nam là 390,1 triệu USD, gấp 1,8 lần so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung tổng vốn đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài (vốn cấp mới và điều chỉnh) đạt 452,1 triệu USD, giảm 30% so với cùng kỳ năm trước.

Trong 10 tháng năm 2022 có 25 quốc gia và vùng lãnh thổ nhận đầu tư của Việt Nam, trong đó: Xin-ga-po là nước dẫn đầu với 75,3 triệu USD, chiếm 16,7% tổng vốn đầu tư.

5. Thu, chi ngân sách Nhà nước

Thu ngân sách Nhà nước:

Lũy kế tổng thu ngân sách Nhà nước 10 tháng năm 2022 đạt 1.464,3 nghìn tỷ đồng, bằng 103,7% dự toán năm và tăng 16,2% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, một số khoản thu chính như sau:

Thu nội địa đạt 1.157,7 nghìn tỷ đồng, bằng 98,4 % dự toán năm và tăng 12,1% so với cùng kỳ năm trước; *Thu từ dầu thô* đạt 65,5 nghìn tỷ đồng, bằng 232,4% dự toán năm và tăng 95% so với cùng kỳ năm trước; *Thu cân đối ngân sách từ hoạt động xuất, nhập khẩu* đạt 236,1 nghìn tỷ đồng, bằng 118,6% dự toán năm và tăng 21,9% so với cùng kỳ năm trước.

Chi ngân sách Nhà nước:

Lũy kế 10 tháng năm 2022 ước đạt 1.219,2 nghìn tỷ đồng, bằng 68,3% dự toán năm và tăng 6,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, chi thường xuyên 10 tháng năm 2022 đạt 841,3 nghìn tỷ đồng, bằng 75,7% dự toán năm và tăng 5,4% so với cùng kỳ năm trước; chi đầu tư phát triển đạt 297,8 nghìn tỷ đồng, bằng 56,6% và tăng 16,8%; chi trả nợ lãi 78,3 nghìn tỷ đồng, bằng 75,5% và giảm 9,1%.

6. Thương mại, giá cả, vận tải và du lịch

a) Bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Tính chung 10 tháng năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước đạt 4.643,6 nghìn tỷ đồng, tăng 20,2% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2021 giảm 5,1%), nếu loại trừ yếu tố giá tăng 16,1% (cùng kỳ năm 2021 giảm 6,8%).

Doanh thu bán lẻ hàng hóa 10 tháng năm 2022 ước đạt 3.675,4

nghìn tỷ đồng, tăng 15% so với cùng kỳ năm trước (loại trừ yếu tố giá tăng 11%); Doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 467,1 nghìn tỷ đồng, tăng 51,8%; Doanh thu du lịch lữ hành ước đạt 19,7 nghìn tỷ đồng, gấp 3,9 lần; Doanh thu dịch vụ khác ước đạt 481,4 nghìn tỷ đồng, tăng 36,5% so với cùng kỳ năm trước.

b) Xuất nhập khẩu hàng hóa

Tính chung 10 tháng năm 2022, tổng kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa ước đạt 616,24 tỷ USD, tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước.

Xuất khẩu hàng hóa

Tính chung 10 tháng năm 2022, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước đạt 312,82 tỷ USD, tăng 15,9% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, khu vực kinh tế trong nước đạt 80,36 tỷ USD, tăng 13,4%, chiếm 25,7% tổng kim ngạch xuất khẩu; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) đạt 232,46 tỷ USD, tăng 16,8%, chiếm 74,3%.

Trong 10 tháng năm 2022 có 32 mặt hàng đạt kim ngạch xuất khẩu trên 1 tỷ USD, chiếm 92,8% tổng kim ngạch xuất khẩu (có 06 mặt hàng xuất khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 64,1%).

Về cơ cấu nhóm hàng xuất khẩu 10 tháng, nhóm hàng công nghiệp chế biến chiếm 89,1%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

Nhập khẩu hàng hóa

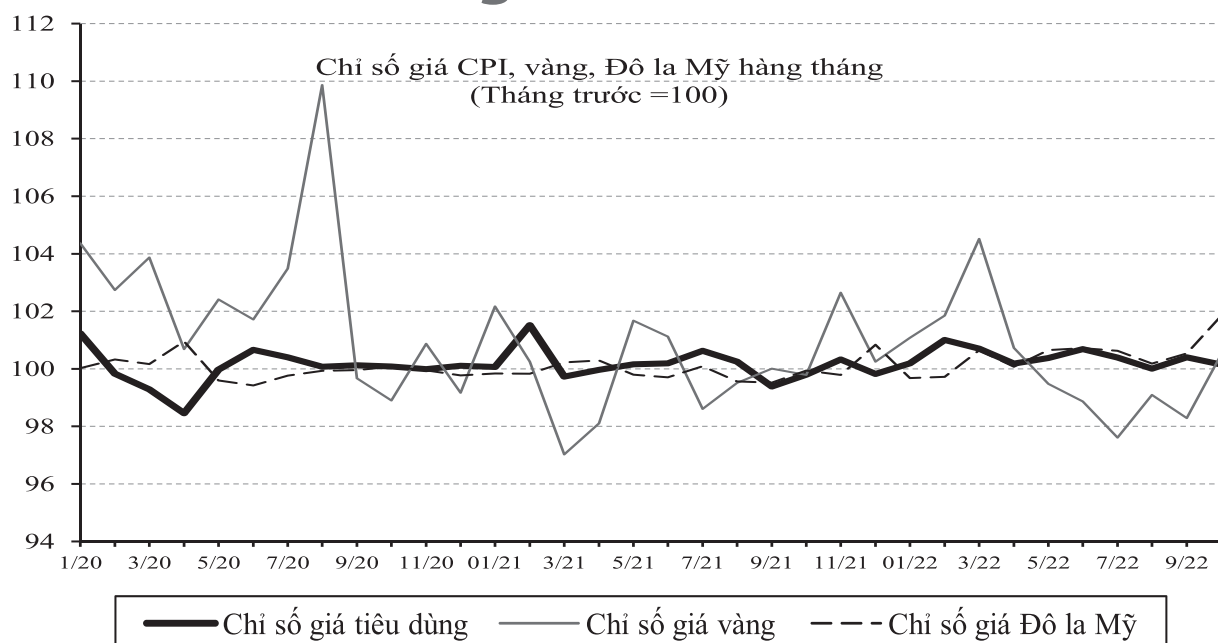
Tính chung 10 tháng năm 2022, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước đạt 303,42 tỷ USD, tăng 12,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó khu vực kinh tế trong nước đạt 105,28 tỷ USD, tăng 12,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài đạt 198,14 tỷ USD, tăng 12%.

Trong 10 tháng năm 2022 có 44 mặt hàng nhập khẩu đạt trị giá trên 1 tỷ USD, chiếm tỷ trọng 93% tổng kim ngạch nhập khẩu (có 04 mặt hàng nhập khẩu trên 10 tỷ USD, chiếm 52,7%).

Về cơ cấu nhóm hàng nhập khẩu 10 tháng năm 2022, nhóm hàng tư liệu sản xuất chiếm 93,7%, tăng 0,1 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm trước.

(Xem tiếp trang 43)

Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 10 năm 2022



Đơn vị tính: %

	CHỈ SỐ GIÁ THÁNG 10 NĂM 2022 SO VỚI				10 tháng năm 2022 so với cùng kỳ năm 2021
	Kỳ gốc năm 2019	Tháng 10 năm 2021	Tháng 12 năm 2021	Tháng 9 năm 2022	
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	109,44	104,30	104,16	100,15	102,89
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	114,56	105,13	105,13	100,13	102,03
1- Lương thực	111,55	102,41	101,81	100,13	102,35
2- Thực phẩm	114,22	105,02	105,28	100,10	100,95
3- Ăn uống ngoài gia đình	116,72	106,60	106,19	100,21	104,60
II. Đồ uống và thuốc lá	107,85	103,60	103,06	100,34	103,05
III. May mặc, mũ nón, giày dép	104,70	102,27	101,78	100,20	101,49
IV. Nhà ở và vật liệu xây dựng (*)	109,07	105,42	105,41	100,69	102,44
V. Thiết bị và đồ dùng gia đình	105,12	102,60	102,23	100,12	101,91
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	102,97	100,51	100,45	100,06	100,37
Trong đó: Dịch vụ y tế	102,48	100,06	100,05	100,01	100,04
VII. Giao thông	106,60	101,81	100,46	97,83	113,59
VIII. Bưu chính viễn thông	97,80	99,83	99,82	99,94	99,60
IX. Giáo dục	115,55	110,64	112,15	102,35	99,84
Trong đó: Dịch vụ giáo dục	116,33	111,52	113,28	102,64	99,39
X. Văn hoá, giải trí và du lịch	103,38	104,85	104,71	100,06	102,73
XI. Hàng hoá và dịch vụ khác	108,26	103,11	102,71	100,23	102,21
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	142,49	104,80	101,84	100,50	106,08
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	103,77	105,42	104,76	101,84	101,17

(*) Nhóm này bao gồm: tiền thuê nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI TÂY NGUYÊN

ĐẾN NĂM 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

Thu Hòa

Nghị quyết số 23-NQ/TW ngày 06/10/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã cho thấy những quyết tâm và mục tiêu phát triển vùng Tây nguyên nhanh và bền vững trong những năm tới.

Vùng Tây Nguyên có 5 tỉnh gồm: Kon Tum, Gia Lai, Đắk Lắk, Đắk Nông và Lâm Đồng với diện tích tự nhiên là 54.548 km², chiếm 1/6 diện tích tự nhiên của cả nước; với khí hậu, thổ nhưỡng và nhiều tài nguyên, khoáng sản quý hiếm. Tây Nguyên hiện có gần 6 triệu người, với tất cả 53/53 dân tộc anh em cả nước, trong đó có 52 dân tộc thiểu số, với gần 2,2 triệu người, chiếm hơn 37,5% dân số toàn vùng; lâu đời và đông nhất là đồng bào Ê đê, M'nông, Giarai, Bana...

Với khí hậu thuận lợi cho phát triển cây ăn quả, cây công nghiệp, cây lâm nghiệp, cây dược liệu chất lượng cao, sản lượng lớn và khả năng cạnh tranh như cà phê, hồ tiêu, bơ, sầu riêng, cao su, sắn, gỗ, sâm Ngọc Linh... Tây Nguyên hiện đã là một trong những trung tâm sản xuất nông sản hàng hóa lớn của cả nước, dồi dào về sản lượng, phong phú về chủng loại nông sản. Nhiều nông sản của vùng đất này hiện dẫn đầu cả nước về sản lượng như: Cà phê (651.000 ha, chiếm 91%

diện tích cà phê cả nước), hồ tiêu (82.000 ha, chiếm 64%), bơ (15.000 ha, chiếm 78%), chanh leo (6.700 ha, chiếm 70%)... Năm 2021, mặc dù gặp nhiều khó khăn song nông nghiệp Tây Nguyên vẫn phát triển ấn tượng, thị trường cà phê, hồ tiêu, cao su phục hồi mạnh mẽ, giá trị xuất khẩu tăng hơn 20% so với cùng kỳ năm 2020. Nền tảng của nông nghiệp Tây Nguyên tiếp tục được củng cố với hàng loạt dự án lớn trong các lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi, chế biến. Hiện khu vực Tây Nguyên có 141 chuỗi liên kết an toàn thực phẩm với nhiều sản phẩm đặc trưng như cà phê, mắc ca, mật ong...; 583 sản phẩm OCOP (chương trình mỗi xã một sản phẩm) được công nhận.

Không chỉ phát triển đa dạng về các sản phẩm nông nghiệp, du lịch Tây Nguyên có tiềm năng, lợi thế phát triển do có vị trí nằm ở khu vực ngã ba biên giới Việt Nam-Lào-Campuchia, tiếp giáp với các vùng Bắc Trung Bộ, Duyên hải Nam Trung Bộ và Đông Nam Bộ, Tây Nguyên có điều kiện

thuận lợi để mở rộng giao lưu phát triển du lịch với nhiều vùng trong cả nước và quốc tế. Thời gian qua du lịch Tây Nguyên đã có bước phát triển khá, hình thành các chuỗi phát triển du lịch liên vùng, đang trở thành vùng du lịch sinh thái - văn hoá có sức hấp dẫn. Cùng với đó là giá trị văn hoá các dân tộc được bảo tồn, kế thừa và phát huy, một số di tích văn hoá lịch sử được tu bổ, tôn tạo. Không gian văn hoá Cồng chiêng Tây Nguyên được UNESCO công nhận là kiệt tác truyền khẩu và di sản văn hoá phi vật thể của nhân loại.

Ngoài ra, hệ thống giáo dục, đào tạo tại Tây Nguyên cũng đã được quan tâm đầu tư, mạng lưới y tế từng bước được củng cố. Công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên, đa dạng sinh học và bảo vệ nguồn nước ngày càng được chú trọng. Các chương trình mục tiêu quốc gia được triển khai thực hiện có hiệu quả, góp phần cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của người dân, nhất là đồng bào dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa...

Theo thống kê, quy mô kinh tế của vùng những năm qua tăng nhanh, năm 2020 gấp hơn 14 lần năm 2002 và 3,1 lần năm 2010. Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) bình quân giai đoạn 2002 - 2020 đạt gần 8%/năm, tốc độ tăng trưởng của các khu vực kinh tế đều cao nhất so với các vùng. GRDP bình quân đầu người năm 2020 đạt trên 48 triệu đồng, gấp 10,6 lần năm 2002.

Mặc dù vùng Tây Nguyên đã có những đổi thay trong phát triển kinh tế-xã hội, song theo đánh giá Tây Nguyên vẫn còn những hạn chế. Sự phát triển của vùng chưa tương xứng với tiềm năng, lợi thế, tăng trưởng kinh tế còn chưa bền vững, có xu hướng chậm lại. Đây cũng là vùng có GRDP bình quân đầu người ở mức thấp nhất trong 6 vùng kinh tế - xã hội. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài rất thấp. Kết quả giảm nghèo chưa bền vững, số hộ nghèo, cận nghèo lớn, nguy cơ tái nghèo còn cao; khoảng cách giàu - nghèo giữa các nhóm dân tộc chậm được thu hẹp; tỉ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới còn thấp... Giáo dục, đào tạo chuyển biến chậm; chất lượng nguồn nhân lực, năng suất lao động thấp. Công tác chăm sóc sức khỏe, dịch vụ y tế cơ bản còn thấp so với mức trung bình cả nước. Chỉ số phát triển con người (HDI) thấp nhất cả nước...

Đặc biệt, nhiều di sản văn hoá dân tộc tại vùng Tây Nguyên hiện đang đứng trước nguy cơ bị mai một, công tác bảo tồn và phát triển còn nhiều hạn chế. Ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo trong nông nghiệp chưa được chú trọng. Liên kết nội vùng và liên vùng chưa chặt chẽ, còn hình thức. Mạng lưới kết cấu hạ tầng vùng, liên vùng thiếu và yếu, nhất là hạ tầng chiến lược (giao thông, y tế, giáo dục, hạ tầng số) chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển...

Trước những hạn chế, bất cập trong phát triển kinh tế-xã hội toàn vùng, Đảng, Nhà nước ta đã xác định trong thời gian tới việc đẩy mạnh phát triển Tây Nguyên nhanh, bền vững là nhiệm vụ xuyên suốt, trọng tâm, có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển của các địa phương trong vùng và cả nước. Theo đó, ngày 06/10/2022 Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 23-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế-xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Nghị quyết đề ra một số chỉ tiêu đến năm 2030: Tốc độ tăng trưởng GRDP bình quân giai đoạn 2021 - 2030 đạt khoảng 7 - 7,5%. Đến năm 2030, GRDP bình quân đầu người đạt khoảng 130 triệu đồng, tương đương 5.000 USD; tỷ trọng khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm khoảng 29,5% trong GRDP; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm khoảng 26,9%; khu vực dịch vụ chiếm khoảng 38%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp khoảng 5,6%; tỷ trọng kinh tế số khoảng 25 - 30% GRDP. Tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới khoảng 85%, trong đó tỷ lệ xã đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao khoảng 50%.

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm 1,0 - 1,5%/năm. Tỷ lệ hộ nghèo trong đồng bào dân tộc thiểu số giảm trên 3%/năm. Tỷ lệ cơ sở giáo dục đạt chuẩn quốc gia với giáo dục mầm non khoảng 60%; tiểu học khoảng 65%, THCS khoảng 75% và THPT đạt khoảng 60%. Đạt 32 giường bệnh và 11 bác sĩ trên 10.000 dân. Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế 90%.

Tầm nhìn đến năm 2045: Tây Nguyên trở thành vùng phát triển bền vững, có nền kinh tế xanh, tuần hoàn; một số tỉnh trong vùng thuộc nhóm phát triển khá

của cả nước. Hệ sinh thái rừng được bảo tồn và phát triển; hình thành một số khu du lịch chất lượng cao, điểm đến hấp dẫn của du khách trong và ngoài nước. Hình thành các vùng sản xuất lớn về cây công nghiệp, cây ăn quả, rau, hoa và trung tâm năng lượng tái tạo của cả nước. Hệ thống kết cấu hạ tầng hiện đại, đồng bộ. Phát triển hài hoà giữa kinh tế với văn hoá, xã hội, bảo vệ môi trường và quốc phòng, an ninh; người dân có cuộc sống ấm no, hạnh phúc. Bản sắc văn hoá được phát huy và trở thành nền tảng để phát triển. Quốc phòng, an ninh, trật tự, an toàn xã hội được bảo đảm vững chắc.

Để triển khai và thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 Nghị quyết 23-NQ/TW đã đề ra một số nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu:

Trong phát triển kinh tế vùng: Đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế vùng, lấy phát triển nông, lâm nghiệp là trọng tâm, trụ đỡ; phát triển công nghiệp chế biến là động lực; phát triển du lịch là đột phá. Chuyển dịch cơ cấu kinh tế vùng theo hướng kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng nâng cao hiệu quả dựa trên công nghệ cao, chuyển đổi số và giá trị gia tăng cao.

Phát triển kinh tế nông nghiệp hiệu quả cao, sinh thái, hữu cơ, quy mô lớn gắn với vùng chuyên canh và thích ứng với biến đổi khí hậu. Tập trung phát triển các cây ăn quả chủ lực (sầu riêng, bơ, chanh leo, chôm chôm, mít,...), cây công nghiệp (cà phê, cao su, điều, hồ tiêu, chè), cây dược liệu, rau, hoa, chăn nuôi gia súc bảo đảm môi trường và gắn với công nghiệp chế biến. Phát triển thủy sản nước lạnh (cá hồi, cá tầm)

có giá trị kinh tế cao và nuôi lồng bè ở vùng lòng hồ các công trình thủy lợi, thủy điện trên lưu vực Sông Sêsan, Sông Srêpôk, Sông Ba và hệ thống sông Đồng Nai.

Phát triển kinh tế lâm nghiệp, nâng cao đời sống của người làm nghề rừng. Chú trọng phục hồi, bảo vệ và phát triển rừng; bảo vệ nghiêm ngặt các diện tích rừng tự nhiên hiện có, đặc biệt là rừng phòng hộ, rừng đặc dụng; cải tạo trồng rừng thay thế đối với các diện tích rừng nghèo kiệt, kém chất lượng...

Ưu tiên phát triển bền vững công nghiệp khai thác, chế biến bauxit, alumin, công nghiệp chế biến nhôm và các sản phẩm từ nhôm; phát triển ngành cơ khí phục vụ cho sản xuất nông nghiệp, công nghiệp chế biến nông, lâm sản.

Phát triển các ngành dịch vụ, du lịch, logistics của vùng dựa trên nền tảng số theo hướng nâng cao chất lượng và đa dạng hoá các loại hình dịch vụ với trọng tâm là du lịch sinh thái, du lịch văn hoá, gắn với phát triển nông nghiệp, hệ thống logistics thông minh và kinh tế cửa khẩu, nhất là các cửa khẩu quốc tế.

Đẩy mạnh ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học - công nghệ, đổi mới công nghệ; chủ động nghiên cứu và ứng dụng công nghệ cao, công nghệ sạch, công nghệ số, công nghệ sinh học, giống cây trồng vật nuôi, các mô hình nông nghiệp hiệu quả cao, sản xuất sạch và an toàn. Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin, hạ tầng số; xây dựng dữ liệu vùng phục vụ cho hoạt động chính quyền số, kinh tế số, xã hội số và liên kết vùng.

Tăng cường quản lý và bảo vệ môi trường, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu; sử dụng hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả các nguồn

tài nguyên thiên nhiên, nhất là tài nguyên nước.

Tổ chức mạng lưới đô thị dựa trên ba trung tâm đô thị động lực. Thúc đẩy liên kết đô thị, chú trọng hình thành các đô thị vệ tinh hỗ trợ các chức năng phát triển với đô thị trung tâm. Từng bước hình thành một số đô thị biên giới với chức năng thương mại, dịch vụ gắn với lợi thế về cửa khẩu, kết nối giao thông quốc tế.

Phát triển văn hoá - xã hội và nguồn nhân lực, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân: Bảo tồn, phát huy các giá trị văn hoá, tín ngưỡng, tôn giáo, truyền thống tốt đẹp, các di tích lịch sử, văn hoá tiêu biểu các dân tộc Tây Nguyên; duy trì và xây dựng không gian công cộng trong buôn, làng dành cho hoạt động văn hoá cộng đồng gắn với nhà Rông, nhà dài, lễ hội Cồng chiêng...; Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng, sử dụng hiệu quả nguồn nhân lực, nhất là nhân lực đồng bào dân tộc thiểu số tại chỗ, coi đây là một trong những khâu đột phá cho sự phát triển nhanh và bền vững của vùng. Nâng cao chất lượng dịch vụ y tế chăm sóc và bảo vệ sức khỏe người dân. Tăng cường đào tạo, chuyển giao ứng dụng tiến bộ khoa học - công nghệ trong khám, chữa bệnh.

Phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, kết nối thuận lợi toàn vùng tới các cảng biển, cảng hàng không nội địa và quốc tế. Phát triển du lịch có trọng tâm, trọng điểm gắn với sinh thái và bảo vệ môi trường, hình thành các khu du lịch tâm cổ quốc gia và khu vực, tạo thương hiệu cho du lịch vùng. Tập trung thu hút đầu tư phát triển các khu, tuyến du lịch đặc thù và sản phẩm du lịch đặc sắc gắn với bản sắc văn hoá của vùng. Xây dựng các trung tâm dịch vụ du lịch lớn.

Ngoài ra, để phát triển nhanh và bền vững vùng Tây Nguyên thời gian tới cần tập trung hoàn thiện thể chế, chính sách liên kết vùng. Theo đó, tiếp tục nghiên cứu xây dựng và thể chế hoá cơ chế điều phối và kết nối phát triển vùng nhằm nâng cao hiệu quả các hoạt động liên kết nội vùng và với vùng Đông Nam Bộ và các tỉnh khu vực duyên hải Trung Bộ. Đẩy mạnh hợp tác Tiểu vùng Mê Công mở rộng, khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia; tham gia tích cực các hoạt động hợp tác trong khuôn khổ ASEAN và ASEAN với các đối tác, các nước trong khu vực và các định chế quốc tế khác. Hoàn thiện thể chế, tạo khuôn khổ pháp lý đồng bộ, tạo thuận lợi cho việc triển khai thực hiện các thoả thuận hợp tác trong khu vực Tam giác phát triển Việt Nam - Lào - Campuchia.

Xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch vùng Tây Nguyên và quy hoạch từng địa phương trong vùng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm tính liên kết, đồng bộ, thống nhất, hiệu quả và bền vững theo hướng xanh, tuần hoàn, giàu bản sắc dựa trên yếu tố đặc trưng là con người, văn hoá, thiên nhiên và truyền thống lịch sử gắn với bảo đảm vững chắc quốc phòng, an ninh của vùng.

Với tinh thần đổi mới tư duy phát triển, nhất là về liên kết vùng, tiểu vùng; cơ chế, chính sách đặc thù; phân bổ nguồn lực, nguồn nhân lực, tiềm năng, lợi thế; giải quyết các vấn đề trọng điểm quốc gia tại vùng; các vấn đề liên ngành, liên vùng, liên tiểu vùng... cũng như những mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp cụ thể tại Nghị quyết số 23-NQ/TW sẽ là kim chỉ nam cho quá trình xây dựng và phát triển vùng Tây Nguyên trong thời gian tới./

THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ VIỆT NAM TỪ GÓC NHÌN THẾ GIỚI VÀ KHU VỰC

Minh Hà

Sự bùng phát của đại dịch Covid-19 trong 2 năm 2020-2021 đã đẩy nền kinh tế Việt Nam vào vòng xoáy khó khăn chung cùng với kinh tế toàn cầu. Trong giai đoạn này, thương mại điện tử đã trở thành điểm sáng, đóng góp to lớn vào sức trụ của nền kinh tế, đồng thời khẳng định được giá trị đúng đắn, tính hiệu quả của tiến trình xây dựng nền kinh tế số.

Động lực tăng trưởng mạnh mẽ

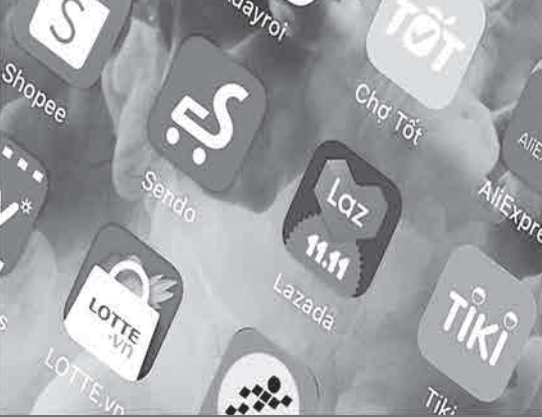
Từ góc nhìn thế giới, trong vài năm trở lại đây, TMĐT Việt Nam để lại nhiều ấn tượng về sự trỗi dậy nhờ tiềm năng tăng trưởng mạnh mẽ. Quy mô nền kinh tế internet của Việt Nam (gồm TMĐT, du lịch trực tuyến, vận tải và thực phẩm, nội dung nghe nhìn trực tuyến) ngày càng phát triển với động lực tăng trưởng chính là doanh thu từ hoạt động thương mại điện tử. Năm 2021, doanh thu từ TMĐT đóng góp 13 tỷ USD vào tổng doanh thu kinh tế internet của Việt Nam bên cạnh mức đóng góp 2,4 tỷ USD doanh thu vận tải và thực phẩm, 1,4 tỷ USD doanh thu du lịch trực tuyến và 3,9 USD doanh thu nội dung nghe nhìn trực tuyến. Google, Temasek và Brain & Company dự đoán đến năm 2025, trên bản đồ doanh thu kinh tế internet của khu vực ASEAN6 gồm Việt Nam, Indonesia, Philippines, Thái Lan, Malaysia, Singapore, doanh thu kinh tế internet của Việt Nam sẽ đạt 57 tỷ USD với đóng góp chính

từ doanh thu của hoạt động TMĐT, đứng thứ 2 khu vực, chỉ sau Indonesia.

Điều đó hoàn toàn có thể xảy ra bởi với tốc độ phát triển và ứng dụng công nghệ như hiện nay, Việt Nam có nhiều lợi thế và tiềm năng tạo động lực cho TMĐT phát triển. Việt Nam hiện đứng xấp xỉ mức trung bình toàn cầu về tỷ lệ người dùng internet hàng ngày có độ tuổi từ 16-64 mua sắm trực tuyến hàng tuần với 58,2% (toàn cầu có 58,4% người dùng internet mua sắm trực tuyến hàng tuần). Tỷ lệ này vượt qua cả một số quốc gia phát triển như Mỹ (57,8%), Úc (52,7%), Pháp (50,7%), Nhật Bản (48,2%), Đức (41,7). Bên cạnh đó, thời gian truy cập internet của người dùng Việt Nam trong độ tuổi 16-64 hàng ngày cũng được cho là khá nhiều với 6 giờ 38 phút, xấp xỉ với mức trung bình thế giới (6 giờ 58 phút), nhiều hơn Hàn Quốc (5 giờ 29 phút) và Đức (5 giờ 22 phút). Năm 2021, số lượng người tiêu dùng mua sắm trực tuyến của Việt Nam là 54,6 triệu người, con số này được dự tính

sẽ tăng lên và đạt từ 57-60 triệu người trong năm 2022 với giá trị mua sắm trực tuyến ước tính khoảng 260-285 USD; tỷ lệ người dân sử dụng internet đạt 75%.

Tại khu vực, Báo cáo “Đồng Nam Á, ngôi nhà cho sự chuyển đổi kỹ thuật số” của Facebook và Brain & Company cho thấy, khảo sát năm 2020, Việt Nam có 40% người tiêu dùng tham gia mua sắm trực tuyến, đứng đầu về tỷ lệ trong số các nước ASEAN7, cao hơn mức trung bình 33% của khu vực Đông Nam Á. Năm 2021, dù lùi lại vị trí thứ 2 với 49%, sau Singapore (53%), tỷ lệ người tiêu dùng mua sắm trực tuyến của Việt Nam vẫn cao hơn mức trung bình 45% của khu vực. Đại đa số người tiêu dùng mua sắm trực tuyến qua tìm kiếm thông tin trên mạng (94%) và phương tiện điện tử chủ yếu được sử dụng để đặt hàng trực tuyến là điện thoại di động (91%). Mặt khác, khảo sát cho thấy, quần áo, giày dép, mỹ phẩm; thiết bị đồ dùng gia đình; đồ công nghệ điện tử; sách, văn phòng phẩm, hoa, quà tặng; thực phẩm



KINH TẾ - XÃ HỘI

thương mại và dịch vụ của Việt Nam nói riêng và toàn cầu nói chung vẫn gặp rất nhiều khó khăn. Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, tăng trưởng kinh tế Việt Nam năm 2021 là điểm sáng của bức tranh kinh tế thế giới nhưng với mức tăng 2,58% vẫn là mức tăng thấp nhất trong vòng 30 năm qua. Tăng trưởng âm của một số ngành dịch vụ chiếm tỷ trọng lớn đã làm giảm mức tăng chung của khu vực dịch vụ và toàn bộ nền kinh tế. Trong đó ngành bán buôn, bán lẻ giảm 0,21% so với năm trước, làm giảm 0,02 điểm phần trăm trong tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm của toàn nền kinh tế; ngành vận tải kho bãi giảm 5,02%, làm giảm 0,3 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm mạnh 20,81%, làm giảm 0,51 điểm phần trăm.

Tuy nhiên trong bối cảnh đó, thương mại điện tử (TMĐT) vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định ở mức 16%, doanh thu bán lẻ đạt 13,7 tỷ USD; tỷ trọng doanh thu bán lẻ thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng cả nước đạt 7%, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2020. Bước sang năm 2022, thương mại và dịch vụ của Việt Nam có sự phục hồi mạnh mẽ. Một số ngành dịch vụ thị trường tăng cao, đóng góp nhiều vào tốc độ tăng tổng giá trị tăng thêm toàn nền kinh tế. Theo đó, ngành bán buôn, bán lẻ tăng 10,24% so với cùng kỳ năm trước, đóng góp 1 điểm phần trăm; ngành vận tải kho bãi tăng 14,2%, đóng góp 0,83 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống tăng cao nhất trong khu vực dịch vụ với mức tăng 41,7%, đóng góp 0,81 điểm phần trăm. Dự kiến tăng trưởng thương mại điện tử Việt Nam năm 2022 sẽ đạt 20%; doanh số bán lẻ đạt 16,4 tỷ USD;

là những mặt hàng có tỷ lệ mua sắm cao nhất. Đây cũng là những hàng hóa nhu yếu phẩm thiết yếu, thường xuyên sử dụng nên có tần suất giao dịch khá cao.

Nhờ có cách chính sách quản lý, nhất là quản lý thương mại điện tử xuyên biên giới nên tỷ lệ người tiêu dùng mua hàng qua các website nước ngoài cũng có xu hướng tăng lên, từ 36% năm 2020 lên 43% năm 2021. Qua đó có thể thấy, người tiêu dùng Việt Nam đã mạnh dạn, tự tin hơn khi tham gia vào các giao dịch thương mại xuyên biên giới, đồng thời cũng cho thấy tính cạnh tranh ngày càng gia tăng đối với các doanh nghiệp bán hàng trực tuyến cả trong và ngoài nước. Các hình thức TMĐT xuyên biên giới được thực hiện trong năm 2021 gồm có mua bán trực tiếp trên website quốc tế, thông qua website Việt Nam mua hộ hàng quốc tế và thông qua người bán trung gian trên mạng xã hội. Trong đó, tỷ lệ người dùng có mua hàng trực tiếp qua các website quốc tế là 56%, thông qua website Việt Nam mua hộ hàng quốc tế là 41%

và thông qua người bán trung gian trên mạng xã hội là 47%.

Uy tín của các sàn giao dịch TMĐT Việt Nam cũng ngày càng được nâng lên khi người tiêu dùng sử dụng sàn giao dịch TMĐT của Việt Nam để thực hiện giao dịch mua bán hàng hóa với người bán nước ngoài tăng từ 41% năm 2020 lên 57% năm 2021. Đây cũng là tiêu chí người tiêu dùng quan tâm nhất khi tham gia mua sắm trực tuyến. Ngoài ra, lý do người tiêu dùng lựa chọn mua hàng của người bán nước ngoài trên sàn giao dịch TMĐT Việt Nam là do giá cả rẻ hơn, chất lượng sản phẩm tốt hơn hàng hóa có thương hiệu nước ngoài, chỉ có thương nhân nước ngoài bán loại hàng hóa đó. Có tới 21% người mua hàng trực tuyến đánh giá rất hài lòng về kết quả mua bán trực tuyến của mình, 44% hài lòng, 33% bình thường và chỉ có 2% không hài lòng, giảm sâu so với mức 7% không hài lòng của năm 2020.

Hệ thống khuôn khổ pháp lý và quản lý dần được hoàn thiện

Tiếp nối ảnh hưởng của dịch bệnh, năm 2021, hoạt động

tỷ trọng doanh thu bán lẻ thương mại điện tử trong tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng được kỳ vọng từ 7,2-7,8%.

Có thể nói những tháng đầu năm 2022, bên cạnh sức kéo của quá trình phục hồi kinh tế, hoạt động thương mại điện tử Việt Nam phát triển một cách tự tin và mạnh mẽ, trở thành điểm sáng của khu vực và thế giới là nhờ các chính sách, khung khổ pháp lý có hiệu lực kể từ đầu năm 2022. Khung pháp lý cho hoạt động thương mại điện tử ngày càng được hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu phát triển. Điển hình là Nghị định số 85/2021/NĐ-CP (Nghị định 85) ngày 25/9/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 52/2013/NĐ-CP ngày 16/5/2013 của Chính phủ về thương mại điện tử chính thức có hiệu lực. Nghị định 85 đã thể hiện được tính ưu việt hơn hẳn, làm căn cứ pháp lý cho hoạt động TMĐT với 5 điểm mới, đó là: (1) Thu hẹp đối tượng thực hiện thủ tục hành chính, cụ thể chỉ website TMĐT bán hàng có chức năng đặt hàng trực tuyến mới phải thực hiện thủ tục hành chính thông báo; (2) Minh bạch thông tin hàng hóa, dịch vụ được giới thiệu trên website; (4) Quy định cụ thể các hình thức hoạt động của sàn giao dịch TMĐT; (5) Các quy định về TMĐT có yếu tố nước ngoài. Bên cạnh đó, Bộ Công thương đã ban hành Thông tư số 01/2022/TT-BCT ngày 18/01/2022 để hướng dẫn chi tiết một số quy định mới tại Nghị định 85 như: Nguyên tắc thông báo, đăng ký website TMĐT; Phương thức báo cáo của thương nhân, tổ chức đã đăng ký website cung cấp dịch vụ TMĐT; Hoạt động cung cấp dịch vụ chứng thực hợp đồng điện tử. Thêm vào đó là Nghị định số 17/2022/NĐ-CP ngày 31/01/2022

của Chính phủ sửa đổi một số nội dung về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực hoạt động TMĐT quy định tại Nghị định số 98/2020/NĐ-CP ngày 26/08/2020 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong hoạt động thương mại, sản xuất, buôn bán hàng giả, hàng cấm và bảo vệ người tiêu dùng.

Cùng với các chính sách pháp lý, công tác quản lý hoạt động TMĐT cũng mang lại hiệu quả tích cực. Theo Cục TMĐT và Kinh tế số (Bộ Công thương), số lượng hồ sơ thông báo được tiếp nhận trên Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT đã tăng mạnh từ 56,23 nghìn hồ sơ năm 2019 (năm trước khi dịch bệnh diễn ra) lên tới 86,47 nghìn hồ sơ năm 2021; từ 4,9 nghìn hồ sơ đăng ký năm 2019 lên 8,4 nghìn hồ sơ năm 2021. Số lượng website/ứng dụng TMĐT đã được Bộ Công thương xác nhận thông báo tăng từ 29,37 nghìn lên 43,41 nghìn; tương tự, số lượng website/ứng dụng được xác nhận đăng lý tăng từ 1,19 nghìn lên 1,44 nghìn.

Với sự gia tăng các đối tượng tham gia vào hoạt động TMĐT, việc giải quyết các vấn đề khiếu nại cũng được thực hiện chặt chẽ nhằm đảm bảo môi trường hoạt động lành mạnh, bảo vệ quyền lợi của người tiêu dùng, góp phần tạo niềm tin và là động lực tăng trưởng của toàn ngành. Năm 2021, có đến 79,6% phản ánh, khiếu nại trên Cổng thông tin quản lý hoạt động TMĐT là về vấn đề chưa đăng ký, chưa thông báo; 10,7% phản ánh, khiếu nại về giả mạo thông tin đăng ký; 4% khiếu nại, phản ánh về kinh doanh hàng giả, hàng cấm; 2,3% về mạo danh, giả mạo website hoặc thương nhân, tổ chức khác; 1,7% về giải mạo thông tin

đăng ký trên Website TMĐT; 1,1% về kinh doanh, tiếp thị cho dịch vụ TMĐT theo hình thức đa cấp. Điều này cho thấy các chính sách về TMĐT đã dần tạo được niềm tin của người tiêu dùng.

Với sự hoàn thiện của hệ thống chính sách, hành lang pháp lý thông thoáng đã giúp TMĐT Việt Nam tăng trưởng mạnh mẽ, của góp sức không nhỏ vào phục hồi kinh tế đất nước sau đại dịch và thu hút ngày càng nhiều doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực này. Có tới 55% doanh nghiệp đánh giá mức độ quan trọng và rất quan trọng của việc đầu tư vào hạ tầng công nghệ thông tin và TMĐT. Doanh nghiệp cũng rất lạc quan khi có tới 53% doanh nghiệp cho rằng đầu tư hạ tầng công nghệ thông tin và TMĐT trong hoạt động sản xuất kinh doanh là hiệu quả và rất hiệu quả, 43% doanh nghiệp cho rằng hiệu quả là tương đối. Các doanh nghiệp cũng ưu tiên tuyển dụng nhân sự được đào tạo về công nghệ thông tin và thương mại điện tử. Mặc khác, với các chính sách phát triển Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số và nền kinh tế số như hiện nay, có 72% doanh nghiệp sử dụng chữ ký điện tử, 73% doanh nghiệp có sử dụng hóa đơn điện tử, 42% doanh nghiệp có sử dụng hợp đồng điện tử cũng là động lực để phát triển quy mô các giao dịch TMĐT, góp phần tăng trưởng doanh số của ngành.

Có thể nói, TMĐT Việt Nam đang ngày càng chứng tỏ được vai trò to lớn đối với nền kinh tế số, đóng góp ngày càng sâu rộng vào ngành thương mại, dịch vụ. Sự phát triển mạnh mẽ cùng những tiềm năng chưa khai thác sẽ là động lực để TMĐT Việt Nam khẳng định được chỗ đứng trên bản đồ TMĐT thế giới và khu vực./.

GIẢI NGÂN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG NHỮNG THÁNG CUỐI NĂM 2022: BÚT TỐC CHẶNG NƯỚC RÚT

Thu Hoàng

Quý III năm 2022 đã kết thúc nhưng theo báo cáo từ Bộ Tài chính, tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư của cả nước mới đạt 42,16% kế hoạch và đạt 46,7% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. Như vậy, gánh nặng giải ngân hết kế hoạch vốn được giao vào những tháng còn lại của năm là rất lớn. Tuy nhiên, với sự vào cuộc quyết liệt của Chính phủ, các địa phương đang quyết tâm đẩy nhanh tiến độ giải ngân nguồn vốn đầu tư trong những tháng cuối năm.

Chính phủ đốc thúc

Tình trạng giải ngân chậm đã ảnh hưởng rất lớn đến quá trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Trước thực trạng này, ngày 15/9/2022, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 124/NQ-CP thúc đẩy giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2022. Nghị quyết đặt mục tiêu phấn đấu tỷ lệ giải ngân vốn đầu tư nguồn ngân sách nhà nước (NSNN) năm 2022 đạt 95 - 100% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao; giải ngân 100% vốn ngân sách địa phương; giải ngân tối thiểu 50% vốn Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội được giao trong năm 2022.

Với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, tiến độ giải ngân của cả nước đã có sự chuyển biến trong tháng 8 và 9. Kết thúc 8 tháng, tỷ lệ giải ngân của cả nước mới đạt 39,15% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao, nhưng bước sang tháng 9, chỉ trong vòng 1 tháng, tiến độ giải ngân tháng 9 đạt 40,9 nghìn tỷ đồng, gấp 1,5 lần so với mức giải ngân bình quân 1 tháng trong

Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công phải đi đôi với bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công

Chỉ thị số 19/CT- TTg xác định việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm của năm 2022 và năm 2023, nhằm thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, thực hiện cao nhất các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội hai năm 2022-2023. Đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công phải đi đôi với bảo đảm chất lượng công trình và hiệu quả sử dụng vốn đầu tư công.

Nỗ lực, quyết tâm hành động cao nhất để hoàn thành các mục tiêu giải ngân vốn đầu tư công đã đề ra; khắc phục được những khó khăn, vướng mắc trong thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công; phát huy dân chủ, sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị, chỉ đạo quyết liệt, đồng bộ hơn, có giải pháp phù hợp với tình hình thực tế và yêu cầu công việc.

8 tháng đầu năm là 26,5 nghìn tỷ đồng. Tuy nhiên, so với lượng vốn cần giải ngân thì hiện tỷ lệ này vẫn đang ở mức thấp.

Không chỉ việc giải ngân vốn đầu tư công chậm mà việc giải ngân 3 chương trình mục tiêu quốc gia (CTMTQG) cũng đang rất chậm. Theo đó, ngày 17/10 vừa qua, Thủ tướng Chính phủ tiếp tục có Chỉ thị số 19/CT- TTg về đẩy nhanh

tiến độ giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện 3 CTMTQG những tháng còn lại năm 2022 và nâng cao chất lượng xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2023.

Chỉ thị nêu rõ, để tiếp tục thúc đẩy phục hồi và tăng trưởng kinh tế nhanh, bền vững nhằm hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và đầu tư công

năm 2022 (mục tiêu giải ngân năm 2022 từ 95% - 100%) và cả giai đoạn 2021-2025, việc đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công, thực hiện 3 CTMTQG những tháng cuối năm 2022 và những năm sau là một trong những nhiệm vụ, giải pháp rất quan trọng, cần ưu tiên tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện.

Đặc biệt là trong 2 năm 2022 - 2023, phải giải ngân số vốn lớn hơn các năm trước (ngoài kế hoạch vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025, còn có thêm phần vốn đầu tư công từ Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội).

Các địa phương chạy nước rút

Trước quyết tâm của Chính phủ, cùng với thời gian từ nay đến cuối năm không còn nhiều, các địa phương đang chạy nước rút và đều đặt ra mục tiêu đến hết năm sẽ giải ngân hết nguồn vốn hoặc giải ngân đạt tỷ lệ cao nhất so với kế hoạch vốn được giao.

Theo báo cáo của Bộ Kế hoạch và Đầu tư, tính đến hết tháng 9/2022, có 2 cơ quan Trung ương và 10 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt trên 70% kế hoạch Thủ tướng Chính phủ giao. 39/51 bộ, cơ quan Trung ương và 22/63 địa phương có tỷ lệ giải ngân đạt dưới mức trung bình của cả nước (46,70%),

trong đó, 14 bộ, cơ quan Trung ương và một địa phương có tỷ lệ giải ngân dưới 20%.

Hà Nội và TP.HCM là 2 địa phương được giao vốn lớn trong kế hoạch vốn đầu tư công năm 2022 với hơn 100.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, đây cũng là 2 địa phương có tỷ lệ giải ngân thấp, do đó cần tiếp tục tháo gỡ khó khăn, đẩy nhanh giải ngân, thì mới hoàn thành được kế hoạch chung của cả nước.

Tại Hà Nội, đến hết tháng 9 vừa qua, thành phố mới giải ngân được hơn 17.170 tỷ đồng, đạt 33,6% kế hoạch. Trong vấn đề giải ngân vốn đầu tư công, Thành phố gặp 4 điểm nghẽn, nút thắt. Thứ nhất là khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng, trọng tâm là việc xác định nguồn gốc đất, xác định giá đất, người dân chưa đồng thuận với phương án bồi thường. Thứ hai là khó khăn do biến động giá nguyên, nhiên, vật liệu. Thứ ba, dự án ODA có rất nhiều khó khăn, vướng mắc. Thứ tư, việc hoàn thiện thủ tục đầu tư một số dự án còn chậm do vướng mắc trong thực hiện chỉ giới đường đỏ, quy hoạch, tuân thủ quy định chuyên ngành.

Trước tình hình này, HĐND Thành phố đã thông qua Đề án phân cấp quản lý nhà nước, ủy quyền trên địa bàn Thành phố.

Đây là cơ sở rất quan trọng, có tính chiến lược lâu dài để Thành phố thực hiện giảm đầu mối, tăng nấc, tăng tính chủ động cho cấp cơ sở; với tinh thần cấp nào sát thực tế hơn, giải quyết kịp thời và phục vụ tốt hơn yêu cầu của tổ chức, người dân thì giao cấp đó thực hiện. Những tháng cuối năm 2022, UBND Thành phố tập trung triển khai thực hiện Đề án để góp phần đẩy nhanh giải ngân đầu tư công.

UBND TP cũng yêu cầu các chủ đầu tư căn cứ năng lực hiện có và các điều kiện thực hiện, có văn bản cam kết thực hiện công tác giải ngân vốn năm 2022. Theo báo cáo từ UBND TP. Hà Nội, đến nay, toàn bộ các chủ đầu tư đã có văn bản cam kết giải ngân với Thành phố. Đồng thời, phân công các đồng chí Thường vụ Thành ủy theo địa bàn, lĩnh vực phụ trách trực tiếp chỉ đạo, đôn đốc công tác giải ngân vốn đầu tư công; phấn đấu tỷ lệ giải ngân toàn Thành phố đạt 93,2% kế hoạch vốn được giao.

TP. Hồ Chí Minh cũng đang đứng trong danh sách các địa phương có tỷ lệ giải ngân thấp so với trung bình của cả nước khi hết tháng 9/2022 mới giải ngân được 10.877 tỷ đồng trong tổng số 37.997 tỷ đồng, đạt tỷ lệ 25%.

Một trong những nguyên nhân giải ngân vốn đầu tư tại TP.HCM chậm đó là khó khăn trong công tác giải phóng mặt bằng. Trong đó, một số dự án tồn tại chục năm nay, ảnh hưởng lớn đến công tác đầu tư và giải ngân. Tuy nhiên, vừa qua, TP.HCM đã tập trung nhiều giải pháp quyết liệt, nhiều dự án giao thông tồn tại cả chục năm đã được khởi động trở lại.

Bên cạnh đó, TP.HCM cũng lập tổ công tác chuyên về giải phóng mặt bằng để tập trung các địa bàn có khối lượng lớn và phức tạp như



TP. Thủ Đức và một số quận huyện. Dự kiến, đến tháng 10/2022 sẽ cơ bản tháo gỡ được giải phóng mặt bằng trên 90% để phục vụ triển khai các dự án.

Một nguyên nhân nữa, đó là giá cả vật liệu xây dựng, nhân công, xe, máy móc... làm cho các nhà thầu thi công phải hoạt động cầm chừng. Lãnh đạo TP.HCM đã gặp từng nhà thầu cụ thể trong từng dự án để tháo gỡ, thuyết phục. Bên cạnh đó, thủ tục đầu tư các dự án ODA cần phải điều chỉnh dự án, điều chỉnh thời gian thực hiện, bố trí vốn, ký kết hiệp định vay mất nhiều thời gian.

UBND TP. Hồ Chí Minh dự kiến, đến cuối tháng 11 và 12 năm nay nhiều dự án có khả năng giải ngân hết kế hoạch vốn được giao.

Bên cạnh Hà Nội và TP. HCM, nhiều địa phương khác cũng đang quyết tâm phấn đấu hoàn thành ở mức cao nhất nhiệm vụ về giải ngân vốn đầu tư công đã được Chính phủ đề ra tại Nghị quyết số 124/NQ-CP và Chỉ thị 19/CT-TTg.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công

Thủ tướng yêu cầu các bộ, cơ quan trung ương và địa phương thực hiện quyết liệt, đồng bộ các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đã đề ra tại Nghị quyết số 01/NQ-CP ngày 08 tháng 01 năm 2022, Nghị quyết số 124/NQ-CP ngày 15 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ; các Nghị quyết phiên họp thường kỳ của Chính phủ và các văn bản chỉ đạo của lãnh đạo Chính phủ về giải ngân vốn đầu tư công năm 2022.

Tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải ngân vốn đầu tư công; tập trung đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt bằng, tiến độ thi công, tháo gỡ các khó khăn vướng mắc về đất đai, tài nguyên...; thực hiện tạm ứng, nghiệm thu, thanh toán, thu hồi tạm ứng vốn đầu tư theo đúng quy định và ngay khi có khối lượng; chủ động rà soát điều chuyển vốn theo thẩm quyền giữa các dự án chậm giải ngân sang các dự án có khả năng giải ngân tốt hơn, còn thiếu vốn theo quy định...

Với sự chỉ đạo quyết liệt của Chính phủ cùng các giải pháp đặt ra để thực hiện từ nay đến cuối năm, các địa phương đang kỳ vọng sẽ cải thiện được tiến độ giải ngân để đạt kết quả cao nhất khi kết thúc năm ngân sách, góp phần đưa tỷ lệ giải ngân cả năm 2022 đạt 95-100% như mục tiêu mà Chính phủ đặt ra./.

THỊ TRƯỜNG GIÁO DỤC VIỆT NAM HẤP DẪN CÁC NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI

Kim Hải

Giao dục đóng vai trò quan trọng, tạo ra nguồn nhân lực có trình độ đáp ứng nhu cầu phát triển nền kinh tế đất nước. Do đó, Việt Nam xác định rõ giáo dục là quốc sách hàng đầu, phát triển giáo dục là một trong những khâu đột phá để thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021-2030. Trong quá trình hội nhập quốc tế, ngành giáo dục Việt Nam đã và đang thu hút đáng kể nguồn vốn từ các nhà đầu tư nước ngoài, đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong giáo dục,



góp phần đào tạo nhiều thế hệ công dân toàn cầu.

Theo số liệu báo cáo của Bộ Giáo dục và Đào tạo tại hội nghị “Hợp tác và đầu tư trong giáo dục 2022” được tổ chức vào tháng 9 mới đây cho thấy, năm học 2020-2021, Việt Nam đã thiết lập được mạng lưới hơn 3.800 cơ sở giáo dục ngoài công lập phủ rộng cả nước, trong đó số lượng cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài chiếm 17%, tập trung chủ yếu tại các thành phố trực thuộc Trung ương và các tỉnh thu hút nhiều doanh nghiệp nước ngoài như Bình Dương, Bà Rịa - Vũng Tàu, Khánh Hòa...

Riêng ở bậc đại học, Việt Nam hiện có hơn 400 chương trình liên kết đào tạo quốc tế đang được giảng dạy tại 44 cơ sở giáo dục, trong đó bao gồm 5 cơ sở giáo dục đại học có vốn đầu tư nước ngoài. Đứng đầu các quốc gia và vùng lãnh thổ có nhiều chương trình liên kết đào tạo với Việt Nam là Vương quốc Anh (101 chương trình), Hoa Kỳ (59 chương trình), Cộng hòa Pháp (53 chương trình), Úc (37 chương trình), Hàn Quốc (27 chương trình).

Bên cạnh đó, cả nước có trên 170 cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài ở các cấp học mầm non, phổ thông đã được thành lập. Hơn 200 cơ sở đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn có vốn đầu tư nước ngoài đã góp phần bồi dưỡng, nâng cao trình độ ngoại ngữ, tin học, chuyên môn, nghiệp vụ cho học sinh, sinh viên, cán bộ, doanh nhân và người lao động Việt Nam.

Cũng theo con số thống kê mới nhất của Bộ Kế hoạch và đầu tư, tính đến hết tháng 6/2022, Việt Nam thu hút 605 dự án trong lĩnh vực giáo dục với tổng số vốn đầu tư lên tới trên 4,57 tỷ USD, đến từ 33 quốc gia/vùng lãnh thổ. Phần lớn các dự án chủ yếu tập trung

hai thành phố là Hà Nội và HCM, chiếm tới 91,23% tổng vốn đăng ký. Cụ thể, tại TPHCM có 250 dự án với tổng vốn đầu tư là gần 4 tỷ USD chiếm 86% về tổng vốn đầu tư. Kế đến là Hà Nội với 239 dự án, chiếm 5,14% về tổng vốn đầu tư và cuối cùng là Đà Nẵng với 30 dự án.

Bên cạnh những trường đã có tên tuổi (như: Trường Quốc Tế Saigon Pearl, Trường Quốc Tế TP. HCM - Học Viện Mỹ, Trường Quốc Tế Liên Hợp Quốc Hà Nội, Trường Quốc Tế Úc...) trong năm 2022, ngành giáo dục Việt Nam đón nhận sự góp mặt một loạt trường quốc tế như: Trường tiểu học Việt Nam Tinh Hoa - North London Collegiate School của Vương quốc Anh, Trường Scotch AGS của Australia... và một loạt trường quốc tế mới sẽ sớm đi vào hoạt động như Trường Brighton College (Hà Nội), Marianapolis (Đồng Nai), Trường Scotch AGS, Trường Uppingham College (TP.HCM)...

Việc thu hút các đầu tư nước ngoài cho giáo dục trong thời gian qua đã đạt những kết quả nhất định,

góp phần bổ sung nguồn lực cho giáo dục Việt Nam. Các cơ sở giáo dục phổ thông có vốn đầu tư nước ngoài đã khẳng định được chất lượng chương trình và phương pháp giảng dạy.

Bên cạnh đó, việc theo học tại các cơ sở giáo dục có yếu tố liên kết, quốc tế mang lại cho học sinh Việt Nam điều kiện cơ sở vật chất học tập hiện đại, giúp học sinh nâng cao kỹ năng ngoại ngữ, rèn luyện kỹ năng mềm, kỹ năng cộng đồng trong một môi trường năng động để phát triển toàn diện theo yêu cầu quốc tế trong thời kỳ hội nhập, đồng thời nắm bắt được các cơ hội gia nhập vào nhiều trường đại học danh giá trên thế giới, bước tiếp trên con đường hội nhập toàn cầu.

Hợp tác và đầu tư trong giáo dục cũng góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, trải nghiệm học tập toàn cầu và cải thiện thứ hạng của Việt Nam trên bản đồ giáo dục khu vực và thế giới. Chất lượng nền giáo dục của Việt Nam được nâng lên 5 bậc, đạt thứ hạng 59



trên bảng xếp hạng quốc tế năm 2021. Năm 2022, Việt Nam có 3 trường nằm trong 1.422 trường đại học thế giới 2023 được tổ chức xếp hạng đại học uy tín hàng đầu thế giới Quacquarelli Symonds có trụ sở tại Anh công bố vào tháng 9 vừa qua. Việt Nam cũng có tới 7 cơ sở giáo dục nằm trong bảng xếp hạng THE Impact Rankings do Tạp chí Times Higher Education công bố vào tháng 4 trước đó. Đối với giáo dục phổ thông, học sinh Việt Nam luôn đạt thành tích cao trong các cuộc thi quốc tế, khu vực và được xếp hạng cao trong chương trình đánh giá quốc tế PISA (Programme for International Student Assessment).

Tuy nhiên, các chuyên gia đều cho rằng đầu tư của nước ngoài vào giáo dục còn chiếm tỉ lệ nhỏ so với các ngành kinh tế xã hội của Việt Nam. Tỷ lệ thu hút đầu tư hiện nay còn rất xa so với mục tiêu số lượng cơ sở giáo dục ngoài công lập cần đạt được là chiếm 16% tổng số cơ sở giáo dục tại Việt Nam vào năm 2025 mà Chính phủ đã đề ra. Hoạt động hợp tác và đầu tư trong giáo dục thời gian qua còn đơn lẻ, chưa tạo sự đột phá trong toàn hệ thống và chưa tương xứng với tiềm năng. Một số doanh nghiệp còn gặp khó do những thủ tục đầu tư còn phức tạp.

Dù địa để các nhà đầu tư nước ngoài khai thác hiệu quả thị trường giáo dục tại nước ta là rất lớn bởi Việt Nam là quốc gia có dân số đông (trên 96 triệu dân), có số lượng dân trong độ tuổi đi học (nhóm tuổi từ 5-24 tuổi) chiếm tỷ lệ khoảng 30% dân số cả nước (số liệu Tổng điều tra Dân số và Nhà ở của Tổng cục Thống kê). Cùng với đó, trong những năm gần đây Việt Nam được đánh giá là quốc gia có mức chi tiêu cho giáo dục và đào tạo vào loại cao

trên thế giới, sẵn sàng đầu tư cho giáo dục với mức chi ngày một tăng cao. Theo kết quả khảo sát mức sống dân cư năm 2020 của Tổng cục Thống kê cho thấy, việc đầu tư vào hoạt động giáo dục của các thành viên trong gia đình ở khu vực thành thị cũng tăng lên đáng kể do điều kiện kinh tế của hộ gia đình ở thành thị đang ngày càng tăng lên.

Thực tế trong năm học 2022 - 2023, ngành giáo dục Việt Nam chứng kiến làn sóng tăng mạnh học phí từ các trường quốc tế, có trường tăng gần 50 triệu đồng, nâng học phí vượt quá 800 triệu đồng/năm. Mặc dù với mức học phí khá cao như vậy song nhu cầu chọn trường quốc tế cho con không hề giảm nhiệt tại các thành phố lớn như Hà Nội, TP.HCM...

Thị trường giáo dục quốc tế nước ta còn hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài bởi Việt Nam là một quốc gia có nền an ninh, chính trị ổn định, có chính sách visa giữa các nước trong khu vực thông thoáng, có số sinh viên quốc tế theo học tại các cơ sở giáo dục đại học trong những năm qua tăng lên đáng kể. Theo thống kê Cục Hợp tác quốc tế, Bộ Giáo dục và Đào tạo, trung bình mỗi năm Việt Nam tiếp nhận mới 4.000 - 6.000 lưu học sinh. Từ năm 2016-2021, đã có 155 cơ sở giáo dục của Việt Nam tiếp nhận, đào tạo hơn 45.000 lưu học sinh nước ngoài đến từ 102 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Bên cạnh đó, Việt Nam có hành lang pháp lý thuận lợi, khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư trong lĩnh vực giáo dục. Trong đó có Luật giáo dục năm 2019, Luật giáo dục đại học sửa đổi bổ sung năm 2018, Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 04/6/2019 của Chính phủ về tăng cường

huy động các nguồn lực của xã hội đầu tư cho phát triển giáo dục và đào tạo giai đoạn 2019 - 2025 và Nghị định 86/2018/NĐ-CP ngày 6/6/2018 với nhiều nội dung cởi mở, thông thoáng, tạo điều kiện thuận lợi cho hợp tác đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục và tăng tính tự chủ cho các cơ sở giáo dục của Việt Nam trong hợp tác quốc tế.

Trong những năm qua, tại nhiều địa phương như Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Quảng Ninh, Đà Nẵng cũng có nhiều chính sách ưu đãi về diện tích đất, chính sách hỗ trợ về thuế, phí, thủ tục hành chính... và dành sẵn những quỹ đất phục vụ cho đầu tư giáo dục, nhằm tạo điều kiện để các tổ chức giáo dục đến đầu tư. Giai đoạn 2022-2030, các tỉnh thành phố sẽ tiếp tục thực hiện chủ trương hội nhập quốc tế trong đó có những cơ chế chính sách, tạo điều kiện môi trường thông thoáng, mở cửa, dành quỹ đất cho giáo dục nhằm thu hút đầu tư vào lĩnh vực giáo dục; Thực hiện đơn giản hóa thủ tục hành chính trong việc cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và cấp phép hoạt động giáo dục cũng như hỗ trợ tối đa hoạt động của các cơ sở giáo dục ngoài công lập đang hoạt động tại địa phương, tạo sức lan tỏa và sức hút đối với các nhà đầu tư tiềm năng.

Những yếu tố trên khiến lĩnh vực giáo dục quốc tế tại Việt Nam ngày càng hấp dẫn và có nhiều đối thủ cạnh tranh với sự xuất hiện của nhiều cơ sở giáo dục quốc tế chất lượng cao. Đây cũng là cơ hội để Việt Nam tiếp tục nâng cao chất lượng giáo dục trong nước, đào tạo ra những công dân toàn cầu, từ đó tạo bước chuyển mạnh mẽ về phát triển nguồn nhân lực, đồng thời nâng cao thứ hạng trên thế giới trong lĩnh vực giáo dục./

Tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Được coi là xương sống của nền kinh tế, khu vực DNNVV đã và đang có những đóng góp to lớn đưa nền kinh tế đất nước phát triển ổn định và bền vững. Chính vì vậy Chính phủ và các bộ, ban, ngành trong những năm qua đã có nhiều chính sách tạo thuận lợi tối đa cho các DNNVV, đặc biệt là các chính sách, giải pháp mở rộng khả năng tiếp cận vốn vay ngân hàng.

Dòng vốn cho DN được nhìn nhận ở góc độ ngân hàng có 2 chính sách là tín dụng và lãi suất. Chính sách tín dụng năm 2022 Ngân hàng Nhà nước (NHNN) vẫn giữ mục tiêu tăng trưởng là 14%. Trong gần 8 tháng năm 2022, tăng trưởng tín dụng khoảng 9,3%, dư địa còn lại để đầu tư cho các hoạt động sản xuất kinh doanh từ nay tới cuối năm là 4,7% trên tổng dư nợ, tương đương 450 ngàn tỷ đồng.

Trên thực tế, các DNNVV hiện vẫn khó tiếp cận nguồn vốn ngân hàng mà nguyên nhân xuất phát từ nhiều phía. Từ bản thân DN, từ các ngân hàng thương mại và một số cơ chế chính sách của Nhà nước.

Theo các chuyên gia kinh tế, việc các DNNVV khó tiếp cận nguồn vốn vay của ngân hàng vì khó đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn của ngân hàng như: Các DNNVV khi vay phải có tài sản thế chấp, nhưng rất ít DNNVV đáp ứng được yêu cầu này. Ngoài ra, sự minh bạch về thông tin, về báo cáo tài chính của các DNNVV khi tiếp cận vay vốn, mô hình kinh doanh nhỏ, thiếu và yếu về nhân sự dẫn đến trình độ tổ chức quản lý điều hành còn hạn chế. DNNVV thường chưa xây dựng chiến lược kinh doanh bền vững,

Thiếu điều kiện tài sản đảm bảo và phương án kinh doanh khả thi là một trong những nguyên nhân khiến các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) khó tiếp cận được vốn vay ngân hàng. Theo các chuyên gia kinh tế để đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của DN, các DNNVV trong thời gian tới cần chú trọng hơn tới đa dạng hóa các kênh tiếp cận vốn thay vì chỉ tập trung vào kênh tín dụng ngân hàng như hiện nay để lấp đầy được khoảng trống tín dụng.

thiếu kinh nghiệm trong việc lập phương án kinh doanh do đó các dự án đầu tư thiếu tính khả thi và nhiều khi chưa đáp ứng được điều kiện vay vốn của ngân hàng.

Về phía ngân hàng, NHNN rất quan tâm đến việc đẩy mạnh tiếp cận vốn cho DNNVV, tuy nhiên nhiều DNNVV có quan hệ tín dụng với nhiều tổ chức tín dụng dẫn tới ngân hàng khó đánh giá chính xác năng lực tài chính kinh doanh của DN, khó kiểm soát chất lượng tín dụng và dòng tiền thanh toán. Việc thiếu minh bạch trong việc công bố thông tin báo cáo tài chính, khâu kiểm toán đồng thời cũng là một khó khăn cho ngân hàng khi cho vay.

Tất cả những điều này đã làm dẫn rộng thêm khoảng cách giữa DNNVV và ngân hàng trong việc cung cấp tín dụng để phát triển sản xuất, kinh doanh. Các DNNVV mong muốn các ngân hàng ngoài công tác thẩm định đơn thuần khi cho DNNVV vay vốn



TÍN DỤNG CHO

các ngân hàng cần tăng cường công tác tư vấn, hỗ trợ các DNNVV, thậm chí ngân hàng cần phải đứng ở góc độ chuyên gia để có thể tư vấn hoạt động cho DN. Các cán bộ ngân hàng trở thành nhà tư vấn, hỗ trợ cho DNNVV để đánh giá, thẩm định các dự án đầu tư, các dự án kinh doanh.

Đối với tăng trưởng tín dụng, thời gian tới, NHNN sẽ rà soát, điều chỉnh nốt phần tăng trưởng tín dụng theo kế hoạch. NHNN cũng sẽ tiếp tục theo dõi diễn biến lạm phát để phối hợp với các bộ ngành tham mưu cho Chính phủ đạt những mục tiêu đề ra. Hiệp hội Ngân hàng tại TP Hồ Chí Minh cho biết, các ngân hàng thương mại không thiếu vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Các doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân đủ điều kiện vay vốn sẽ được tạo điều kiện tiếp cận vốn thuận lợi, thậm chí hưởng ưu đãi và hỗ trợ. Tuy nhiên, nếu không đáp ứng các điều kiện vay vốn



DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA

ThS. Nguyễn Chung Thủy
Đại học Công nghiệp Hà Nội

thì các ngân hàng không thể cho vay vốn, vì rủi ro nợ xấu, an toàn hệ thống ngân hàng.

Về chính sách lãi suất, các DN đều cho rằng lãi suất của các DN hiện nay rất là hợp lý và phù hợp với điều kiện Việt Nam.

Với cơ chế hỗ trợ lãi suất 2% theo gói cấp bù lãi suất Thống đốc NHNN đã ban hành Chỉ thị số 03/CT-NHNN ngày 16/8/2022, đẩy nhanh, đẩy mạnh, đúng đối tượng và giao nhiệm vụ cho từng đơn vị theo Nghị định 31/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Hiện tại, các DNNVV đang chuẩn bị cho việc tích trữ nguyên vật liệu đáp ứng các đơn hàng lễ, Tết do đó nhu cầu về vốn của các DNNVV càng lớn hơn. Theo các chuyên gia kinh tế, thiếu vốn lưu động có thể khiến kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh của các DN bị đình trệ, nhất là những DN hoạt động trong lĩnh vực sản xuất thương mại có chu kỳ kinh doanh ngắn, do đó các DN này

cần tranh thủ cơ chế hỗ trợ lãi suất; bổ sung nguồn vốn lưu động liên tục để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh tiếp theo của DN.

Để duy trì hoạt động kinh doanh, các chuyên gia kinh tế khuyến nghị các DNNVV ngoài kênh huy động vốn chính thống từ các ngân hàng còn có thể quan tâm đến các kênh huy động vốn khác, trong đó có thể kể tới các công ty cho thuê tài chính hiện đang đóng góp một phần không nhỏ vào việc hỗ trợ các DN tại Việt Nam giải quyết các khó khăn về vốn.

Riêng đối với DN khởi nghiệp đổi mới sáng tạo, không có tài sản đảm bảo, khó tiếp cận vốn vay ngân hàng DN có thể tiếp cận các quỹ đầu tư mạo hiểm. Nhìn chung dù hướng đến việc tiếp cận nguồn vốn vay nào các chuyên gia kinh tế cũng đặc biệt khuyến nghị các DNNVV phải quan tâm vấn đề quản trị tài chính. Việc minh bạch báo cáo

tài chính, dòng tiền là một trong những điều kiện tiên quyết để DN bước vào thị trường huy động vốn hoặc kêu gọi vốn khi cần.

Giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tiếp cận tín dụng hiệu quả

Để tiếp tục mở rộng tín dụng hiệu quả đáp ứng kịp thời nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh của DNNVV thời gian tới cần tập trung vào các giải pháp như:

Đối với cơ quan quản lý Nhà nước

Một là, Chính phủ và các cơ quan Nhà nước thông qua việc điều hành các thị trường vốn và thông qua các thị trường và công cụ tài chính mới, nhằm đa dạng hóa kênh huy động vốn và hút vốn; Đồng thời có kiến nghị cụ thể về các gói hỗ trợ để tạo nguồn vốn phục hồi và phát triển bền vững.

Hai là, phát triển bền vững các nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh của DN bao gồm: Thay đổi tư duy, cân bằng các nguồn vốn, minh bạch trong quản trị và điều hành DN ... Tiếp tục thúc đẩy Quỹ bảo lãnh tín dụng DNNVV và Quỹ phát triển DNNVV theo quy định tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017.

Ba là, đa dạng hóa các kênh tiếp cận vốn cho DNNVV, tăng cường tìm kiếm và tiếp cận các nguồn vốn giá rẻ từ các chương trình, dự án ưu đãi của các tổ chức trong và ngoài nước để tài trợ cho các lĩnh vực kinh doanh đặc thù của các DNNVV được Chính phủ, Nhà nước chú trọng phát triển. Đồng thời, thiết kế các sản phẩm cho vay đặc thù phù hợp với đối tượng khách hàng là DNNVV theo từng nhóm ngành nghề để có các giải pháp đáp ứng yêu cầu khách hàng một cách linh hoạt.

Bốn là, các ngân hàng cần tiếp tục hướng đến đơn giản hóa các thủ tục cho vay, yêu cầu cung cấp

các thông tin phù hợp với thực tế và có tư vấn, hướng dẫn chi tiết để các DNNVV có thể nắm bắt và thực hiện được.

Năm là, Chính phủ cần đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện hệ thống thông tin thống kê về DNNVV, cũng như xếp hạng tín dụng của các DN; cần cải thiện các khung chính sách, cơ chế để hỗ trợ DNNVV trong tiếp cận lợi ích của các quỹ bảo lãnh tín dụng. cần tiếp tục có những giải pháp tài chính phù hợp và kịp thời để hỗ trợ DN, nhất là DNNVV.

Đối với DNNVV

Một là, cần xây dựng chiến lược vốn và nguồn vốn chuyên nghiệp, rõ ràng và đầy đủ hơn theo xu hướng chung của thế giới và từng bước cân bằng các kênh dẫn vốn nhằm tạo hiệu quả trong khai thác và sử dụng nguồn vốn. Bên cạnh đó cần quan tâm hơn tới năng lực quản trị và điều hành của DN, tạo các chuỗi giá trị trong việc thu hút và khai thác các nguồn lực và tương hỗ trong hoạt động kinh doanh của DN

Hai là, đa dạng hóa các kênh huy động vốn, chú trọng các kênh quỹ đầu tư, cho thuê tài chính. Việc huy động vốn phải gắn với mục đích cụ thể, phù hợp với mục tiêu của DN.

Ba là, các DNNVV cần lựa chọn các phương án kinh doanh hiệu quả, tập trung vào những lĩnh vực khai thác được lợi thế so sánh của DN.

Bốn là, minh bạch trong sổ sách kế toán, tài chính bằng cách thực hiện nghiêm túc chế độ kế toán cho DNNVV, có thể sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập trong trường hợp cần minh chứng tính minh bạch đối với các tổ chức tín dụng./.

Mô hình kinh tế tuần hoàn trong sản xuất nông nghiệp là quá trình sản xuất theo chu trình khép kín, hầu hết các chất thải, phế phụ phẩm được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho quá trình sản xuất sản phẩm khác thông qua ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ hóa lý... cùng với những mô hình tổ chức sản xuất và kinh doanh mới.

Thực trạng phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp

Theo số liệu của Tổng cục Thống kê, năm 2021, dù chịu nhiều ảnh hưởng từ dịch Covid-19, chuỗi cung ứng và tiêu thụ sản phẩm bị gián đoạn, giá nhiều nguyên vật liệu đầu vào dùng cho sản xuất nông, lâm, thủy sản tăng, nhưng tốc độ tăng trưởng lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản vẫn duy trì sự ổn định, thể hiện vai trò là bệ đỡ của nền kinh tế trong lúc khó khăn và đảm bảo về nguồn cung lương thực, thực phẩm, hàng hóa thiết yếu, là cơ sở quan trọng để an sinh, an dân trong đại dịch.

Tổng cục Thống kê cho biết, tính đến trung tuần tháng Mười năm 2022, cả nước thu hoạch được 893,1 nghìn ha lúa mùa, chiếm 57,4% diện tích gieo cấy và bằng 87,9% cùng kỳ năm trước. Ước tính năng suất lúa mùa đạt 52,66 tạ/ha, tăng 1 tạ/ha so với vụ mùa năm 2021; sản lượng đạt 8,2 triệu tấn, tăng 144 nghìn tấn. Cùng với chăm sóc và thu hoạch lúa mùa, các địa phương trên cả nước hoàn thành sản xuất lúa hè thu với diện tích gieo trồng đạt 1.915,6 nghìn ha, giảm 38,6 nghìn ha so với vụ hè thu năm 2021. Ước tính năng suất lúa hè thu đạt 56,4 tạ/ha, giảm 0,6 tạ/ha so với vụ hè thu năm trước; sản lượng đạt 10,8 triệu tấn, giảm 340 nghìn tấn. Chăn nuôi gia súc, gia cầm trong 10 tháng năm 2022 phát triển ổn định, dịch bệnh cơ bản được kiểm soát. Hiện tại đang là thời điểm người chăn nuôi tập trung tái đàn, tăng đàn, chăm sóc đàn gia súc, gia cầm để cung ứng nguồn thịt ra thị trường những tháng cuối năm và các kỳ lễ tết sắp tới. Tính chung 10 tháng năm 2022, sản lượng thủy sản ước đạt 7.450,7 nghìn tấn, tăng 3,1% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Cá đạt 5.366,7 nghìn tấn, tăng 2,6%; tôm đạt 1.009,8 nghìn tấn, tăng 8,2%; thủy sản khác đạt 1.074,2 nghìn tấn, tăng 1,2%. Sản lượng thủy sản khai thác 10 tháng năm 2022 ước đạt 3.290 nghìn tấn, giảm 2,2 % so với cùng kỳ năm trước (trong đó sản lượng thủy sản khai thác biển ước đạt 3.130 nghìn tấn giảm 2,4%); Sản lượng nuôi trồng đạt 4.160,7 nghìn tấn, tăng 7,7%. 10 tháng năm 2022, xuất khẩu của nhóm hàng nông, lâm sản đạt 20,62 tỷ USD, tăng 6,3% so với cùng kỳ năm 2021 và chiếm 6,6% tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước; hàng thủy sản đạt 9,39 tỷ USD, tăng 32,7% so với cùng kỳ năm 2021 và chiếm 3% tổng kim ngạch xuất khẩu.

Với nền tảng đi lên từ một nước nông nghiệp, mạng lưới sản xuất nông, lâm, thủy sản đa dạng, trải khắp 63 tỉnh, thành phố trên cả nước. Đây chính là yếu tố giảm thiểu rủi ro quan trọng trong sản xuất, bởi nếu một khu vực, hoặc một vùng bị ảnh hưởng tiêu cực, bị tổn thương thì vẫn có những vùng sản xuất khác làm bệ đỡ và hỗ trợ. Tuy nhiên để nông nghiệp phát triển bền vững thì cần có nhiều yếu tố, trong đó, mô hình kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp được quan tâm trong thời gian gần đây.

Nông nghiệp tuần hoàn đã tồn tại lâu đời ở Việt Nam trong các hệ thống canh tác: vườn - ao - chuồng; vườn - ao - chuồng - rừng; xen canh, gối vụ; trong đó, chất thải của chăn nuôi phục vụ trồng trọt, phụ phẩm trồng trọt được sử dụng làm thức ăn cho chăn nuôi và nuôi trồng thủy sản. Phát triển

SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP THEO HƯỚNG KINH TẾ TUẦN HOÀN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

Phạm Minh Thành - Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội CN Long An

TS. Phạm xuân Thu - Cao đẳng Kinh tế đối ngoại

các mô hình chăn nuôi, trồng trọt, thủy sản theo hướng bền vững, ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học; trong đó có nông nghiệp tuần hoàn, đó là các mô hình: vườn - ao - chuồng - Biogas; lúa - cá; nuôi cá theo công nghệ "sông trong ao"; nuôi bò - trồng cây dược liệu, cây ăn quả; sản xuất tổng hợp nuôi bò - nuôi trùn quế - trồng cỏ/ngô/ cây ăn quả; gia cầm - cá..., đã giúp người chăn nuôi quản lý tốt chất thải nông nghiệp, sử dụng hợp lý phế, phụ phẩm nông nghiệp làm phân bón trả lại độ phì nhiêu cho đất, xử lý an toàn chất thải động vật, tạo năng lượng tái sinh, tạo nguồn chất đốt phục vụ sinh hoạt, chống ô nhiễm môi trường. Điển hình là Mô hình "vòng tuần hoàn xanh" trong các trang trại bò sữa. Đây là mô hình chăn nuôi được Công ty Vinamilk áp dụng để phát triển trang trại bò sữa thân thiện với môi trường. Vinamilk đã xây dựng và vận hành hệ thống trang trại bò sữa theo tiêu chuẩn quốc tế (Global GAP) và tiêu chuẩn hữu cơ châu Âu (EU Organic). Trong các trang trại bò sữa, Vinamilk thực hiện quy trình chăn nuôi khép kín: từ làm đất, trồng cỏ, chăm sóc bò đến xử lý chất thải để tạo "vòng tuần hoàn xanh". Nhờ công nghệ biogas, chất thải gia súc được xử lý để tiếp tục bón cho đồng cỏ, cải tạo đất và một phần khác được biến đổi thành khí metan dùng để đun nước nóng dùng cho hoạt động

của trang trại. Việc tái tạo và tái sử dụng năng lượng vừa mang lại hiệu quả về kinh tế, vừa giảm thiểu đáng kể lượng phát thải CO₂, thích ứng với biến đổi khí hậu. Mô hình trồng nấm, người nông dân đã tận dụng nguyên liệu từ phụ phẩm rơm rạ trong trồng lúa để trồng nấm, bã rơm rạ sau khi thu hoạch nấm được tận dụng để bón cho cây trồng (cây ăn quả, rau màu) rất tốt...

Có thể dễ dàng nhận thấy, trong điều kiện biến đổi khí hậu, thì việc phát triển nông nghiệp theo mô hình kinh tế tuần hoàn đã và đang được ngành nông nghiệp quan tâm thực hiện, diện tích áp dụng ngày càng được mở rộng do hiệu quả cao trên tất cả các mặt kinh tế, môi trường, xã hội. Quá trình sản xuất theo chu trình khép kín, hầu hết các chất thải, phế phụ phẩm sẽ được tái chế, quay lại làm nguyên liệu đầu vào cho quá trình nuôi trồng, chế biến nông, lâm, thủy sản; tạo ra sản phẩm an toàn, chất lượng cao, giảm tối đa sự lãng phí, thất thoát và giảm tối đa lượng chất thải.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì việc phát triển kinh tế tuần hoàn trong lĩnh vực nông nghiệp vẫn chưa thực sự đạt ở mức độ cao, vẫn còn nhiều phụ phẩm nông nghiệp chưa được tái sử dụng tại địa phương, tình trạng lãng phí các phế phụ phẩm cây trồng, vật nuôi vẫn còn.

Chính sách đối với sản xuất nông nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn còn thiếu; vấn đề thông tin tuyên truyền cho phát triển nông nghiệp tuần hoàn; các giải pháp phát triển nông nghiệp tuần hoàn gắn với liên kết tiêu thụ nhằm nâng cao giá trị, hiệu quả kinh tế, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, đồng thời hạn chế sử dụng tài nguyên và giảm phát thải khí nhà kính, giảm thiểu ô nhiễm môi trường chưa được quan tâm đúng mức.

Chưa có nhiều mô hình liên kết sản xuất nông nghiệp theo hướng bền vững, làm cơ sở phát triển hệ sinh thái nông nghiệp tuần hoàn; các dịch vụ phục vụ phát triển nông nghiệp hiện đại, nông nghiệp bền vững còn thiếu... Hiện tượng sản xuất manh mún, mạnh ai nấy làm còn rất phổ biến. Hệ quả là, tình trạng lãng phí các phế phụ phẩm nông nghiệp, chất thải chăn nuôi phổ biến, thậm chí gây ô nhiễm môi trường, như đốt bỏ rơm rạ, không xử lý tốt chất thải...

Giải pháp

Để đẩy mạnh phát triển kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp Việt Nam thời gian tới cần thực hiện các giải pháp sau:

Một là, ban hành các văn bản hướng dẫn các chỉ thị, nghị quyết của Chính phủ về ứng dụng khoa học công nghệ để phát triển bền vững, bảo vệ môi trường, trong đó tập trung 3 mục tiêu quan trọng là:

Hiệu quả kinh tế - An sinh xã hội và Bảo vệ môi trường. Bên cạnh đó, tăng cường nâng cao nhận thức cho các cấp chính quyền, các cơ quan quản lý Nhà nước, nhất là các Sở chuyên ngành về kinh tế tuần hoàn, nông nghiệp tuần hoàn.

Hai là, đẩy mạnh phát triển toàn diện nông nghiệp tuần hoàn, thông qua các giải pháp như: Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành Nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển bền vững, thực hiện các chuỗi liên kết trong sản xuất tiêu thụ. Xây dựng một số mô hình thí điểm, với sự tham gia của kinh tế tập thể (Hợp tác xã) gắn với kinh tế tư nhân (Doanh nghiệp trong hợp tác xã), từ đó phát triển hệ sinh thái cho vùng sản xuất nông nghiệp. Trong hệ sinh thái này, doanh nghiệp giữ vai trò nòng cốt, làm trung tâm vùng lõi, dẫn dắt thị trường cung ứng và tiêu thụ sản phẩm, thực hiện dịch vụ kỹ thuật, hậu cần, chế biến...

Ba là, thực hiện chuyển đổi hệ thống lương thực, thực phẩm theo hướng "xanh", ít phát thải và bền vững. Đầu tư phát triển hạ tầng nông nghiệp, thúc đẩy sự tham gia của khối tư nhân trong đầu tư, phát triển và ứng dụng tiến bộ trong sản xuất nông nghiệp và nhân rộng mô hình hợp tác công tư, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong các chuỗi giá trị nông nghiệp. Đồng thời, mở rộng liên kết vùng sản xuất theo khu vực, ngành hàng để kết nối phát triển kinh tế tuần hoàn. Trong liên kết này, phế phụ phẩm của đơn vị này được sử dụng làm nguyên liệu đầu vào cho đơn vị kia.

Bốn là, tăng cường vai trò quản lý Nhà nước trong chỉ đạo phát triển kinh tế tuần hoàn và nông nghiệp tuần hoàn. Vì đây là mô hình phát triển mới, có tính liên kết rộng, có sự tham gia của nhiều

đối tượng... đòi hỏi nỗ lực và trách nhiệm rất cao của chính quyền các cấp. Bên cạnh đó, đẩy mạnh chuyển giao tiến bộ kỹ thuật thông qua các hoạt động tập huấn, hội thảo, xây dựng và triển khai các dự án, mô hình trình diễn nông nghiệp theo hướng ứng dụng công nghệ cao, an toàn sinh học, sử dụng phế phụ phẩm sau thu hoạch. Hoàn thiện và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, quay vòng hoàn trả lại hữu cơ cho đất, thúc đẩy sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường; tiếp tục thực hiện có hiệu quả các chủ trương, chính sách của Nhà nước để thúc đẩy kinh tế tuần hoàn, đồng thời đề xuất chính sách đặc thù để khuyến khích phát triển kinh tế tuần hoàn cho cả nông hộ và doanh nghiệp tham gia tái chế phụ phẩm nông nghiệp... Đây là điều kiện tiên quyết để nền kinh tế tuần hoàn có thể được hiện thực hóa, bởi có đảm bảo điều kiện phù hợp thì mới có thể đưa hệ thống sản xuất và cung cấp dịch vụ theo mô hình kinh tế tuần hoàn vào khai thác, đồng thời có thể sử dụng được những sản phẩm và dịch vụ được tạo ra theo mô hình này.

Năm là, bồi dưỡng đội ngũ lao động nghiên cứu, triển khai công nghệ xử lý phụ, phế phẩm trong nông nghiệp. Đầu tư nghiên cứu và chuyển giao khoa học kỹ thuật trong xử lý phế phẩm nông nghiệp, nhất là ở các địa phương có diện tích trồng trọt và chăn nuôi quy mô lớn. Khuyến cáo và hỗ trợ (mặt bằng, vốn, công nghệ) các chủ thể sản xuất nông nghiệp để họ chú trọng thu gom, phân loại phụ, phế phẩm nông nghiệp cũng như đầu tư cho công nghệ tái chế. Chuyển đổi cơ chế hoạt động của hệ thống sản xuất theo hướng thúc đẩy sự hình thành nền kinh tế tuần hoàn.

Các chuỗi giá trị sẽ không chỉ được xem xét từ khi khai thác tài nguyên cho tới khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ được tạo ra từ tài nguyên, mà cần phải được xem xét cả giai đoạn sau sử dụng.

Sáu là, nâng cao công tác thông tin tuyên truyền, nhân rộng mô hình để người dân áp dụng vào thực tế sản xuất trong thời gian tới. Đồng thời rất cần có sự vào cuộc của các cấp, các ngành mà nòng cốt là lực lượng khuyến nông. Nhà nước cần lựa chọn để hỗ trợ cho việc nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học-công nghệ một cách đồng bộ cho toàn bộ chuỗi biến đổi vật chất từ khai thác, sử dụng tài nguyên cho tới khi hoàn tất quá trình tiêu dùng/sử dụng các sản phẩm/dịch vụ được tạo ra từ những tài nguyên và tái chế hoặc sử dụng lại, để đưa những tài nguyên ban đầu trở lại chu kỳ phục vụ nhu cầu xã hội./

Tài liệu tham khảo

1. Thủ tướng Chính phủ (2012). Quyết định số 432/QĐ-TTg 12/4/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược PTBV Việt Nam giai đoạn 2011-2020;
2. Tổng cục Thống kê (2022). Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2022, truy cập từ <https://www.gso.gov.vn/du-lieu-va-so-lieu-thong-ke/2022/08/bao-cao-tinh-hinh-kinh-te-xa-hoi-thang-8-va-8-thang-nam-2022/>
3. Nguyễn Xuân Hồng: Cơ sở thực tiễn và động lực thúc đẩy phát triển nông nghiệp tuần hoàn Việt Nam: kinh tế VAC, <https://www.nongthonmoihatinh.vn>.
4. Nguyễn Chinh (2022). Sản xuất nông nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn, truy cập từ <https://dantocmiennui.vn/san-xuat-nong-nghiep-theo-huong-kinh-te-tuan-hoan/320300.html>
5. Nguyễn Hoàng Nam, Nguyễn Trọng Hạnh (2019), *Thực hiện kinh tế tuần hoàn: Kinh nghiệm quốc tế và gợi ý chính sách cho Việt Nam*, VNU Journal of Science: Economics and Business, 35, No. 4 (2019);

HỢP TÁC XÃ CHUYỂN ĐỔI SỐ ĐỂ THÍCH ỨNG TRONG KỶ NGUYÊN MỚI

Bích Ngọc

Kinh tế tập thể, nòng cốt là các tổ chức kinh tế hợp tác, hợp tác xã là thành phần kinh tế quan trọng của cả nước. Trong những năm qua, khu vực kinh tế hợp tác xã nước ta có sự chuyển đổi tích cực về số lượng, quy mô, cơ cấu tổ chức, tính liên kết và hiệu quả hoạt động. Hòa nhịp cùng dòng chảy chuyển đổi số quốc gia, khu vực kinh tế tập thể, hợp tác xã cũng đã chuyển mình, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số để thích ứng với nhu cầu thị trường.



lần so với năm 2019. Trong tổng số 1.700 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có 1.490 hợp tác xã áp dụng công nghệ cao trong các lĩnh vực kỹ thuật canh tác, nuôi trồng, bảo quản, chiếm 78,4%; 151 HTX áp dụng công nghệ tự động hóa, chiếm 12,5%; 60 hợp tác xã áp dụng công nghệ sinh học, chiếm 7,1%; 16 HTX ứng dụng công nghệ sản xuất vật tư nông nghiệp, chiếm 1%...

Sự chuyển mình tích cực

Báo cáo tại Diễn đàn Kinh tế hợp tác, hợp tác xã năm 2022 với chủ đề "Chuyển đổi số - Động lực phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã trong kỷ nguyên mới", cho biết, hiện cả nước có trên 28,2 nghìn hợp tác xã (HTX), trong đó, 18,8 nghìn HTX nông nghiệp, 9,4 nghìn HTX phi nông nghiệp. Nhiều HTX đổi mới cơ sở vật chất nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng sản xuất, tiếp cận chuyển đổi theo mô hình HTX kiểu mới, linh hoạt, ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số, thích ứng với nhu cầu thị trường.

Sự thích ứng của HTX với làn sóng chuyển đổi số được khắc họa rõ nét hơn qua những con số được báo cáo tại Hội nghị trực tuyến Tổng kết 20 năm thực hiện Nghị quyết số 13-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả kinh tế tập thể (KTTT) và 10 năm thi hành Luật Hợp tác xã (HTX) năm 2012 trong lĩnh vực nông nghiệp diễn ra vào cuối năm 2021. Số liệu thống kê của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho thấy, cả nước có hơn 1.700 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất, 3.900 HTX sản xuất gắn với chuỗi giá trị, tăng 1,5

Trên thực tế, nhiều mô hình HTX ứng dụng công nghệ cao đã mang lại hiệu quả, giúp tăng năng suất cây trồng, vật nuôi. Điển hình như HTX Thành Công (Quảng Trị) với công nghệ làm mát tự động trong chăn nuôi lợn, trồng rau thủy canh; mô hình "cây xoài nhà tôi" tại tỉnh Đồng Tháp ứng dụng CNTT giúp kết nối HTX với khách hàng; HTX Nông ngư 14/10 (Sóc Trăng) nuôi tôm sạch theo tiêu chuẩn ASC với sản lượng 160 tấn, xuất khẩu sang châu Âu; HTX rau quả sạch Chúc Sơn (Chương Mỹ - Hà Nội) áp dụng khoa học kỹ thuật, công nghệ nhà màng, nhà lưới, tưới tiết kiệm nước...

Điều đáng nói là trong 2 năm chịu tác động tiêu cực từ dịch bệnh Covid-19, nhiều HTX đã nhận thức được tầm quan trọng của chuyển đổi số và biến thách thức thành cơ hội, nhanh chóng thích ứng linh hoạt, tiếp cận chuyển đổi sang hình thức kinh doanh online trên các nền tảng thương mại điện tử. Trong tổng số 17.800 HTX nông nghiệp của cả nước, có 21% HTX lập kế hoạch tổng thể cho thương mại điện tử; 23% HTX bán các sản phẩm trên nền tảng thương mại điện tử; 21% HTX tạo website đơn giản; 7% HTX có website được xuất hiện trong top đầu kết quả tìm kiếm trên Google; 14% HTX thực hiện livestream giới thiệu sản phẩm và bán hàng; 7% HTX thực hiện quảng cáo trên Facebook... Một gương sáng nổi bật là HTX dịch vụ nông nghiệp Sơn Thủy (Hòa Bình) khi gặt hái được thành công lớn từ sàn thương mại điện tử trong 2 vụ mùa năm 2021 và năm 2022. Một số HTX đã xây dựng chiến lược, kế hoạch cụ thể về chuyển đổi số (từ 3 - 5 năm) và xác định những nền tảng cần có theo những nét đặc trưng của HTX.

Việc chuyển đổi số trong hoạt động sản xuất, kinh doanh đã làm thay đổi bước đầu hoạt động tổ chức và quản trị của HTX, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của HTX. Từ đó, góp phần phát triển bền vững kinh tế - xã hội cả nước, nhất là kinh tế nông nghiệp, nông thôn, xây dựng nông thôn mới và nâng cao nhận thức của xã hội đối với HTX kiểu mới.

Tuy đạt được những kết quả trên song công cuộc chuyển đổi số trong HTX còn diễn ra khá chậm, hiệu quả chưa cao và thiếu chiến lược, hành động cụ thể. Trong hơn 1.700 HTX ứng dụng công nghệ cao, mới chỉ có 240 HTX sử dụng phần mềm quản lý

và sản xuất thông minh, chiếm tỷ lệ nhỏ 1,5%. Phần lớn các HTX này chỉ tập trung vào ứng dụng công nghệ tưới tiêu, hệ thống nhà lưới, dán tem truy xuất nguồn gốc mà chưa đẩy mạnh ứng dụng chuyển đổi số trong khâu chế biến, quản lý HTX, kinh doanh sản phẩm. Bên cạnh đó, kết quả một cuộc khảo sát về HTX còn cho thấy, mới chỉ có 18,9% HTX đã có kế hoạch chuyển đổi số với lộ trình thực hiện cụ thể. Bên cạnh đó, sự tham gia, góp mặt của các HTX chủ yếu mới dừng lại ở việc báo giá, giới thiệu để khách hàng tìm hiểu sản phẩm và so sánh giá cả.

Liên minh Hợp tác xã Việt Nam nhận diện rõ, chuyển đổi số tại các HTX hiện đang gặp nhiều khó khăn trong tài chính, cơ sở hạ tầng và nhân lực, xuất phát từ năng lực nội tại của HTX còn yếu. Đây cũng chính là những nguồn lực quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh, đồng thời là yếu tố nền tảng để thực hiện chuyển đổi số và ứng dụng công nghệ thông tin tại các HTX. Thực tế trong những năm qua, hầu hết các HTX gặp khó khăn trong việc bố trí nguồn lực tài chính đầu tư vào đổi mới, ứng dụng công nghệ, kỹ thuật do có quy mô nhỏ và ít có khả năng tự huy động nguồn lực từ thị trường để thực hiện chuyển đổi số. Trong khi đó, cơ sở hạ tầng hiện tại của các HTX ở mức thấp kém và mức độ sẵn sàng và khả năng tiếp cận công nghệ của cán bộ quản lý, thành viên HTX ở mức thấp do họ chủ yếu là nông dân, có trình độ còn hạn chế, độ tuổi trung bình cao và tâm lý ngại thay đổi.

Tiếp sức các HTX trong hành trình chuyển đổi số

Phát triển khu vực kinh tế tập thể luôn được Đảng, Nhà nước và cả các đối tác phát triển

quan tâm. Tại Hội nghị lần thứ 5 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII, Nghị quyết 20-NQ/TW về tiếp tục đổi mới, phát triển và nâng cao hiệu quả KTTT trong giai đoạn mới đã được ban hành, thể hiện rõ quan điểm của Đảng tiếp tục củng cố và phát triển vai trò khu vực kinh tế tập thể và khẳng định kinh tế tập thể sẽ được hỗ trợ để đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số, nâng cao trình độ khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Đây chính là các nội dung mang tính chiến lược, là cơ sở cho việc hoàn thiện cơ chế, thể chế phát triển và quản trị cho khu vực KTTT, HTX trong giai đoạn từ nay đến năm 2045.

Đồng hành cùng khu vực HTX chuyển đổi số, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã phối hợp với các bộ, ngành, địa phương triển khai những nhiệm vụ cụ thể như: Xây dựng và đưa vào sử dụng hệ thống đăng ký HTX trực tuyến có liên thông với đăng ký thuế; xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số trong doanh nghiệp, HTX và hộ kinh doanh giai đoạn 2021-2025.

Tại Diễn đàn Kinh tế hợp tác, hợp tác xã năm 2022 với chủ đề "Chuyển đổi số - Động lực phát triển kinh tế hợp tác, hợp tác xã trong kỷ nguyên mới" diễn ra vào tháng 9 mới đây, Thủ tướng Chính phủ Phạm Minh Chính tiếp tục nhấn mạnh, chuyển đổi số là xu thế tất yếu, là công cụ quan trọng để phát triển và chuyển đổi mô hình kinh tế HTX một cách linh hoạt, phù hợp, đạt hiệu quả cao, tiết giảm chi phí, tối ưu nguồn lực; góp phần thay đổi phương thức sản xuất, giải phóng tối đa sức lao động, gia tăng giá trị sản phẩm, giúp các hợp tác xã tiếp cận nhanh với thị trường và gắn với chuỗi giá trị.

Để khu vực kinh tế HTX chuyển đổi số thành công, Thủ tướng lưu ý cần bám sát mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp tại Nghị quyết số 20-NQ/TW; có chính sách ưu tiên cho các tổ chức kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp, gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với chuỗi giá trị sản phẩm, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phát triển các tổ chức kinh tế tập thể gắn với phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn, kinh tế tri thức. Bên cạnh đó, đẩy mạnh ứng dụng mạnh mẽ khoa học công nghệ, công nghệ thông tin, thúc đẩy đổi mới sáng tạo, huy động mọi nguồn lực, tạo động lực theo tinh thần bắt kịp, tiến cùng với các khu vực kinh tế khác; xây dựng hệ sinh thái chuyển đổi số trong khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã. Xây dựng chiến lược phải có tổng thể, tầm nhìn xa, trông rộng, đầu tư phải phân kỳ, trọng tâm, trọng điểm. Đẩy mạnh xây dựng các hệ thống thông tin và các nền tảng số phục vụ cho chuyển đổi số trong khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã, sử dụng tài nguyên thông tin, dữ liệu thiết thực, hiệu quả, có tính kết nối, liên thông cao.

Huy động sự tham gia, chung tay của cả hệ thống chính trị, các hợp tác xã và người dân cùng chuyển đổi số HTX, nhằm chuyển đổi mô hình kinh tế một cách linh hoạt, phù hợp đạt hiệu quả cao, tiết giảm chi phí, tối ưu nguồn lực, Thủ tướng đề nghị các bộ, ngành, địa phương và Ban chỉ đạo chuyển đổi số của các bộ, ngành, địa phương khẩn trương, quyết liệt tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình Chuyển đổi số quốc gia, Chiến lược quốc gia phát triển Chính phủ số, Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số;

các nhiệm vụ tại Kế hoạch số 10-KH/TW ngày 23/8/2022 của Ban Chấp hành Trung ương nhằm sớm cụ thể hóa Nghị quyết số 20-NQ/TW, trong đó tập trung triển khai các nhiệm vụ trọng tâm là:

Thứ nhất, thay đổi nhận thức, tư duy về chuyển đổi số trong hoạt động quản lý nhà nước về kinh tế hợp tác, hợp tác xã trong bối cảnh nền kinh tế số. Xây dựng cơ sở dữ liệu chuyên ngành về HTX, liên thông với các cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành khác; tập trung xây dựng một số nền tảng số để phục vụ, hỗ trợ cho HTX về thông tin thị trường, khoa học công nghệ.

Thứ hai, xây dựng, hoàn thiện thể chế, tạo khuôn khổ pháp lý phù hợp, thúc đẩy sáng tạo, đổi mới, nâng cao hiệu quả hoạt động, có tầm nhìn dài hạn để kinh tế hợp tác, hợp tác xã phát triển nhanh và bền vững. Sớm sửa đổi Luật hợp tác xã năm 2012, trong đó nội dung cốt lõi là chuyển đổi số. Có chính sách đặc thù cho khu vực kinh tế hợp tác, hợp tác xã trong bối cảnh nền kinh tế số.

Thứ ba, có chính sách hỗ trợ, thu hút nguồn lực, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số, mở rộng thị trường cho khu vực kinh tế tập thể giúp các HTX thực hiện chuyển đổi số. Khẩn trương hoàn thiện Chương trình hỗ trợ chuyển đổi số trong khu vực doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. Trọng tâm trong chương trình là các cơ chế đặc thù cho HTX, xây dựng và phát triển một số nền tảng cơ sở dữ liệu dùng chung; đào tạo, tập huấn, nâng cao năng lực cho cán bộ quản lý HTX về chuyển đổi số, đào tạo kỹ năng số cho thành viên và người lao động trong HTX; phát triển hệ thống các sản phẩm OCOP; xây dựng hệ thống truy xuất nguồn

gốc sản phẩm áp dụng công nghệ hiện đại từ đầu vào đến đầu ra của sản phẩm, quy hoạch vùng nguyên liệu.

Thủ tướng yêu cầu, ngay sau khi Luật Hợp tác xã năm 2012 được sửa đổi, các bộ, ngành, địa phương phối hợp chặt chẽ để xây dựng Chương trình tổng thể phát triển kinh tế tập thể trên phạm vi toàn quốc và bảo đảm nguồn lực để thực hiện Chương trình. UBND các tỉnh, thành phố cần đề ra định hướng, triển khai cơ chế chính sách tập trung tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc tạo điều kiện cho kinh tế tập thể phát triển tại địa phương.

Đối với hệ thống liên minh HTX, cần tiếp tục đổi mới hoạt động, thể hiện tốt vai trò là cầu nối giữa Đảng và Nhà nước với khu vực kinh tế tập thể; vào cuộc sâu hơn để hỗ trợ các HTX chuyển đổi số phù hợp và tiếp cận các chính sách hỗ trợ của Nhà nước.

Đóng vai trò quan trọng nhất trong chuyển đổi số, các HTX với tư cách là các tổ chức kinh tế tự chủ cần chủ động thực hiện điều chỉnh phương thức hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng cường học hỏi kinh nghiệm, mô hình chuyển đổi số hiệu quả, chủ động nắm bắt các cơ hội kỷ nguyên số mang lại để phát triển và thích ứng với xu hướng phát triển mới. Trong đó nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi là thay đổi tư duy của các thành viên của HTX từ sản xuất truyền thống sang ứng dụng công nghệ; nhìn nhận đúng vai trò, ý nghĩa của việc ứng dụng công nghệ 4.0 vào quản lý sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, từ đó có sự quan tâm, đầu tư nâng cao trình độ nhân lực, thay đổi mô hình quản trị để tránh "lệch pha" giữa công nghệ và khả năng ứng dụng./.



VIỆT NAM NỖ LỰC VỚI CAM KẾT PHÁT THẢI RÒNG BẰNG 0

Duy Hưng

Phát thải khí nhà kính từ hiện thực trước mắt

Phát thải khí nhà kính do con người tạo ra được coi là nguyên nhân chính dẫn đến biến đổi khí hậu, thách thức lớn nhất đối với thế giới hiện nay. Việt Nam là một trong những quốc gia dễ bị tổn thương nhất trước biến đổi khí hậu với các hiện tượng lũ lụt, hạn hán, nước biển dâng, xâm thực mặn; xếp thứ 13 trong bảng xếp hạng Chỉ số Rủi ro Khí hậu 2021. Theo phân tích của Viện Tài nguyên thế giới về ảnh hưởng của biến đổi khí hậu, đặc biệt là lũ lụt đến GDP, Việt Nam đứng thứ 4 trong số 164 quốc gia được khảo sát về tác hại nghiêm trọng của lũ lụt đến toàn nền kinh tế, làm thiệt hại khoảng 2,3% GDP mỗi năm. Còn Ngân hàng Thế giới (WB) đưa ra dự báo biến đổi khí hậu có thể gây ảnh hưởng 1,5% tổng sản phẩm quốc nội của Việt Nam từ nay đến năm 2050 và sẽ tác động tiêu cực đến thành tựu vĩ mô, cải cách thể chế, đảm bảo mục tiêu bền vững môi trường của Việt Nam.

Nông nghiệp là ngành chịu nhiều thiệt hại nhất bởi theo ước tính, nếu mực nước biển dâng cao thêm 1m mà không có biện pháp

Tại Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên Hợp quốc năm 2021 (COP26), Việt Nam đã cam kết sẽ đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Đây được coi là cam kết mạnh mẽ đối với một quốc gia đang phát triển dựa trên các nguyên liệu hóa thạch với lượng phát thải tương đối lớn. Vì vậy, để có thể hiện thực được cam kết này, Việt Nam cần huy động sự tham gia đóng góp của cả xã hội, đặc biệt là từ phía các doanh nghiệp trên cả nước.

phòng ngừa hữu hiệu thì khoảng 40% diện tích Đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL), 11% diện tích Đồng bằng sông Hồng (ĐBSH) và 3% diện tích của các tỉnh khác thuộc vùng ven biển sẽ bị ngập. Lũ lụt sẽ khiến gần 50% diện tích đất nông nghiệp vùng ĐBSCL bị ngập chìm không còn khả năng canh tác.

Bên cạnh nông nghiệp, lĩnh vực khai khoáng, lâm nghiệp, thủy sản cũng được đánh giá là có giá trị

tổn thất cao ở các vùng kinh tế do biến đổi khí hậu gây ra. Các tác động rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu đến các doanh nghiệp ngành này chủ yếu là: Gián đoạn sản xuất kinh doanh, năng suất lao động bị giảm, suy giảm doanh thu, bị gián đoạn kênh vận chuyển, gia tăng chi phí sản xuất, mạng lưới phân phối đình trệ, giảm chất lượng sản phẩm, thiết hụt nhân lực, thiếu nguồn cung nguyên liệu sản xuất. Nghiên cứu của WWF Việt Nam cho thấy, năm 2019, giá trị tổn thất của ngành khai khoáng cao nhất khoảng 1,8 tỷ đồng, ngành nông nghiệp thiệt hại khoảng 962 triệu đồng, ngành công nghiệp thiệt hại khoảng 712 triệu đồng, ngành xây dựng thiệt hại khoảng 669 triệu đồng do biến đổi khí hậu gây ra.

Tuy nhiên, cần nhìn nhận một thực tế rằng, Việt Nam hiện cũng đang là một nguồn phát thải mới nổi. Trong vài thập kỷ gần đây, Việt Nam đang phát triển rất nhanh chóng dựa vào nguồn nguyên liệu hóa thạch vốn là tài nguyên của đất nước khiến cho Việt Nam trở thành nguồn phát thải khí nhà kính nhanh nhất Tiểu vùng sông Mê-kông mở rộng.



Nhận thức được những tác động khốc liệt tới môi trường Chính phủ Việt Nam đã rất tích cực coi trọng nỗ lực giảm nhẹ biến đổi khí hậu. Trong Đóng góp do Quốc gia tự Quyết định (NDC) bản điều chỉnh, Việt Nam cam kết cắt giảm 9% khí nhà kính so với kịch bản thông thường (BAU) và 27% với hỗ trợ quốc tế vào năm 2030. Đặc biệt tại Hội nghị thượng đỉnh về biến đổi khí hậu của Liên Hợp quốc năm 2021, Việt Nam cam kết đạt phát thải ròng bằng 0 vào năm 2050. Phát thải ròng bằng 0 (Net Zero) là sự cân bằng lượng khí nhà kính do hoạt động của con người tạo ra với một lượng tương đương được loại bỏ khỏi bầu khí quyển. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng cam kết sẽ chấm dứt nạn phá rừng vào năm 2030, không xây dựng nhà máy điện than mới sau năm 2030 và loại bỏ năng lượng điện than vào năm 2040. Những cam kết trên đã thể hiện quyết tâm cao độ của Việt Nam phát thải khí nhà kính.

Sự vào cuộc của Chính phủ

Để thực hiện các nội dung đã cam kết về Net Zero, Chính phủ Việt Nam đã vào cuộc mạnh mẽ bằng hàng loạt các chủ trương, chính sách. Trong đó phải kể đến Nghị định 06/2022/NĐ-CP về giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-zôn. Nghị định này quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, trong đó bao gồm điều 91 về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, Điều 92 về bảo vệ tầng ô-zôn, Điều 139 về tổ chức và phát triển thị trường carbon. Mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt trong Đóng góp do quốc gia tự quyết định (NDC), bao gồm mục tiêu giảm nhẹ phát thải khí nhà kính cho các lĩnh vực năng lượng, nông nghiệp, sử dụng đất và lâm nghiệp,

quản lý chất thải, các quá trình công nghiệp phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và các điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Chiến lược hướng đến Net Zero cũng là một phần của kinh tế xanh và tăng trưởng xanh. Trong nền kinh tế xanh, các khoản đầu tư kinh tế không chỉ góp phần tạo ra việc làm mới và cải thiện thu nhập mà còn góp phần giảm phát thải và các vấn đề về môi trường, sử dụng bền vững và hiệu quả các nguồn tài nguyên cũng như bảo vệ loại và các hệ sinh thái. Chiến lược quốc gia về tăng trưởng xanh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1658/QĐ-TTg ngày 01/10/2021 đặt ra mục tiêu đến năm 2030, cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP giảm ít nhất 15% so với năm 2014; đến năm 2050, cường độ phát thải khí nhà kính trên GDP giảm ít nhất 30% so với năm 2014. Đồng thời chuyển đổi mô hình tăng trưởng theo hướng xanh hóa các ngành kinh tế, áp dụng mô hình kinh tế tuần hoàn thông qua khai thác và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và năng lượng dựa trên nền tảng khoa học và công nghệ, ứng dụng công nghệ số và chuyển đổi số, phát triển kết cấu hạ tầng bền vững để nâng cao Chất lượng tăng trưởng, phát huy lợi thế cạnh tranh và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

Chiến lược bảo vệ môi trường quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 được phê duyệt theo Quyết định số 450/QĐ-TTg ngày 13/4/2022 do Phó Thủ tướng Lê Văn Thành ký ban hành đã xác định: Đẩy mạnh phát triển năng lượng tái tạo, sử dụng nhiên liệu sạch, sử dụng vật liệu xây dựng

không nung, thân thiện với môi trường; kiểm soát các chất làm suy giảm tầng ô-zôn từ các hoạt động sản xuất và tiêu dùng. Thiết lập và nhân rộng các mô hình phát triển kinh tế carbon thấp. Áp dụng các mô hình kinh tế tuần hoàn, thực hiện quản lý tổng hợp chất thải rắn; kiểm soát và giảm phát thải khí mê-tan từ các bãi chôn lấp chất thải.

Vai trò và đóng góp của doanh nghiệp

Nội dung Đóng góp do Quốc gia tự Quyết định năm 2020 của Việt Nam đã nêu rằng, các doanh nghiệp là một trong những nhóm tác nhân chính có vai trò quan trọng trong việc thực hiện các cam kết của Việt Nam. Điều này là hiển nhiên, bởi, các doanh nghiệp trên toàn cầu đóng góp tới 70% lượng khí thải carbon của thế giới. Tại Việt Nam, các doanh nghiệp đóng góp phần lớn vào GDP và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, đồng thời cũng chiếm phần lớn lượng phát thải khí nhà kính do các hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, doanh nghiệp có vai trò khá quan trọng trong các hành động chung của Việt Nam để thực hiện các cam kết.

Hơn thế nữa, việc tuân theo các nguyên tắc và phát thải đối với các doanh nghiệp ngày nay là một trong các yêu cầu bắt buộc trong xu thế hội nhập kinh tế toàn cầu. Quản lý rủi ro của biến đổi khí hậu đang nhanh chóng trở thành một yếu tố cần thiết nếu doanh nghiệp muốn đảm bảo sự thịnh vượng lâu dài và đạt được lợi ích thương mại. Hiện nay, có hơn 190 quốc gia và vùng lãnh thổ đã thông qua Thỏa thuận Paris, một hiệp ước quốc tế ràng buộc về mặt pháp lý về biến đổi khí hậu tạo COP21 năm 2015. Qua đó, các nhà đầu tư, người tiêu dùng đã có những yêu cầu chặt chẽ hơn,

đòi hỏi sự cam kết của các doanh nghiệp trong thực hiện các hành động bảo vệ môi trường. Khi đứng ngoài các cam kết, doanh nghiệp sẽ có nhiều khả năng phải đối mặt với các vấn đề như: Không tuân thủ các quy định của Chính phủ, đầu tư thua lỗ, bị bỏ lại phía sau, bị đe dọa bởi sự bất ổn của chuỗi cung ứng và tiếp tục chịu ảnh hưởng của các hiện tượng thời tiết khắc nghiệt.

Bên cạnh đó, khi đưa mục tiêu Net Zero vào chiến lược kinh doanh, doanh nghiệp sẽ có cơ hội để tái định vị, xác định và chuyển đổi mục đích sử dụng các sản phẩm và dịch vụ hiện có thành các dịch vụ có năng suất cao hơn, chất lượng tốt hơn. Thêm vào đó, để thúc đẩy quá trình thực hiện cam kết, nhiều nguồn vốn đầu tư cũng ưu tiên sử dụng cho các doanh nghiệp có cam kết hành động vì khí hậu. Điều này cũng tạo cơ hội đặc biệt cho các doanh nghiệp đầu tư cho quá trình chuyển đổi bằng cách mở rộng phạm vi các nguồn vốn truyền thống.

Để thực hiện mục tiêu phát thải ròng bằng 0, trước hết, doanh nghiệp cần xây dựng báo cáo khí hậu rõ ràng. Báo cáo này sẽ giúp tạo dựng niềm tin với các bên đối tác, thể hiện thông điệp rõ ràng đến thị trường, chuỗi cung ứng, nhân viên chính phủ rằng doanh nghiệp đó minh bạch và có trách nhiệm trong quá trình chuyển đổi của mình. Nghị định 06/2022/NĐ-CP cũng quy định rõ các cơ sở phát thải khí nhà kính thuộc danh mục theo Quyết định số 01/2022/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phải thực hiện giảm nhẹ phát thải khí nhà kính theo kế hoạch do

doanh nghiệp xây dựng bằng cách: Cung cấp dữ liệu và thông tin liên quan đến kiểm kê khí nhà kính theo hướng dẫn của Bộ tài Nguyên và Môi trường và thực hiện các biện pháp giảm phát thải khí nhà kính kể từ năm 2023; Kiểm kê phát thải khí nhà kính, xây dựng và thực hiện kế hoạch giảm phát thải khí nhà kính từ năm 2025.

Giải pháp tốt nhất để giải bài toán carbon thấp cho doanh nghiệp hiện nay là tập trung vào sự chuyển dịch năng lượng thông qua sử dụng năng lượng tái tạo, thực hành sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả, quản lý năng lượng thông qua giám sát và kiểm soát năng lượng. Thực tế cho thấy, phát triển nguồn năng lượng tái tạo đang dần chiếm vị trí quan trọng trong sự phát triển kinh tế bền vững ở các quốc gia do lợi ích to lớn của việc tận dụng tối đa nguồn tài nguyên thiên nhiên vô tận như gió, mặt trời, nước, sóng biển..., đồng thời góp phần giảm tác động của hiệu ứng nhà kính và biến đổi khí hậu. Ngoài ra, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả mang lại rất nhiều lợi ích: Giảm phát thải khí nhà kính, giảm nhu cầu nhập khẩu năng lượng và giảm chi phí cho doanh nghiệp. Cải thiện hiệu suất sử dụng năng lượng là lựa chọn tiết kiệm hơn nhiều so với chuyển đổi sang năng lượng tái tạo và thường là cách nhanh nhất để giảm sử dụng năng lượng hoá thạch. Các giải pháp trên cũng sẽ góp phần thúc đẩy doanh nghiệp sẵn sàng thể hiện khả năng thích ứng nhanh chóng và đưa ra các giải pháp sáng tạo thúc đẩy sự chuyển đổi hướng đến phát triển bền vững./.

Còn nhiều vướng mắc cần tập trung tháo gỡ

Nhà ở xã hội là một trong những chương trình nhà ở có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của một quốc gia. Trong nhiều thập kỷ qua, mô hình nhà ở xã hội đã được một số nước trên giới quan tâm và phát triển thành công như Mỹ, Singapore, Nhật Bản...

Tại Việt Nam, việc triển khai chương trình nhà ở xã hội (NOXH) đã trải qua khoảng 12 năm và đạt được một số kết quả rất đáng ghi nhận. Theo Bộ Xây dựng, tính đến nay, trên địa bàn cả nước, đã hoàn thành 301 dự án nhà ở xã hội khu vực đô thị, quy mô xây dựng khoảng 155,8 nghìn căn, với tổng diện tích khoảng 7,8 triệu m²; 401 dự án đang tiếp tục triển khai, với quy mô xây dựng khoảng 454,4 nghìn căn, với tổng diện tích khoảng 22,7 triệu m². Trong đó, đối với dự án nhà ở xã hội, đến nay, đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng 175 dự án, quy mô xây dựng hơn 93 nghìn căn hộ, với tổng diện tích khoảng 4,6 triệu m²; 274 dự án đang tiếp tục triển khai, quy mô xây dựng khoảng 294 nghìn căn hộ, với tổng diện tích khoảng 14,7 triệu m². Đối với nhà ở công nhân, đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng 126 dự án, với quy mô xây dựng khoảng 62,7 nghìn căn hộ, với tổng diện tích 3,1 triệu m²; đang tiếp tục triển khai (bao gồm các dự án đã được chấp thuận đầu tư và đang triển khai đầu tư xây dựng) 127 dự án với quy mô xây dựng hơn 160 nghìn căn hộ, tổng diện tích hơn 8 triệu m².

Triển khai Nghị quyết số 11/NQ-CP của Chính phủ về chương trình phục hồi nền kinh tế, trong 6 tháng đầu năm 2022, trên địa bàn cả nước đã hoàn thành việc đầu tư xây dựng 13 dự án nhà ở xã hội dành cho người thu nhập thấp khu vực đô thị và công nhân khu công nghiệp, quy mô xây dựng khoảng 6.000 căn, với tổng diện tích khoảng 300 nghìn m²

GỖ NÚT THẮT

PHÁT TRIỂN NHÀ Ở XÃ HỘI TẠI VIỆT NAM

Trúc Linh

Thời gian qua, với sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị, các cấp, ngành và đặc biệt là vai trò của địa phương, doanh nghiệp, hàng trăm dự án nhà ở xã hội, nhà ở công nhân đã hoàn thành, giúp nhiều hộ gia đình thu nhập thấp được cải thiện nhà ở, có chỗ ở an toàn. Tuy nhiên, quá trình triển khai các chính sách về nhà ở xã hội cũng bộc lộ một số tồn tại, hạn chế cần được tháo gỡ.

sàn xây dựng. Đã khởi công, động thổ 13 dự án với tổng số khoảng 28,8 nghìn căn, tổng diện tích xây dựng khoảng 1,5 triệu m².

Tuy nhiên, theo đánh giá của giới chuyên gia, quá trình triển khai thực hiện các chính sách về nhà ở xã hội cũng đã bộc lộ một số hạn chế và thách thức, chưa đáp ứng được yêu cầu hoặc chỉ mới đáp ứng được một phần nhỏ nhu cầu của công nhân lao động.

Bộ Xây dựng cho biết, mặc dù Nghị định số 49/2021/NĐ-CP ngày 1/4/2021 đã sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 100/2015/NĐ-CP của Chính phủ để tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong việc phát triển NOXH, nhà ở công nhân, tuy nhiên vẫn còn một số tồn tại cần tiếp tục nghiên cứu sửa đổi tại Luật Nhà ở và các luật khác liên quan. Cụ thể: Trình tự thủ tục đầu tư xây dựng, mua, bán NOXH còn kéo dài, thậm chí phức tạp hơn các dự án nhà ở thương mại.

Việc xác định giá trước khi thực hiện bán, cho thuê, cho thuê mua đối với NOXH đầu tư xây dựng bằng nguồn vốn ngoài ngân sách

phải được cơ quan nhà nước cấp tỉnh thẩm định cũng kéo dài thời gian, tốn kém cho doanh nghiệp.

Các chính sách ưu đãi cho chủ đầu tư dự án NOXH, nhà ở công nhân đã ban hành chưa đủ hấp dẫn, không thực chất, không thu hút, khuyến khích chủ đầu tư.

Với quy định các dự án NOXH phải dành tối thiểu 20% diện tích NOXH trong dự án để cho thuê và chủ đầu tư chỉ được bán sau 5 năm đưa vào sử dụng thì trên thực tế, có nhiều dự án không cho thuê được phần diện tích này nên dẫn đến tình trạng các căn hộ để không, lãng phí trong khi đó chủ đầu tư không được bán nên không thu hồi được vốn, làm giảm thu hút đầu tư.

Bộ Xây dựng nêu rõ, Luật Nhà ở hiện hành chưa có quy định cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã thuộc đối tượng được mua, thuê, thuê mua NOXH trong khi trên thực tế nhu cầu của các doanh nghiệp, hợp tác xã muốn mua, thuê NOXH để cho người lao động của họ thuê lại để ở là rất lớn.

Về thực hiện miễn tiền sử dụng đất đối với chủ đầu tư, Bộ Xây dựng

cho biết theo quy định của pháp luật về nhà ở thì chủ đầu tư dự án NOXH được miễn tiền sử dụng đất trong phạm vi dự án (bao gồm cả phần kinh doanh nhà ở thương mại). Tuy nhiên pháp luật về đất đai quy định tại Khoản 3 Điều 8 Thông tư số 10/2018/TT-BTC yêu cầu chủ đầu tư khi bán nhà (cùng với chuyển nhượng quyền sử dụng đất) cho khách hàng thì phải nộp lại số tiền sử dụng đất được miễn, trong khi chủ đầu tư đã dùng lợi nhuận của phần kinh doanh thương mại (trong cơ cấu giá bán đã tính tiền sử dụng đất) để bù đắp, giảm giá thành cho dự án NOXH.

Về khâu tổ chức thực hiện, theo Bộ Xây dựng, ngân sách Trung ương chưa bố trí được đầy đủ nguồn vốn ưu đãi thực hiện chính sách NOXH, nhà ở công nhân khi bố trí nguồn vốn cho Ngân hàng Chính sách xã hội trong giai đoạn 2016-2020 còn thấp, mới chỉ đáp ứng khoảng 35% so với nhu cầu của Ngân hàng Chính sách xã hội; nguồn vốn để cấp bù lãi suất cho các tổ chức tín dụng để cho vay thực hiện chính sách NOXH theo Nghị định 100/2015/NĐ-CP đến nay vẫn chưa được bố trí; chưa đưa các chỉ tiêu phát triển nhà ở, đặc biệt là chỉ tiêu phát triển NOXH, nhà ở cho công nhân vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm và hàng năm.

Ngoài ra, tình trạng chưa xác định rõ quỹ đất cho phát triển NOXH trong quy hoạch đô thị, khu công nghiệp; chưa thực hiện nghiêm quy định dành 20% quỹ đất trong các dự án nhà ở thương mại để phát triển NOXH, dẫn đến thiếu quỹ đất sạch để triển khai các dự án NOXH...

Đánh giá của Bộ Xây dựng cũng cho thấy, một số địa phương còn chưa thực sự quyết liệt trong công tác cải cách thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp và người dân tham gia đầu tư xây dựng NOXH dẫn đến thời gian chuẩn bị đầu tư, bồi thường giải phóng mặt bằng, giao đất, thời gian thẩm định, phê duyệt quy hoạch, dự án... vẫn còn kéo dài.

Bên cạnh đó, còn nhiều doanh nghiệp trong khu công nghiệp chưa quan tâm đến nhà ở cho công nhân và người lao động của mình.

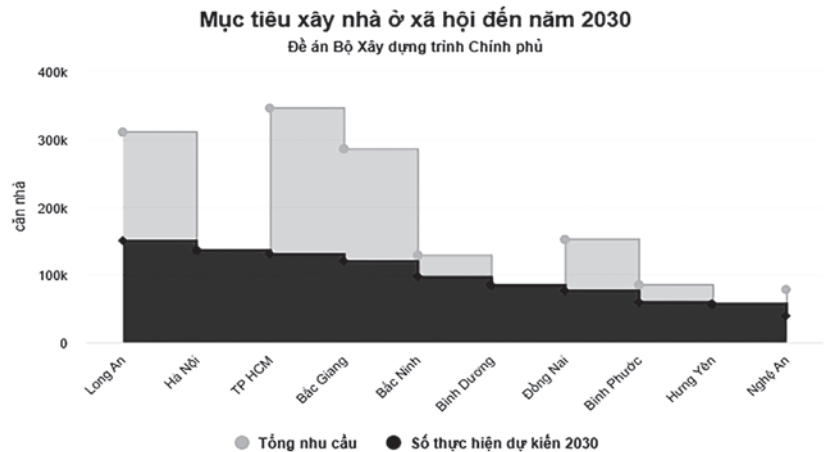
Tháo gỡ khó khăn, hướng đến mục tiêu 1 triệu căn hộ vào năm 2030

Trước những khó khăn, vướng mắc kéo dài trong công tác phát triển NOXH cho công nhân, người thu nhập thấp ở đô thị, ngày 1/8/2022, Chính phủ đã tổ chức Hội nghị "Phát triển NOXH cho công nhân, người thu nhập thấp" dưới sự chủ trì của Thủ tướng Phạm Minh Chính.

Tại Hội nghị, Thủ tướng Phạm Minh Chính khẳng định, vấn đề phát triển NOXH luôn được Đảng, Nhà nước đặc biệt quan tâm, thường xuyên chỉ đạo, điều hành, đồng thời giao nhiệm vụ cụ thể cho từng bộ, ngành, địa phương tập trung vào một số công việc cấp thiết, gồm: Khuyến khích các thành phần kinh tế tham gia đầu tư; phát triển NOXH gắn với phát triển thị trường bất động sản ở mỗi địa phương; tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách để nhà đầu tư

nước ngoài tham gia tích cực, hiệu quả hơn trong phát triển NOXH cho công nhân, người lao động...

Thủ tướng đã giao Bộ Xây dựng chủ trì, xây dựng Đề án đầu tư, xây dựng ít nhất 1 triệu căn hộ nhà ở xã hội cho công nhân, người thu nhập thấp trong giai đoạn từ nay tới năm 2030.



Theo đó, các địa phương có trung tâm công nghiệp sẽ xây nhiều căn nhà ở xã hội hơn. Trong đó, dẫn đầu là Long An (310.000 căn), Bắc Giang (285.143 căn), Bắc Ninh (96.247 căn), (Bình Dương 84.000 căn)...

Nhà ở xã hội cũng sẽ được ưu tiên xây tại các đô thị lớn như Hà Nội (xây thêm 136.000 căn), TP HCM (130.000 căn hộ), Hải Phòng (45.355 căn), Đà Nẵng (19.360 căn)...

Đề án dự kiến phân làm 2 giai đoạn. Trong đó, giai đoạn 2021-2025 khoảng 700.000 căn, đáp ứng khoảng 54% nhu cầu. Từ 2025-2030 hoàn thành 1,1 triệu căn, đáp ứng 85%.

Để đạt mục tiêu có ít nhất 1 triệu căn nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân, Bộ Xây dựng khẳng định sẽ tiếp tục rà soát các vướng mắc, phân cấp triệt để, rút ngắn thủ tục hành chính. Các chính sách được thiết kế sẽ theo hướng hậu kiểm, từ giá bán, đối tượng đến các điều kiện.

Với nút thắt về quỹ đất, Bộ sẽ đôn đốc các địa phương rà soát, bổ sung quy hoạch, bố trí quỹ đất. Quy định dành quỹ đất 20% làm nhà ở xã hội trong các dự án nhà ở, khu đô thị và đảm bảo nhu cầu phát triển nhà ở xã hội sẽ được thực hiện nghiêm.

Ngoài ra, Bộ đề nghị sửa đổi Luật Nhà ở, Luật Đất đai, Luật Đầu tư, Luật Thuế... theo hướng sửa các cơ chế chính sách cho nhóm người thu nhập thấp, quy định cụ thể về đối tượng, điều kiện thụ hưởng chính sách.

Bên cạnh đó, để mục tiêu này sớm đạt được, Bộ Xây dựng đánh giá, người đứng đầu địa phương cũng phải xác định xây dựng nhà ở xã hội là nhiệm vụ chính trị của cá nhân.

Các chuyên gia, nhà quản lý đều cho rằng, với sự chỉ đạo quyết liệt, sát với thực tế, nói đi đôi với làm của Thủ tướng Phạm Minh Chính, công tác phát triển NOXH thời gian tới sẽ đạt được những kết quả tích cực. Đồng thời cũng kiến nghị một số giải pháp để các bộ, ngành, địa phương cùng nghiên cứu, triển khai căn cứ vào điều kiện thực tế mỗi địa bàn, trong đó quan trọng nhất đó là việc cải cách, giảm tải thủ tục hành chính, trình tự thủ tục đầu tư xây dựng dự án NOXH thành quy trình chuẩn để các địa phương thống nhất thực hiện./.

TIN ĐỊA PHƯƠNG

Nam Định: Chỉ số sản xuất công nghiệp 10 tháng năm 2022 tăng 14,21% so với cùng kỳ

Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng 10/2022 trên địa bàn tỉnh Nam Định ước tăng 2,66% so với tháng trước và tăng 15,36% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng giảm 1,76%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 2,69%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt tăng 2,57%; cung cấp nước, xử lý rác thải, nước thải tăng 0,11% so với tháng trước.

Tính chung 10 tháng năm 2022, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 14,21% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, ngành chế biến, chế tạo tăng 14,50%, đóng góp 14,02 điểm phần trăm vào mức tăng chung; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí tăng 5,27%, đóng góp 0,12 điểm phần trăm; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,74%, đóng góp 0,08 điểm phần trăm; riêng ngành khai khoáng giảm 4,03%, làm giảm 0,01 điểm phần trăm.

Một số ngành công nghiệp cấp II duy trì sản xuất ổn định và có chỉ số sản xuất tăng so với cùng kỳ năm trước: Sản xuất đồ uống tăng 14,40%; dệt tăng 13,27%; sản xuất trang phục tăng 19,77%; sản xuất da và các sản phẩm liên quan tăng 25,28%; in, sao chép bản ghi các loại tăng 9,33%; sản xuất thiết bị điện tăng 18,62%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế tăng 16,09%.../.

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Nam Định

Thái Nguyên: Hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục có nhiều khởi sắc

Hoạt động thương mại, dịch vụ trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trong tháng 10/2022 tiếp tục có nhiều khởi sắc, doanh thu và lượng khách đã được phục hồi ở hầu hết các ngành và ghi nhận mức tăng cao so với cùng kỳ, tạo đà tăng trưởng trong những tháng cuối năm 2022.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng trên địa bàn tỉnh tháng 10/2022 ước đạt 5.807,7 tỷ đồng, tăng 8,6% so với tháng trước

và tăng 39% so với cùng kỳ. Phân theo thành phần kinh tế, khu vực kinh tế Nhà nước ước đạt 215,5 tỷ đồng, tăng 13,9% cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước ước đạt 5.579,6 tỷ đồng, tăng 40,2% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 12,6 tỷ đồng, tăng 44,9% so với cùng kỳ.

Phân theo nhóm ngành kinh tế, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 4.119,7 tỷ đồng, tăng 7,4% so với tháng trước và tăng 24,1% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 968,5 tỷ đồng, tăng 16,5% so với tháng trước và tăng 177,7% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lữ hành đạt 22,3 tỷ đồng, giảm 3,8% so với tháng trước và gấp khoảng 28 lần so với cùng kỳ (do cùng kỳ bị ảnh hưởng tiêu cực của đại dịch Covid-19); doanh thu dịch vụ khác ước đạt 697,1 tỷ đồng, tăng 6,4% so với tháng trước và tăng 37,4% so với cùng kỳ.

Lũy kế 10 tháng năm 2022, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu tiêu dùng trên địa bàn tỉnh ước đạt 45.169,1 tỷ đồng, tăng 24,3% so với cùng kỳ. Phân theo thành phần kinh tế, khu vực kinh tế Nhà nước ước đạt 1.941,6 tỷ đồng, tăng 7% so với cùng kỳ; khu vực kinh tế ngoài Nhà nước ước đạt 43,1 nghìn tỷ đồng, tăng 25,2% cùng kỳ; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 95,2 tỷ đồng, tăng 26,7% so với cùng kỳ.

Phân theo nhóm ngành kinh tế, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 34.026 tỷ đồng, tăng 19% so với cùng kỳ; doanh thu dịch vụ lưu trú, ăn uống ước đạt 5.359,5 tỷ đồng, tăng 67,9%; doanh thu dịch vụ khác ước đạt 5.652,1 tỷ đồng, tăng 24,9%; doanh thu dịch vụ du lịch, lữ hành ước đạt 131,4 tỷ đồng, tăng 369,1%.

Có thể thấy rằng, với sự phục hồi tốt, nhu cầu tiêu dùng của người dân tăng cao ở hầu hết các nhóm ngành hàng, đặc biệt là trong các dịp lễ, tết sắp tới là những yếu tố thuận lợi thúc đẩy phát triển sản xuất và thương mại trong những tháng còn lại của năm 2022, góp phần hoàn thành và hoàn thành vượt kế hoạch năm 2022 đã đề ra./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Thái Nguyên

Điện Biên: Vốn đầu tư phát triển toàn xã hội tăng khá

Dự ước vốn đầu tư phát triển toàn xã hội trên địa bàn tỉnh Điện Biên trong tháng 10 đạt 1.652,27 tỷ đồng, tăng 28,84% so với tháng trước và 7,08% so với cùng kỳ năm trước, bao gồm: Vốn Nhà nước trên địa bàn đạt 890,91 tỷ đồng, tăng 38,00% và 7,48% (vốn Trung ương quản lý đạt 473,27 tỷ đồng,

tăng 37,97% và 24,58%; vốn địa phương quản lý đạt 417,65 tỷ đồng, tăng 38,03%, giảm 6,99%); Vốn ngoài Nhà nước đạt 761,36 tỷ đồng, tăng 19,56% và 6,62%.

Tính chung 10 tháng đầu năm, vốn đầu tư toàn xã hội thực hiện dự tính đạt 12.127,35 tỷ đồng, tăng 19,06% so với cùng kỳ năm trước, đạt 69,47 kế hoạch, bao gồm: Vốn Nhà nước trên địa bàn đạt 5.634,97 tỷ đồng, tăng 8,12%, đạt 67,19 kế hoạch (vốn Trung ương quản lý đạt 2.993,34 tỷ đồng, tăng 23,59%, đạt 65,75% kế hoạch; vốn địa phương quản lý đạt 2.641,63 tỷ đồng, giảm 5,32%, đạt 68,89 kế hoạch). Vốn ngoài Nhà nước đạt 6.492,38 tỷ đồng, tăng 30,52% so với cùng kỳ, đạt 71,59% kế hoạch./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Điện Biên

Tây Ninh: Hoạt động ngành vận tải đạt tốc độ tăng trưởng khá

Tháng 10/2022, hoạt động ngành vận tải, bưu chính và chuyển phát trên địa bàn tỉnh Tây Ninh đạt tốc độ tăng trưởng khá, trong đó nhóm ngành vận tải hành khách tăng cao so với cùng kỳ năm trước, cụ thể như sau: Doanh thu vận tải, kho bãi và dịch vụ hỗ trợ vận tải trong tháng 10/2022 ước đạt 337,40 tỷ đồng, tăng 1,09% so với tháng trước (tăng 68,54% so với tháng cùng kỳ), trong đó vận tải hành khách đạt 119,26 tỷ, tăng 0,68% (và tăng 338,54% so tháng cùng kỳ), doanh thu vận tải hàng hoá tăng 1,38% so với tháng trước (tăng 21,08% so tháng cùng kỳ).

Cộng dồn 10 tháng đầu năm, doanh thu ước đạt 3.188 tỷ đồng, so với cùng tăng 60,26%, trong đó: doanh thu vận chuyển hành khách đạt 1.174,72 tỷ đồng tăng 164,98%, doanh thu vận chuyển hàng hóa đạt 1.885 tỷ đồng tăng 26,04%. Riêng doanh thu hoạt động kho bãi, dịch vụ hỗ trợ vận tải đạt 111,93 tỷ đồng tăng 125,59% so với 10 tháng năm 2021.

Lượng vận tải hành khách tháng 10/2022 ước đạt 2.196 nghìn lượt khách, tăng 0,66% và luân chuyển được 140.828 nghìn lượt khách.km, tăng 0,65% so tháng trước. Lũy kế 10 tháng, vận chuyển hành khách trên địa bàn đạt 20.607 nghìn lượt khách, tăng 138,04%, luân chuyển hành khách đạt 1.266.206 nghìn lượt khách.km, tăng 95,73% so cùng kỳ.

Khối lượng vận tải hàng hóa vận chuyển, ước tháng 10 đạt 1.393 nghìn tấn, tăng 0,57% và luân chuyển được 106.000 nghìn tấn.km, tăng 0,85% so tháng trước. Mười tháng đầu năm, vận chuyển hàng hóa ước tính đạt 13.471 nghìn tấn, tăng 16,29% và luân chuyển được 1.033.344 nghìn tấn.km, cũng tăng 19,28%. Vận tải hàng hóa của tỉnh phát triển tập trung ở vận tải đường bộ với khối lượng hàng hóa vận chuyển trong 10 tháng đầu năm ước đạt 13.469 nghìn tấn, tăng 16,74%, luân chuyển 1.033.334 nghìn tấn.km, cũng tăng 19,59% so cùng kỳ năm trước./

Nguồn: Cục Thống kê tỉnh Tây Ninh

Theo nghiên cứu, vào những năm 1970, cứ 10 người Singapore thì có một người làm nông nghiệp. Nhiều vườn cây ăn quả, trồng rau sạch, trang trại nuôi gia súc, gia cầm nằm rải rác trên quốc đảo này. Tuy nhiên, những năm sau đó, do có sự đô thị hóa nhanh chóng nên hầu hết những nghề này đã biến mất. Quá trình cạnh tranh do nhu cầu sử dụng đất ngày càng tăng, dẫn đến đất dành cho sản xuất nông nghiệp bị thu hẹp lại và hiện nay chỉ còn chiếm khoảng 1% diện tích của đất nước này, tập trung chủ yếu ở phía Bắc. Nguồn cung cấp thực phẩm của Singapore ngày càng phụ thuộc vào nhập khẩu từ nước ngoài. Trước tình trạng đó, những năm gần đây, Chính phủ Singapore đã bắt đầu xây dựng chiến lược phát triển nông nghiệp đô thị nhằm đảm bảo an ninh lương thực của quốc gia.

Năm 2014, để đẩy mạnh phong trào phát triển nông nghiệp đô thị, áp dụng công nghệ cao, Chính phủ đã công bố Quỹ năng suất nông nghiệp trị giá 63 triệu đô la Singapore (khoảng 47 triệu USD) để hỗ trợ các trang trại tăng sản lượng bằng cách sử dụng các công nghệ tiên tiến. Cho đến nay, đã có hơn 100 trang trại tại các địa phương được hưởng lợi từ Quỹ này.

Từ năm 2017, không gian sản xuất nông nghiệp công nghệ cao ở hai quận ven đô là Lim Chu Kang và Sungei Tengah đã được ưu tiên cho các dự án trang trại thương mại quy mô lớn. Theo đó, mọi công đoạn đều được tối ưu hóa để sản xuất đạt công suất tối đa.

Cũng tại thời điểm này, nhiều ý tưởng về nuôi trồng thực phẩm tận dụng không gian trong đô thị đã lần lượt xuất hiện và được khuyến khích phát triển ở Singapore, như: Trang trại ứng dụng phương pháp thủy canh trên mái các tòa nhà cao tầng, thường được gọi là Citiponics; Các trang trại thẳng đứng (vertical farm) trong các tòa nhà cao tầng, cao ốc, văn phòng nhằm phát triển các loại thực phẩm không thể sản xuất trong nước, thay thế nhập khẩu và cắt giảm lượng khí thải carbon; Hình thành hệ thống sản xuất trong nhà kính tốt hơn cho vùng khí hậu nhiệt đới, lấy mô hình từ Vườn Natsuki ở trung tâm thành phố. Theo đó,

NÔNG NGHIỆP ĐÔ THỊ CỦA SINGAPORE

Gia Linh

nhà kính được thiết kế tùy chỉnh cho khí hậu nhiệt đới để không khí lưu thông tốt hơn nhưng vẫn tạo ra năng suất 60-80 kg thực phẩm mỗi mét vuông.

Đặc biệt, năm 2019, Cơ quan lương thực Singapore (SFA) cũng đã đưa ra chương trình “30 x 30”, với mục tiêu sản xuất 30% nhu cầu thực phẩm tại đất nước này vào năm 2030. Các chuyên gia cho rằng, đây là mục tiêu đầy tham vọng, song Singapore đã có bước đi chắc chắn, chủ trương tận dụng tối đa nền tảng khoa học - công nghệ để phát triển các giải pháp sáng tạo, nhằm giải quyết những hạn chế về không gian và nguồn lực.

Năm 2019, Singapore có 220 trang trại sản xuất nông nghiệp, trong đó có 122 trang trại nuôi cá trên biển và trên đất liền và phần lớn các trang trại cá ngoài khơi nằm ở eo biển Johor ở phía Bắc của hòn đảo này. Nuôi trồng thủy sản dọc trên cạn cũng đang được xem là một giải pháp thay thế để tăng sản lượng cá. Bên cạnh đó, Singapore cũng liên kết với Brunei để xây dựng các trang trại nuôi cá thẳng đứng áp dụng công nghệ cao, đó là các trang trại được thiết kế nhiều tầng, có thể tiết kiệm được diện tích mặt bằng nhưng mang lại hiệu quả cao.

Cơ quan Lương thực Singapore đánh giá, các mặt hàng thực phẩm có tiềm năng tăng sản lượng trong nước bao gồm rau củ, trứng và cá. Ba mặt hàng này được tiêu thụ phổ biến nhưng lại khó bảo quản

Là quốc gia khan hiếm đất đai, ít tài nguyên thiên nhiên, Singapore hiện chỉ sản xuất dưới 10% lượng lương thực đáp ứng cho nhu cầu trong nước, phần còn lại quốc gia này phải nhập khẩu từ hơn 170 quốc gia và khu vực trên thế giới. Trước thực tế đó, để đảm bảo một phần an ninh lương thực, bảo vệ sự đa dạng sinh học, kiểm chế biến đổi khí hậu, chính phủ quốc đảo “sư tử” đã đề ra chiến lược mới, thay đổi trọng tâm canh tác từ nông nghiệp nông thôn sang nông nghiệp đô thị, công nghệ cao và coi đây là giải pháp hữu hiệu để tạo ra nhiều lương thực hơn một cách hiệu quả và bền vững.

được lâu và dễ bị gián đoạn nguồn cung. Ngoài ra, các nguồn protein thay thế như thịt có nguồn gốc thực vật hay thịt được nuôi cấy trong phòng thí nghiệm cũng có thể đóng góp vào mục tiêu “30 x 30” này.

Với điều kiện đất đai hạn hẹp, chỉ với 1% đất dành cho sản xuất nông nghiệp, Chính phủ Singapore khuyến khích người dân sử dụng

công nghệ để đạt được mức sản lượng cao trong sản xuất. Và công nghệ đã thực sự đóng vai trò quan trọng trong đảm bảo an ninh lương thực của quốc gia này.

Trong sản xuất rau ăn lá, người dân Singapore đã có những cách sáng tạo để bố trí trang trại trồng rau ở các khu vực khác nhau trong thành phố. Các trang trại đô thị được phát triển rất mạnh và sản xuất nông nghiệp được triển khai ở khắp nơi, tận dụng khoảng không trên các mái nhà, trên các sân thượng và ở những không gian chưa được tận dụng như dưới các gầm cầu để trồng trọt. Những trang trại trồng rau này được nhận khoản tài trợ từ Chính phủ trong chương trình “30x30” lên đến 30 triệu đô la Singapore (khoảng 22 triệu USD). Phần lớn các khu chung cư ở Singapore là nhà ở công cộng và Chính phủ cho phép sử dụng các mái nhà để làm không gian cho sản xuất nông nghiệp vì lợi ích cộng đồng.

Nóc nhà của các bãi đậu xe nhiều tầng trong các khu nhà ở công cộng cũng đã được Chính phủ cho phép người dân sử dụng để trồng rau. Năm 2020, đã có 238 trang trại được Chính phủ cấp phép sản xuất. Trong đó, có 109 trang trại nuôi cá ven biển; 87 trang trại các loại rau lá, 19 trang trại nuôi cá trên đất liền; 10 trang trại tổng hợp; 7 trang trại trồng đậu... Các trang trại này đã cho thấy cách thức đổi mới sản xuất có thể mang lại năng suất cao trong điều kiện hạn hẹp về đất đai.

Chính phủ Singapore nhận thấy, nếu các phương pháp canh tác này được áp dụng trên quy mô lớn hơn, Singapore có thể khắc phục được những hạn chế về nguồn lực và tăng cường khả năng cung cấp thực phẩm ở các loại rau ăn lá và cá. Đến nay, các trang trại sản xuất nông nghiệp đô thị của Singapore đã đáp ứng được 14% nhu cầu về rau ăn lá, 26% nhu cầu về trứng và 10% nhu cầu về cá. Sự kết hợp của công nghệ, kỹ thuật, thiết kế và canh tác đã tạo tiền đề cho sự chuyển đổi trong sản xuất nông nghiệp ở Singapore.

Mới đây, trang trại thẳng đứng GroGrace do Urban Farming Partners Singapore (UFPSPG) khởi xướng, là sự hợp tác giữa Singapore và Hà Lan nhằm cung cấp các giải pháp toàn diện cho ngành nông nghiệp trong nhà. Theo người sáng lập dự án của UFPSPG, trang trại được thiết kế để tiết kiệm năng lượng hơn, chẳng hạn như thông qua việc thu hoạch nước mưa để phát triển cây trồng. Với công nghệ mới từ Hà Lan, phần lá rau bên trên được giữ cho tuyệt đối khô thoáng và không khí xung quanh lá cũng được kiểm soát chặt chẽ nhằm ngăn chặn sự phát triển của nấm. Quá trình canh tác cũng chủ yếu dựa vào nước mưa được hứng và trữ lại nên đảm bảo tính bền vững.

Cây trồng được trồng trong môi trường kiểm soát tối ưu 24/7 thông qua các cảm biến ngoài trời sử dụng năng lượng mặt trời, theo dõi chỉ số về lượng mưa, độ ẩm, nhiệt độ, ánh sáng mặt trời cũng như tốc độ và hướng gió. Trong khi đó, các cảm biến trong nhà theo dõi ánh sáng, pH, điện giải và mức CO₂. Tất cả các dữ liệu cảm biến được đưa vào hệ thống điều khiển, tự động kích hoạt những cơ chế khác nhau

như che nắng tự động, phun sương nước, quạt làm mát hay rèm ướt. Đối với pH và EC, hệ thống sẽ tính toán mức độ phân bón phù hợp để trộn với oxy hoà tan và nước, trước khi bơm vào hệ thống tưới tiêu của trang trại.

Các chuyên gia cho rằng, sự hợp tác giữa Hà Lan và Hệ thống nông nghiệp đô thị Singapore đã giúp Singapore tập trung nhiều nguồn lực nhằm tạo ra nền nông nghiệp đô thị bền vững và độc đáo, có khả năng ứng dụng tại các thành phố và các siêu đô thị.

Việc phát triển nông nghiệp công nghệ cao cũng là ưu tiên hàng đầu của giới chức Singapore nhằm đảm bảo nguồn cung thực phẩm cho quốc đảo này. Chính phủ nước này mới đây đã cam kết đầu tư hơn 50 triệu đô la Singapore nhằm hỗ trợ cho khoảng 132 công ty trong nước áp dụng hệ thống nông nghiệp công nghệ cao.

Ngoài ra, hiện các nhóm nông dân trong thành thị tại Singapore đã phát triển mô hình AbyFarm, sử dụng những công nghệ như IoT, blockchain và máy học để nâng cao năng suất trồng cây lương thực với một quỹ đất hạn chế của Singapore. Theo đó, mái che

các khu đỗ xe đã được cải tạo thành các nông trại tự động hoàn toàn, áp dụng canh tác khí canh và thủy canh không sử dụng đất. Các trang trại đô thị được phát triển rất mạnh và sản xuất nông nghiệp được triển khai ở khắp nơi, tận dụng khoảng không trên các mái nhà, sân thượng và dưới các gầm cầu...

Theo đánh giá, các nông trại ứng dụng hệ thống công nghệ cao có thể nâng cao sản lượng trên một diện tích đất giới hạn, sản xuất được thêm lương thực mà không tiêu tốn vượt mức các tài nguyên khác.

Có thể thấy, mô hình nông nghiệp đô thị ở Singapore đã thực sự mang lại hiệu quả nhờ có sự kết hợp giữa công nghệ sản xuất tiên tiến, sự đa dạng các phương pháp canh tác và các chính sách hỗ trợ tài chính của Chính phủ. Việc tranh thủ không gian đô thị để sản xuất nông nghiệp cũng như việc ứng dụng công nghệ cao không những làm gia tăng sản lượng nông sản lớn, giảm bớt lệ thuộc vào nhập khẩu mà còn góp phần tạo ra một không gian sống xanh hơn, khẳng định tính bền vững chính là điểm nhấn trong hình ảnh của Singapore./





THỊ TRƯỜNG GẠO THẾ GIỚI: BẮP BÊNH SAU LỆNH CẤM XUẤT KHẨU CỦA ẤN ĐỘ

Tiến Long

Đầu tháng 9/2022, chính phủ Ấn Độ đã quyết định cấm xuất khẩu gạo tấm và áp thuế 20% đối với hoạt động xuất khẩu một số loại gạo. Giới chuyên gia cho rằng, các biện pháp này đã gây áp lực tới thị trường gạo thế giới bởi giá lương thực trên toàn cầu vốn đã tăng vì hạn hán và xung đột Nga-Ukraine.

Ấn Độ hạn chế xuất khẩu với một số loại gạo

Với mức xuất khẩu bình quân trên 20 triệu tấn/năm, chiếm gần một nửa thương mại gạo toàn cầu, Ấn Độ được xem như "ông lớn" trên thị trường xuất khẩu gạo thế giới. Vì thế mọi biến động của quốc gia này trong việc xuất khẩu gạo đều phát sinh ảnh hưởng đến an ninh lương thực thế giới.

Năm 2022, điều kiện thời tiết khô hạn đã làm chậm việc gieo cấy lúa và sau đó những trận mưa xối xả làm hỏng những cánh đồng lúa chín, khiến mùa màng ở Ấn Độ trở nên bấp bênh. Lượng mưa được ghi nhận tại Ấn Độ từ các tháng 6, 7, 8 là vô cùng ít ỏi và thất thường, điều này khiến cho những vùng sản xuất chính như Uttar Pradesh, Tây Bengal và Bihar đã giảm đến 13% đối với diện tích canh tác.

Bộ nông nghiệp Ấn Độ cho biết, tháng 9/2022, sản lượng lúa vụ hè của Ấn Độ có thể giảm

6% xuống còn 105 triệu tấn vào năm 2022-2023. Trong khi đó, các thương nhân tư nhân ước tính sản lượng có thể giảm xuống mức 100 triệu tấn. Vì vậy, Chính phủ Ấn Độ đã nỗ lực tăng nguồn cung và hạ giá gạo trong nước bằng việc cấm xuất khẩu gạo tấm và áp thuế 20% đối với xuất khẩu một số loại gạo. Theo các chuyên gia, trước mắt lệnh chỉ mới áp dụng lên 2 trong số 4 loại gạo xuất khẩu chủ lực của quốc gia này. Cụ thể, đối với 2 mặt hàng gạo có giá trị cao là gạo đỏ và gạo Basmati vẫn được phép xuất khẩu tự do. Riêng hai loại còn lại là gạo tẻ thường và gạo tấm bị cấm xuất khẩu. Tuy nhiên, nếu căn cứ vào thực tế trước đó, thì việc hạn chế xuất khẩu này thật sự tạo ra làn sóng lo ngại đến gần một nửa thế giới các quốc gia tin đồ lúa gạo. Cụ thể, trong niên vụ 2021-2022, Ấn Độ đã xuất khẩu 21,5 triệu tấn gạo. Trong đó, gạo tẻ và tấm chiếm đến trên 17 triệu tấn.

Các nhà phân tích dự báo, việc áp dụng lệnh cấm xuất khẩu lần này Ấn Độ sẽ hạn chế xuất khẩu đến gần 10 triệu tấn gạo, tấm, tức tương đương một nửa lượng gạo xuất khẩu của Ấn Độ.

Ông Sudhanshu Pandey, một quan chức cấp cao thuộc Bộ Tiêu dùng, Thực phẩm và Phân phối Công cộng Ấn Độ, cho biết xuất khẩu gạo tấm đã tăng theo cấp số nhân trong 4 năm qua. Năm 2019, loại gạo này chỉ chiếm dưới 2% lượng xuất khẩu, nhưng đến năm 2022, tỷ lệ này đã tăng lên đến 23%. Cũng theo ông Sudhanshu Pandey, giá gạo tấm trong năm 2022 đã ghi nhận mức tăng lên đến 38% do nhu cầu xuất khẩu trong khoảng thời gian từ tháng 4 cho đến tháng 8/2022 đã liên tục tăng mạnh. Hiện Ấn Độ đang chiếm hơn 40% lượng gạo xuất khẩu trên toàn cầu. Đồng thời, đất nước tỷ dân này cũng đang cạnh tranh trực tiếp với Thái Lan và Việt Nam, Pakistan và Myanmar.

Trong năm 2021, xuất khẩu gạo của Ấn Độ đã đạt mức kỷ lục - 21,5 triệu tấn. Con số này nhiều hơn khi so sánh với tổng mức xuất khẩu của cả 4 nước Thái Lan, Việt Nam, Pakistan và Mỹ cộng lại. Gạo của Ấn Độ được xuất khẩu sang hơn 150 quốc gia và vùng lãnh thổ. Chính vì thế, động thái cắt giảm lượng gạo xuất khẩu của Ấn Độ đã khiến áp lực về giá lương thực toàn cầu ngày càng tăng lên. Chưa kể, giá lương thực cũng đang tăng do ảnh hưởng bởi hạn hán và cuộc xung đột vũ trang giữa Nga và Ukraine.

Bên cạnh đó, việc áp thuế mới nhiều khả năng cũng khiến nhiều người mua lựa chọn rời xa gạo Ấn Độ để tìm kiếm nguồn gạo từ các đối thủ khác như Việt Nam hoặc Thái Lan, vốn là những quốc gia đang tích cực gia tăng lượng gạo xuất khẩu.

Giá cả có thể leo thang trong thời gian tới

Giới thương nhân dự báo, việc Ấn Độ hạn chế xuất khẩu gạo, cùng với tình trạng sản lượng của nhiều quốc gia lớn giảm, có thể khiến giá gạo toàn cầu tăng mạnh.

Mưa, lũ cũng khiến sản lượng gạo tại Pakistan giảm trong khi tiêu thụ ở các nước nhập khẩu hàng đầu thế giới như Bangladesh và Philippines tăng. Đây là lý do nhiều chuyên gia dự báo cầu sẽ vượt cung ở thị trường gạo trong niên vụ 2022 - 2023.

Đây là thông tin xấu với một số nước châu Á và châu Phi do gạo là lương thực chính, trong khi một số quốc gia phụ thuộc 60% nguồn cung từ nhập khẩu.

Kể từ khi Ấn Độ cấm xuất khẩu gạo tằm và đánh thuế xuất khẩu 20% đối với một số loại gạo, giá gạo toàn cầu đã tăng hơn 10%. Tháng 9, chỉ số giá gạo toàn cầu của Tổ chức Nông lương đã tăng 2,2% lên mức cao nhất trong 18 tháng.

Nitin Gupta, Phó chủ tịch phụ trách kinh doanh gạo của Công ty Olam Ấn Độ cho rằng, giá gạo quốc tế đã và sẽ còn tăng giá hơn nữa trong thời gian tới.

Chính phủ các nước trên thế giới đã phải vật lộn để kiềm chế lạm phát lương thực do COVID-19 làm gián đoạn chuỗi sản xuất và cung ứng. Sau đó xung đột Nga - Ukraine khiến hàng triệu tấn thực phẩm không thể xuất ra toàn cầu, góp phần đẩy lạm phát lên mức kỷ lục vào đầu năm nay.

Song trước khi Ấn Độ thực hiện hạn chế xuất khẩu cách đây vài tháng, giới chức các nước châu Á cho rằng giá gạo toàn cầu sẽ vẫn ổn định do lượng dự trữ dồi dào.

Không giống như lúa mì, gạo không chịu ảnh hưởng nhiều bởi căng thẳng Nga - Ukraine vì cả hai nước đều không phải là nhà sản xuất lớn và nguồn cung mặt hàng này vẫn tương đối ổn định trong thời gian xảy ra gián đoạn

liên quan đến Covid-19 đối với các loại thực phẩm khác.

Tuy nhiên, hiện tại các nhà xuất khẩu hàng đầu là Thái Lan và Việt Nam không đủ tồn kho để bù đắp cho việc Ấn Độ hạn chế xuất khẩu và sản lượng nhiều nước giảm trên diện rộng.

Giới thương nhân dự báo, dự trữ gạo toàn cầu có thể giảm xuống mức thấp nhất trong ít nhất 5 năm vào năm 2023.

Bộ Nông nghiệp Mỹ (USDA) đã giảm ước tính sản lượng gạo toàn cầu niên vụ 2022-2023 xuống còn 508 triệu tấn, mức thấp nhất trong 4 năm. Chỉ một tháng trước, cơ quan này đã kỳ vọng sản lượng cả năm ở mức 512 triệu tấn.

Tuy nhiên, một số nhà kinh doanh hàng đầu toàn cầu dự báo mức giảm sản lượng gạo có thể sẽ còn mạnh hơn, xuống khoảng 500 triệu tấn trong niên vụ này do các điều kiện thời tiết khắc nghiệt đe dọa năng suất các vụ lúa ở các nước như Trung Quốc, Ấn Độ, Bangladesh và Pakistan.

Gạo là lương thực chính của hơn 3 tỷ người trên thế giới, vào năm 2007, khi Ấn Độ cấm xuất khẩu, giá gạo toàn cầu đã tăng lên mức cao kỷ lục khoảng 1.000 USD/tấn.

Theo hãng tin Reuters, giá gạo trên thị trường châu Á đã tăng 5% kể từ thời điểm chính quyền New Delhi thi hành các biện pháp xuất nhập khẩu và sẽ còn tăng trong thời gian tới.

Ngay sau khi Ấn Độ ban hành lệnh cấm liên quan đến vấn đề xuất khẩu gạo, giá gạo đồ 5% tằm của nước này đã ghi nhận mức tăng từ 379- 387 USD/tấn lên 385- 392 USD/tấn. Trong bối cảnh người mua chuyển hướng sang những nguồn cung ứng rẻ hơn,



xuất khẩu gạo của Ấn Độ trong năm nay có thể giảm ở mức 25%.

Giá gạo 5% tấm của Việt Nam cũng đã tăng từ 390-393 USD/tấn lên mức 400- 410 USD/tấn. Theo thông tin của các nhà giao dịch, dù động thái từ phía Ấn Độ khiến giá gạo Việt Nam tăng lên nhưng lượng xuất khẩu vẫn gần như không thay đổi. Nguyên nhân bởi, các nhà xuất khẩu tại Việt Nam vẫn chưa ký kết được những hợp đồng mới vì dự đoán trong thời gian tới, giá gạo sẽ tăng lên cao hơn.

Ngoài ra, giá gạo 5% tấm của Thái Lan cũng đã tăng từ 416-420 USD/tấn lên 425-435 USD/tấn. Theo các thương nhân ở Bangkok, nguồn cung gạo đã bị ảnh hưởng khá nhiều do hàng loạt yếu tố, bao gồm: Mưa lớn, lũ lụt cùng các vấn đề về vận tải. Trong khi đó, các thị trường nước ngoài vẫn đang theo dõi những diễn biến xung quanh quyết định cấm xuất khẩu gạo của Ấn Độ. Vì thế, một số khách hàng đã lựa chọn sản phẩm gạo của Thái Lan.

Liên quan đến tình hình này, một quan chức cấp cao của Bộ Lương thực Bangladesh cho biết, nước này cũng đang trong quá trình đàm phán để tiến hành nhập khẩu gạo từ Thái Lan sau khi hoàn tất những thỏa thuận với Việt Nam, Myanmar cũng như Ấn Độ; tổng khối lượng rơi vào khoảng 530.000 tấn.

Trong thời gian tới, những biện pháp siết chặt xuất khẩu gạo của Ấn Độ có thể khiến giá ngũ cốc trên thị trường quốc tế tăng cao. Các chuyên gia lo ngại việc nguồn cung gạo sụt giảm kết hợp với nhu cầu thế giới đã đạt đến ngưỡng kỷ lục, sẽ thúc đẩy giá cả leo thang, dẫn đến lạm phát lương thực./.

TÌNH HÌNH KINH TẾ - XÃ HỘI...

(Tiếp theo trang 11)

Về thị trường xuất, nhập khẩu hàng hóa 10 tháng năm 2022, Hoa Kỳ là thị trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 93,4 tỷ USD. Trung Quốc là thị trường nhập khẩu lớn nhất của Việt Nam với kim ngạch ước đạt 100,7 tỷ USD.

Tính chung 10 tháng năm 2022, cán cân thương mại hàng hóa ước tính xuất siêu 9,4 tỷ USD (cùng kỳ năm trước nhập siêu 0,63 tỷ USD). Trong đó, khu vực kinh tế trong nước nhập siêu 24,9 tỷ USD; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài (kể cả dầu thô) xuất siêu 34,3 tỷ USD.

c) Vận tải hành khách và hàng hóa

Vận tải hành khách: Tính chung 10 tháng năm 2022, vận tải hành khách ước đạt 3.086,7 triệu lượt khách vận chuyển, tăng 44,9% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển đạt 146,1 tỷ lượt khách.km, tăng 68,8%.

Vận tải hàng hóa: 10 tháng năm 2022, vận tải hàng hóa ước đạt 1.644,1 triệu tấn hàng hóa vận chuyển, tăng 23,7% so với cùng kỳ năm trước và luân chuyển 359,6 tỷ tấn.km, tăng 32,6%.

d) Khách quốc tế đến Việt Nam

Tính chung 10 tháng năm 2022, khách quốc tế đến nước ta đạt 2.357,2 nghìn lượt người, gấp 18,8 lần so với cùng kỳ năm trước nhưng vẫn giảm 83,7% so với cùng kỳ năm 2019, năm chưa xảy ra dịch Covid-19. Trong tổng số hơn 2.357,2 nghìn lượt khách quốc tế đến Việt Nam 10 tháng năm nay, khách đến bằng đường hàng không đạt 2.093,7 nghìn lượt người, chiếm 88,8% lượng khách quốc tế đến Việt Nam và gấp 24,9 lần so với cùng kỳ năm trước.

7. Một số tình hình xã hội

a) Đời sống dân cư

Theo báo cáo của Bộ Lao động - Thương binh và xã hội, tính đến ngày 24/10/2022 gói hỗ trợ theo Nghị quyết số 11/NQ-CP đã giải ngân khoảng 3.723,8 tỷ đồng hỗ trợ cho hơn 5 triệu người lao động tại 122.253 doanh nghiệp. Ngoài ra, để người dân không bị thiếu đói, Chính phủ đã xuất cấp 1.380,3 tấn gạo cho người dân trong thời giáp hạt năm 2022, cụ thể: cấp xuất cho tỉnh Sóc Trăng 208,5 tấn; Nghệ An 693,5 tấn; Gia Lai 478,3 tấn.

b) Tình hình dịch bệnh, ngộ độc thực phẩm

Tính chung 10 tháng năm 2022, cả nước có 258.709 trường hợp mắc bệnh sốt xuất huyết (102 trường hợp tử vong); 55.444 trường hợp mắc bệnh tay chân miệng (03 trường hợp tử vong); 239 trường hợp mắc bệnh viêm não vi rút (05 trường hợp tử vong);

Tại Việt Nam, trong những ngày vừa qua số ca mắc mới Covid-19 liên tục giảm, số bệnh nhân nặng phải thở ô xy cũng giảm. Kể từ ca mắc Covid-19 đầu tiên tại Việt Nam vào ngày 23/01/2020 đến ngày 27/10/2022, Việt Nam có 11.499,4 nghìn trường hợp mắc, trong đó 10.602,3 nghìn trường hợp đã được chữa khỏi và 43,2 nghìn trường hợp tử vong.

c) Tai nạn giao thông

Tính chung 10 tháng năm nay, trên địa bàn cả nước xảy ra 9.212 vụ tai nạn giao thông, bao gồm 6.430 vụ tai nạn giao thông làm 5.221 người chết, 3.312 người bị thương và 2.828 người bị thương nhẹ. So với cùng kỳ năm trước, số vụ tai nạn giao thông trong 10 tháng năm nay tăng 3,1%; số người chết tăng 15,4%. Bình quân 1 ngày trong 10 tháng, trên địa bàn cả nước xảy ra 30 vụ tai nạn giao thông làm 17 người chết, 11 người bị thương và 9 người bị thương nhẹ.

d) Thiệt hại do thiên tai

Tính chung 10 tháng năm nay, thiên tai làm 160 người chết và mất tích, 279 người bị thương; 37,3 nghìn ngôi nhà bị sập đổ và hư hỏng; 748,7 nghìn con gia súc, gia cầm bị chết; 212,5 nghìn ha lúa và 62,7 nghìn ha hoa màu bị hư hỏng; tổng giá trị thiệt hại về tài sản ước tính 14.025,3 tỷ đồng, gấp 5,8 lần cùng kỳ năm 2021./.

Trích Báo cáo tình hình kinh tế - xã hội tháng 10 và 10 tháng năm 2022 - TCTK

NGÀNH TÀI CHÍNH PHÚ THỌ GÓP PHẦN TẠO ĐỘNG LỰC PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI



Đồng chí Nguyễn Quang Anh, TUV, Bí thư Đảng ủy khối các cơ quan tỉnh Phú Thọ tặng hoa chúc mừng Đại hội Đảng bộ Sở Tài chính nhiệm kỳ 2020 - 2025

Năm 2021 mặc dù dịch Covid-19 ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế trong và ngoài nước, song ngành Tài chính Phú Thọ đã có nhiều nỗ lực, khắc phục khó khăn hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh giao. Sở Tài chính tỉnh đã thực hiện tốt công tác tham mưu về thu - chi ngân sách trên địa bàn, hỗ trợ rất hiệu quả cho công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành các nhiệm vụ chính trị và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Đó là thực hiện công khai tài chính theo Luật Ngân sách Nhà nước (NSNN); phân bổ dự toán chi ngân sách ngay từ đầu năm cho các đơn vị thụ hưởng và các cấp ngân sách để các đơn vị chủ động trong việc điều hành ngân sách cấp mình; Tỉnh các cơ chế chính sách tài chính linh hoạt phù hợp góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế, ổn định chính trị xã hội. Nhiều cơ chế chính sách đã tạo đà cho phát triển kinh tế hợp tác xã, kinh tế trang trại, kinh tế làng nghề và kinh tế hộ gia đình, khuyến khích xuất khẩu những sản phẩm

địa phương. Phát huy tối đa các nguồn nội lực và ngoại lực cho đầu tư phát triển kinh tế - xã hội để xây dựng cơ sở hạ tầng, tạo môi trường đầu tư thông thoáng để thu hút đầu tư nước ngoài.

Năm 2021, kinh tế của tỉnh Phú Thọ đạt tốc độ tăng trưởng 6,09% bất chấp những tác động tiêu cực từ đại dịch Covid. Tổng thu NSNN đạt trên 7.506,7 tỷ đồng bằng 126,7% dự toán HĐND tỉnh giao. Trong 6 tháng đầu năm 2022, tổng thu NSNN ước thực hiện 6 tháng đầu năm 2022 ước đạt 4.589.000 triệu đồng/dự toán 5.651.000 triệu đồng, đạt 81% dự toán HĐND tỉnh giao, và bằng 138% so với cùng kỳ. Có 11/14 chỉ tiêu thu NSNN ước thực hiện 6 tháng đạt bằng hoặc vượt 50% dự toán HĐND tỉnh giao, trong đó một số khoản thu ước đạt cao như: Thu tiền sử dụng đất đã vượt dự toán (đạt 215%); Thuế TNCN 91%; Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh 83%; Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 66%...

Để có được kết quả đó, trong công tác thu ngân sách, Sở Tài chính Phú Thọ đã phối hợp chặt chẽ với Kho bạc, Cục Thuế, Chi cục Hải quan tỉnh để xuất với Tỉnh ủy, UBND tỉnh đưa ra nhiều biện pháp để thúc đẩy sản xuất kinh doanh, tăng thu ngân sách. Phối hợp với các cơ quan thu, các ngành, các cấp tổ chức thu đúng, thu đủ kịp thời ngân sách, đánh giá, phân tích, dự báo và theo dõi tiến độ cụ thể từng khu vực thu, từng sắc thuế, những nguồn thu còn tiềm năng, các lĩnh vực, loại thuế còn thất thu...; Xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm về nộp hồ sơ khai thuế, báo cáo quyết toán thuế; Tập trung

thanh tra, kiểm tra các doanh nghiệp có rủi ro cao về thuế...

Cùng với đó, ngành Tài chính Phú Thọ đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính để giảm thời gian, chi phí cho các tổ chức, doanh nghiệp và người dân. Sở Tài chính tỉnh luôn chú trọng hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở theo quy định; đồng thời đẩy mạnh việc tiếp nhận xử lý hồ sơ qua công dịch vụ công trực tuyến và dịch vụ bưu chính công ích. Ngoài ra, Sở tập trung kiện toàn bộ máy và đội ngũ cán bộ có đủ phẩm chất, năng lực tham mưu cho chính quyền các cấp điều hành ngân sách và các nhiệm vụ tài chính khác.

Song song với đó, công tác quản lý điều hành về cấp phát ngân sách đã được đổi mới, dự toán NSNN đã được giao kịp thời, dân chủ, công khai minh bạch; thủ tục cấp phát NSNN đã được cải cách, kho bạc trực tiếp thanh toán cho đơn vị sử dụng NSNN theo dự toán được duyệt. Đặc biệt Phú Thọ đã đưa 100% số xã, phường, thị trấn trên địa bàn toàn tỉnh hoạt động thu, chi qua hệ thống Kho bạc Nhà nước đúng theo Luật Ngân sách. Bên cạnh đó ngành Tài chính địa phương luôn chú trọng công tác thanh tra, kiểm tra trên tất cả các lĩnh vực như quản lý điều hành thu, chi NSNN, quản lý và sử dụng vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí các chương trình mục tiêu, quản lý tài chính doanh nghiệp... góp phần thúc đẩy việc nâng cao hiệu quả quản lý tài chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong toàn tỉnh./

Thành Nam



PHÚ THỌ - HIỆU QUẢ TỪ NGUỒN VỐN TÍN DỤNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

Trao đổi với phóng viên Tạp chí Con số và Sự kiện, ông Nguyễn Thanh Tĩnh - Phó Giám đốc Chi nhánh NHCSXH tỉnh Phú Thọ cho biết: Nguồn vốn ưu đãi của NHCSXH đang hỗ trợ cho gần 1/3 số hộ dân trong tỉnh vay vốn, qua đó đã góp phần rất quan trọng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tính đến 31/7/2022, Chi nhánh NHCSXH tỉnh Phú Thọ đã và đang thực hiện 20 chương trình TDCS, gồm các chương trình cho vay: Hộ nghèo; Hộ cận nghèo; Hộ mới thoát nghèo; Học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn; Hỗ trợ tạo việc làm, duy trì và mở rộng việc làm; Người lao động đi làm việc tại nước ngoài theo hợp đồng; Người lao động thuộc huyện nghèo đi xuất khẩu lao động; Nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Hộ sản xuất kinh doanh tại vùng khó khăn; Thương nhân hoạt động thương mại tại vùng khó khăn; Hộ dân tộc thiểu số có hoàn cảnh khó khăn và đặc biệt khó khăn; Phát triển kinh tế - xã hội vùng dân tộc thiểu số và miền núi; Hỗ trợ chăn nuôi kết hợp bảo vệ rừng; Hộ nghèo về nhà ở; Cho vay mua, thuê mua nhà ở xã hội, xây mới,

Qua 20 năm triển khai, thực hiện Nghị định 78 của Chính phủ, tín dụng chính sách đã thực sự tạo cơ hội cho người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Phú Thọ được tiếp cận với dịch vụ tín dụng ưu đãi của Nhà nước, có vốn để phát triển sản xuất, tạo việc làm, nâng cao thu nhập, cải thiện đời sống vươn lên thoát nghèo; góp phần ngăn chặn tệ nạn cho vay nặng lãi ở khu vực nông thôn.

sửa chữa hoặc cải tạo nhà để ở; Học sinh, sinh viên mua máy tính, thiết bị học tập trực tuyến... Bình quân mỗi năm, doanh số cho vay đạt gần 1.200 tỷ đồng; tăng trưởng tín dụng đạt 7%/ năm.

Giai đoạn từ năm 2018 đến tháng hết 31/7/2022 NHCSXH Chi nhánh tỉnh Phú Thọ đã giúp 158,5 nghìn lượt hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác được vay vốn, doanh số cho vay đạt 5.835,2 tỷ đồng (riêng doanh số cho vay 05 chương trình TDCS theo Nghị quyết 11/NQ-CP là 160.489 triệu đồng). Tổng dư nợ đạt 5.170,7 tỷ đồng

(tăng 1.479,5 tỷ đồng so với cuối năm 2017); bình quân mỗi năm dư nợ tăng gần 296 tỷ đồng. Trong đó có 110,9 nghìn hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác đang được hỗ trợ vay vốn, bình quân dư nợ đạt 46,59 triệu đồng/ hộ.

Phát huy hiệu quả nguồn vốn TDCSXH

Ông Nguyễn Thanh Tĩnh chia sẻ thêm: Để thực hiện hiệu quả các chương trình, song song với công tác giải ngân vốn TDCSXH, Chi nhánh NHCSXH tỉnh Phú Thọ đã thực hiện tốt Nghị quyết Ban đại diện HĐQT các cấp, văn bản chỉ đạo của Tổng Giám đốc NHCSXH Việt Nam, triển khai cho vay các chương trình tín dụng chính sách xã hội, chú trọng nâng cao chất lượng tín dụng.

Hàng năm, NHCSXH tỉnh đã chủ động tham mưu cho Ban đại diện HĐQT ban hành các văn bản chỉ đạo, giao chỉ tiêu, kế hoạch cho từng huyện, thành phố thực hiện sát sao các chương trình nói chung, nguồn vốn chương trình cho vay hộ nghèo nói riêng. Mặt khác, NHCSXH tỉnh cũng chỉ đạo các Phòng giao dịch huyện, thành phố chủ động phối hợp với các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác làm tốt công tác tuyên truyền, triển khai chính sách vốn; phân công cán bộ tín dụng phụ trách địa bàn phối hợp chặt chẽ với UBND các xã, thị trấn, các tổ chức chính trị - xã hội nắm danh sách hộ nghèo và các đối tượng chính sách: hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ dân tộc thiểu số khó khăn có nhu cầu vay vốn, đảm bảo nguồn vốn đến đúng đối tượng... Từ đó, giải ngân kịp thời và có sự định hướng để người dân sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, phù hợp



Huyện Lâm Thao Tổng kết 20 năm triển khai chính sách tín dụng ưu đãi đối với hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác theo Nghị định số 78 của Chính phủ

với hoàn cảnh từng hộ gia đình. Qua sự giám sát chặt chẽ hằng năm, hầu hết các hộ đều sử dụng vốn đúng mục đích, có hiệu quả, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh toàn Chi nhánh chỉ chiếm 0,11%/tổng dư nợ (thấp hơn so với bình quân chung của toàn quốc).

Tín dụng chính sách thực sự là đòn bẩy

Kết quả các chương trình tín dụng chính sách xã hội mà NHCSXH Chi nhánh tỉnh Phú Thọ đang triển khai, thực hiện đến đối tượng thụ hưởng là hộ nghèo, hộ cận nghèo và các đối tượng chính sách khác, đã thể hiện tín dụng chính sách xã hội là hướng đi đúng đắn, là "điểm sáng" trong phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Phú Thọ, góp phần không nhỏ làm giảm tỷ lệ hộ nghèo trên địa bàn tỉnh từ 8,9% (năm 2017) xuống còn 4,4% (tỷ lệ hộ nghèo tiếp cận đa chiều năm 2021).



Cán bộ NHCSXH huyện Cẩm Khê kiểm tra, nắm bắt tình hình sử dụng vốn vay theo Nghị quyết số 11 của các hộ dân trên địa bàn

Ông Hà Văn Lực, dân tộc Mường, thôn Khu Dừng 2, xã Thạch Kiệt, huyện Tân Sơn, từng được hỗ trợ từ nguồn vốn ưu đãi để phát triển kinh tế gia đình. Ông Lực chia sẻ: Hơn 10 năm trước gia đình ông Lực gặp nhiều khó khăn do không có vốn đầu tư làm ăn. Chỉ đến khi qua sự hỗ trợ của Chi hội Phụ nữ thôn, ông Lực được vay 15 triệu đồng của NHCSXH mua trâu nái về nuôi và mua cây giống để trồng rừng. Nhờ làm ăn chăm chỉ đến năm 2020 gia đình được đưa ra khỏi danh sách hộ nghèo. Để đảm bảo việc thoát nghèo bền vững, NHCSXH tiếp tục cho gia đình ông Lực vay 50 triệu đồng thuộc chương trình hộ mới thoát nghèo để mở rộng diện tích trồng rừng. Nguồn vốn ưu đãi đã "sinh sôi nảy nở" nên đến nay gia đình ông Lực đã xây được nhà khang trang và "dắt lưng" gần 20 ha keo và bồ đề, 4 con trâu. Trước tết Nguyên đán vừa qua, gia đình ông Lực thu từ khai thác rừng lãi hơn 100 triệu đồng.

Từ chương trình tín dụng chính sách xã hội mà hàng trăm nghìn hộ dân, đặc biệt là những hộ dân thuộc vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên địa bàn tỉnh Phú Thọ được tiếp thêm động lực, đẩy mạnh phát triển kinh tế hộ gia đình, vươn lên thoát nghèo bền vững./.

Nghĩa Thủy

HUYỆN TÂN SƠN

Phát huy nội lực, phát triển bứt phá

Tân Sơn là huyện miền núi thuộc tỉnh Phú Thọ, có tuổi đời còn khá "trẻ", được thành lập 15 năm trước theo Nghị định 61/2007/NĐ-CP ngày 09/04/2007 của Chính phủ trên cơ sở điều chỉnh địa giới hành chính của huyện Thanh Sơn. Dựa trên những nền tảng sẵn có, huyện Tân Sơn đã nỗ lực vượt qua những khó khăn ban đầu, đẩy mạnh xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao chất lượng đời sống cho nhân dân.

Ông Nguyễn Xuân Toàn, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Tân Sơn cho biết: Tháng 03 năm 2018, huyện Tân Sơn được Thủ tướng Chính phủ công nhận thoát nghèo, hoàn thành mục tiêu trước 02 năm so với kế hoạch. Kể từ đó, Tân Sơn đã tập trung vào các thế mạnh đặc trưng của địa phương để phát triển nông, lâm nghiệp, du lịch sinh thái, du lịch cộng đồng, đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng, xây dựng nông thôn mới. Đảng bộ Huyện đã đề ra 22 chỉ tiêu chủ yếu, kết thúc nhiệm kỳ 2015-2020, có 16 chỉ tiêu vượt kế hoạch, 05 chỉ tiêu đạt kế hoạch, 01 chỉ tiêu không đạt kế hoạch.

Năm 2021, nhiều chỉ tiêu kinh tế - xã hội của Huyện đã đạt và vượt KH đề ra. Trong đó, tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội đạt 960 tỷ đồng; Thu ngân sách nhà nước đạt 51,13 tỷ đồng, vượt 46% dự toán giao; Giá trị sản phẩm bình quân/ha đất canh tác và nuôi trồng thủy sản ước đạt 105 triệu đồng, đạt kế hoạch; Trồng và chuyển hóa rừng gỗ lớn ước đạt 1.062 ha vượt kế hoạch, trong đó chuyển hóa rừng gỗ lớn ước đạt 142 ha; Tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội ước giảm xuống còn 64,2%, vượt kế hoạch; Tỷ lệ lao động qua đào tạo, dạy nghề ước đạt 53,5%;



Tân Sơn tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng và hoàn thiện kết cấu hạ tầng đô thị khu Trung tâm hành chính huyện tại xã Tân Phú, hướng tới trở thành thị trấn trong tương lai gần



tỷ lệ lao động có bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận ước đạt 26,5%, đạt kế hoạch; Mức giảm tỷ lệ hộ nghèo 2,01%; tỷ lệ hộ cận nghèo 2%, đạt kế hoạch.

Bên cạnh đó, công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn cũng ghi nhận nhiều kết quả đáng khích lệ. Số bác sĩ trên vạn dân đạt 7,8 người; số giường bệnh trên vạn dân là 31,8 giường; cơ bản đạt kế hoạch. Tỷ lệ dân số tham gia BHYT đạt mục tiêu, trong đó, Các xã khu vực III đạt 100%, các xã khu vực II đạt từ 98,9% trở lên; các xã khu vực I đạt từ 90% trở lên, bằng bình quân chung của tỉnh.

Về xây dựng nông thôn mới, Huyện thực hiện phân bổ, giải ngân nguồn vốn sự nghiệp Chương trình MTQG Xây dựng Nông thôn mới năm 2021 theo chỉ đạo, hướng dẫn của tỉnh, số tiền 1,59 tỷ đồng. Các tiêu chí, chỉ tiêu về xây dựng nông thôn mới của các xã, các khu trong huyện hàng năm đều được nâng cao cả về số lượng và chất lượng, diện mạo nông thôn có nhiều khởi sắc; ngày càng khang trang, sạch, đẹp; kết cấu hạ tầng thiết yếu về giao thông, thủy lợi, văn hóa, y tế, giáo dục liên tục được đầu tư, xây dựng và nâng cấp; các mô hình sản xuất, liên kết, ứng dụng tiến bộ khoa học được nhân rộng; đời sống vật chất và tinh thần của người dân không ngừng được cải thiện.

Để tiếp tục nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát huy thế mạnh của địa phương,

Huyện ủy, HĐND, UBND huyện Tân Sơn ban hành nhiều văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phát triển sản phẩm nông nghiệp Huyện theo chuỗi giá trị. Trong thời gian tới, huyện tập trung hỗ trợ xây dựng các mô hình liên kết như: Mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ gà nhiều cựa Tân Sơn; mô hình liên kết cải tạo, nâng cao chất lượng, sản lượng trâu, bò lai; mô hình cải tạo vườn tạp, phát triển cây ăn quả (cam, quýt); mô hình vườn ươm giống cây lâm nghiệp; mô hình trồng rừng gỗ lớn bằng giống chất lượng cao; mô hình liên kết sản xuất và tiêu thụ vỏ khô cây Gai xanh AP1; mô hình liên kết nâng cao chất lượng sản phẩm và xây dựng thương hiệu chè xanh khu vực Vườn Quốc gia Xuân Sơn và hỗ trợ xây dựng thương hiệu, quảng bá, liên kết tiêu thụ sản phẩm nông sản chủ lực, đặc thù, sản phẩm OCOP. Hỗ trợ tập trung vào giống, kỹ thuật, cơ sở hạ tầng (nhà xưởng chế biến, bảo quản), sản xuất theo tiêu chuẩn nông nghiệp tốt, xúc tiến thương mại...

Bên cạnh đó, Huyện chú trọng phát triển công nghiệp theo hướng chuyển dịch cơ cấu phù hợp với thế mạnh và nội lực của địa phương. Trong cụm Công nghiệp Tân Phú, các doanh nghiệp cơ bản vẫn duy trì hoạt động, tổng doanh thu năm 2021 của các doanh nghiệp ước đạt hơn 200 tỷ đồng, giảm 18% so với năm 2020; giải quyết việc làm thường xuyên cho khoảng 950 lao động tại địa phương, thu nhập bình quân từ 5 đến 7 triệu đồng/người/tháng. Công nghiệp khai khoáng, sản xuất chế biến chè, gỗ gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, thị trường tiêu thụ bị thu hẹp, dịch vụ vận tải, lưu thông hàng hóa khó khăn nhưng ngành vẫn nỗ lực vượt qua. Huyện cũng chú trọng làm tốt công tác thẩm định dự toán đầu tư xây dựng công trình, trong thẩm định ước trên 50 công trình dự án, số tiền cắt giảm so với giá trị đề nghị thẩm định ước đạt 2,3 tỷ đồng;

chú trọng kiểm tra đánh giá chất lượng các công trình xây dựng; kịp thời quán triệt, triển khai các quy định, hướng dẫn mới của trung ương, địa phương liên quan tới xây dựng, quy hoạch, trật tự đô thị.

Phát huy thế mạnh nội tại của địa phương, huyện Tân Sơn tiếp tục đẩy mạnh phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch. Phối hợp triển khai thực hiện đề án, kế hoạch, dự án phát triển du lịch của UBND tỉnh Phú Thọ, trong đó có quy hoạch phát triển du lịch đổi chèo Long Cốc của Tổng Công ty chèo Việt Nam đã được UBND tỉnh cho chủ trương. Tập trung quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ du lịch tại Vườn Quốc gia Xuân Sơn, đổi chèo Long Cốc, thành lập HTX để quản lý, hoạt động bài bản theo quy định. Tiếp tục phối hợp, hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện dự án đầu tư khu du lịch Đổi chèo Long Cốc gắn với phát triển các sản phẩm chè. Rà soát, đầu tư sửa chữa, nâng cấp chợ một số xã được hỗ trợ nguồn vốn từ Chương trình MTQG phát triển đồng bào DTTS và MN. Thu hút, phát triển các dự án, cơ sở bán hàng tiện ích, khách sạn, homestay tại trung tâm huyện, trung tâm cụm xã và các khu vực phát triển du lịch; quản lý khai thác có hiệu quả, bền vững các giá trị văn hóa, tài nguyên thiên nhiên, cũng như chú trọng quản lý các dự án đầu tư đang triển khai thực hiện trên địa bàn huyện.

Cùng với sự nỗ lực phấn đấu không ngừng của cả hệ thống chính trị, người dân và doanh nghiệp trên địa bàn, sự quan tâm chỉ đạo của lãnh đạo tỉnh Phú Thọ, huyện Tân Sơn đã đặt quyết tâm huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn lực, bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống, tài nguyên thiên nhiên; xây dựng huyện phát triển nhanh và bền vững; hoàn thành tốt các nhiệm vụ đặt ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Huyện lần thứ IV, nhiệm kỳ 2020-2025./

Trọng Nghĩa



Huyện Tân Sơn khai thác tiềm năng, lợi thế để đẩy mạnh phát triển các loại hình du lịch

TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y TẾ PHÚ THỌ

Địa chỉ đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao



Lãnh đạo Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ ký kết thỏa thuận hợp tác đào tạo Điều dưỡng chất lượng cao tại trường với đối tác là Công ty CP Work Support Y – thuộc Tập đoàn Jala Nhật Bản

Những năm gần đây, không nằm ngoài khó khăn chung của các khối trường đào tạo nghề, công tác tuyển sinh của Trường hạn chế, do sự cạnh tranh giữa các đơn vị đào tạo, cũng như tâm lý của học sinh khi chọn theo học ngành y. Để tồn tại và phát triển trong tình hình mới, Ban Lãnh đạo nhà trường đã xác định nhiệm vụ then chốt nhất là tập trung nâng cao chất lượng đào tạo, năng lực nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và hợp tác quốc tế. Theo đó, trong quá trình đào tạo, Trường tập trung đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tăng cường thời gian thực hành giảm tải lý thuyết, tăng cường ứng dụng CNTT vào thiết kế bài giảng, giáo án và tổ chức lớp học phù hợp. Mặt khác, Trường đã ký quy chế phối hợp với BVĐK tỉnh Phú Thọ, BV Sản nhi tỉnh Phú Thọ để tổ chức cho sinh viên đến thực tập. Đây là những môi trường lớn để sinh viên không chỉ áp dụng lý thuyết đã học tại trường mà còn được tiếp cận và xử lý các tình huống thực tế tại bệnh viện.

Bên cạnh đó, nhà trường tăng cường liên kết đào tạo và hợp tác quốc tế với các trường đại học Y dược, các tổ chức quốc tế của Nhật Bản, CHLB Đức... nhằm trao đổi học thuật, nâng cao kiến thức chuyên môn và xây dựng chương trình đào tạo chất lượng cao, mở ra cơ hội việc làm cho sinh viên nhà trường.

Trường cao đẳng Y tế Phú Thọ tiền thân là Trường Trung học Y tế Phú Thọ, một trong 7 trường Y sỹ Trung cấp của 7 tỉnh phía Bắc được thành lập theo Thông tư số 22/BYT-TT ngày 26 tháng 10 năm 1960 của Bộ Y tế. Hơn 62 năm xây dựng và phát triển Trường đã đào tạo hàng chục nghìn lượt học sinh, sinh viên, cung cấp nguồn nhân lực y tế chất lượng cao trong nước và quốc tế.

Xác định đội ngũ giảng viên là yếu tố tiên quyết để có chất lượng đào tạo tốt, nhiều năm qua, Trường có chính sách hỗ trợ, khuyến khích các thầy cô nâng cao trình độ. Ngoài việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng các trình độ sau đại học, Nhà trường chú trọng đến bồi dưỡng thường xuyên hoặc tham gia các lớp đào tạo ngắn hạn bồi dưỡng các chuyên khoa lẻ như xét nghiệm, tiêm chủng, bồi dưỡng chứng chỉ sư phạm y học, bồi dưỡng phương pháp giảng dạy lâm sàng.... Hiện nay, đội ngũ, cán bộ giảng viên, nhân viên của trường 63 người, trong đó số giảng viên cơ hữu là 50 người, tỷ lệ giảng viên có trình độ: thạc sĩ, tiến sĩ, BSCKI, BSCKII là 44 người chiếm 88%.

Song song với đó, cơ sở vật chất của Trường không ngừng được đầu tư nâng cao. Trên khuôn viên rộng 2,7ha tại thị xã Phú Thọ, Trường đã có đầy đủ các phân khu

chức năng từ nhà học lý thuyết (29 phòng học); nhà học thực hành (34 phòng); phòng làm việc (40 phòng); hội trường (sức chứa 350 chỗ ngồi); nhà luyện tập thể chất (diện tích 400m²); bể bơi có mái che; xưởng in giáo trình; vườn thực vật (diện tích 600m²) có đủ cây thuốc cho sinh viên thực tập; khu ký túc xá 5 tầng đảm bảo 800 sinh viên ở... Các trang thiết bị dạy học và máy móc phục vụ thực hành được trang bị đầy đủ, cơ bản đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của Trường.

Nhờ sự chuẩn bị bài bản và tầm nhìn dài hạn, nên chất lượng đào tạo của Nhà trường từng bước nâng cao. Trường đã hoàn thành tốt các chỉ tiêu của Đảng ủy và Hội đồng trường đề ra. Nổi bật, năm học 2021 - 2022, tỷ lệ học sinh tốt nghiệp loại giỏi đạt 17,5%, loại khá đạt 78%. Khi chất lượng đào tạo được khẳng định, ngày càng nhiều học sinh, phụ huynh tin tưởng đăng ký và cho con em theo học tại Trường. Kết quả công tác tuyển sinh năm học gần nhất, số lượng thí sinh chính quy vượt 25% so với năm trước.

Với sự phấn đấu nỗ lực không ngừng của các thế hệ thầy và trò trong sự nghiệp đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế, Trường Cao đẳng Y tế Phú Thọ đã vinh dự nhận được nhiều phần thưởng cao quý của Đảng, Nhà nước trao tặng và của các tổ chức xã hội vinh danh. Điều đó đã tạo động lực quyết tâm cho tập thể cán bộ giảng viên, sinh viên nhà trường phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ trong những năm học tiếp theo, tiếp tục giữ gìn và phát huy truyền thống đào tạo, phấn đấu trở thành trường Đại học Kỹ thuật Y Dược giai đoạn 2022 - 2025./.

Trịnh Long



BỆNH VIỆN TÂM THẦN PHÚ THỌ 45 NĂM XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN

Trải qua 45 năm xây dựng và phát triển, Bệnh viện Tâm thần Phú Thọ luôn thực hiện tốt nhiệm vụ được giao, qua đó đóng góp tích cực vào sự nghiệp chăm sóc, bảo vệ sức khỏe nhân dân, được nhân dân tin nhiệm.

Tháng 11 năm 1977 theo Quyết định số 756/QĐ-SYT của Giám đốc Sở Y tế tỉnh Vĩnh Phú (nay là tỉnh Phú Thọ), Bệnh viện Tâm thần Phú Thọ được thành lập trên cơ sở tách từ khoa Tâm thần- Thần kinh thuộc Bệnh viện Đa khoa thị xã Phú Thọ, với quy mô 100 giường bệnh. Qua 45 năm, dù tỉnh Vĩnh Phú chia tách thành 02 tỉnh là Phú Thọ và Vĩnh Phúc, nhưng Bệnh viện vẫn giữ nguyên tên gọi và đóng trên địa bàn thị xã Phú Thọ. Năm 2009, sau hơn 32 năm phát triển, Bệnh viện đã được Chủ tịch UBND tỉnh Phú Thọ công nhận đạt bệnh viện chuyên khoa hạng II tuyến tỉnh. Kể từ đó đến nay, tập thể cán bộ, viên chức người lao động trong Bệnh viện đã không ngừng nỗ lực cố gắng để duy trì và phát huy tốt những thành tích đã đạt được trong thực hiện cấp cứu, khám, chữa bệnh và phục hồi chức năng cho người mắc bệnh tâm thần. Bệnh viện đã tạo được sự tin

tưởng ngày càng lớn của người dân trên địa bàn tỉnh Phú Thọ và các tỉnh lân cận

Đến nay, Bệnh viện Tâm thần Phú Thọ đã phát triển quy mô lên 220 giường thực kê, với 141 cán bộ, viên chức và người lao động, trong đó có trên 90% có trình độ đại học và sau đại học. Bệnh viện được bố trí thành 13 khoa, phòng, có đủ khả năng phục vụ cho từ 180 đến 200 bệnh nhân điều trị nội trú trong ngày.

Đặc biệt, Bệnh viện Tâm thần Phú Thọ đã có một cơ sở vật chất khang trang, các buồng bệnh đầy đủ tiện nghi, sạch sẽ. Bệnh viện được đầu tư nhiều trang thiết bị KCB hiện đại như: Máy chụp CT-Scanner; máy X- Quang số hóa; máy siêu âm màu 4D; máy Lưu huyết não vi tính; máy sinh hóa nước tiểu tự động, máy siêu âm Doppler tim, Doppler xuyên sọ, kích thích từ xuyên sọ... phục vụ tích cực cho việc cấp cứu, khám bệnh, chuẩn đoán và điều trị.

Bên cạnh đó, đội ngũ nhân viên của Bệnh viện có trình độ chuyên môn vững vàng và thường xuyên được cập nhật kiến thức mới. Hàng năm, Bệnh viện đều cử cán bộ đi học tập và nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại các cơ sở đào tạo chuyên ngành ở Trung ương để nâng cao trình độ cho đội ngũ y, bác sỹ và người lao động. Bệnh viện còn là địa chỉ thực hành có uy tín đối với sinh viên nhiều trường Đại học, Cao đẳng về y, dược trong và ngoài tỉnh. Bệnh viện cũng thường xuyên tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo kiến thức về chuyên khoa tâm thần cho người lao động của Bệnh viện và các đơn vị y tế tuyến dưới. Ngoài ra, mỗi năm Bệnh viện có từ 25-30 đề tài nghiên cứu cấp cơ sở, cấp tỉnh, có đề tài đã được tặng Bằng lao động sáng tạo, có tính ứng dụng thực tiễn cao, đóng góp tích cực vào hoạt động khám, điều trị và chăm sóc bệnh nhân tâm thần.

Hiện nay, Bệnh viện Tâm thần Phú Thọ có thể tiếp nhận và điều trị được tất cả các loại bệnh tâm thần, động kinh, các bệnh lý ở cơ, xương, khớp, thần kinh và một số bệnh nội khoa thông thường... Năm 2021, Bệnh viện đã khám cho gần 31 nghìn lượt người, điều trị nội trú trên 5,5 nghìn lượt bệnh nhân, đạt 412,7% kế hoạch. Hằng năm, Bệnh viện luôn duy trì tốt công tác quản lý, điều trị, chăm sóc và phục hồi chức năng cho người bệnh ở cộng đồng tại 100% xã, phường, thị trấn trong toàn tỉnh. Ngoài điều trị bằng thuốc, Bệnh viện còn áp dụng nhiều phương pháp





điều trị hiện đại, tiên tiến như: Xử dụng thuốc an thần kinh thể hệ mới; liệu pháp tâm lý, thư giãn, luyện tập; hoạt động trị liệu, hòa nhập, phục hồi chức năng, giải trí cho người bệnh; Phối hợp chặt chẽ giữa khám lâm sàng và cận lâm sàng để không ngừng nâng cao chất lượng khám, chẩn đoán và điều trị, do đó tỷ lệ khỏi bệnh ngày càng cao. Bệnh viện cũng đã thực hiện tốt mô hình “ Hệ thống cửa mở có quản lý”, đây là mô hình hiện đại, khoa học và nhân đạo, tạo môi trường tốt cho công tác điều trị và phục hồi chức năng tâm lý xã hội cho người bệnh.

Đáng chú ý, thực hiện Quyết định số 2151/QĐ-BYT ngày 04/6/2015 về triển khai thực hiện “ Đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”, Bệnh viện đã kiện toàn Ban chỉ đạo, tổ chức tập huấn hàng năm để nâng cao kỹ năng giao tiếp, ứng xử cho nhân viên y tế, duy trì tốt tổ “ chăm sóc khách hàng” với nhiệm vụ đón tiếp, hướng dẫn, giúp đỡ người bệnh. Hiện nay 100% cán bộ, viên chức, người lao động trong Bệnh viện đã thực hiện ký cam kết thực hiện đổi mới phong cách, thái độ phục vụ của cán bộ y tế, hướng tới sự hài lòng của người bệnh. Cùng với đó, Bệnh viện thiết lập đường dây nóng và hòm thư góp ý để tiếp nhận những phản ánh, kiến nghị của người bệnh và người nhà bệnh nhân, qua đó kịp thời biểu dương, khen thưởng những gương điển hình, cũng như xử lý những sai phạm nếu có.

Sau 45 năm xây dựng và phát triển, Bệnh viện Tâm thần Phú Thọ đã tạo dựng được một nền móng vững chắc để phát triển. Bệnh viện cũng vinh dự được Nhà nước, Chính phủ, Bộ Y tế và tỉnh Phú Thọ trao tặng nhiều phần thưởng cao quý như: 02 Huân chương Lao động hạng 3 trong các năm 1984 và 1997; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ năm 2017 ; 01 Kỷ niệm chương Hùng Vương; 4 Bằng khen của Bộ Y tế và nhiều năm được UBND tỉnh trao tặng cờ thi đua, Bằng khen; Công đoàn ngành Y tế tặng Bằng khen, Liên đoàn Lao động tỉnh tặng Bằng khen; nhiều tập thể và cá nhân có thành tích xuất sắc được Bộ Y tế, Công đoàn ngành Y tế, Liên đoàn lao động tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen; Giám đốc Sở Y tế, Thị ủy, UBND thị xã, Liên đoàn lao động thị xã tặng Giấy khen...

Những phần thưởng đó là sự ghi nhận cho những đóng góp cho sự nghiệp y tế của các lớp thế hệ cán bộ, y, bác sĩ và người lao động của Bệnh viện trong suốt 45 năm qua, đồng thời cũng là niềm tự hào và là động lực để đội ngũ cán bộ Bệnh viện hôm nay vững bước trong việc thực hiện sứ mệnh cao cả chăm sóc và bảo vệ sức khỏe Nhân dân./.

Minh Hùng

TRUNG TÂM Y TẾ HUYỆN HẠ HÒA NHIỀU GIẢI PHÁP ĐỂ CAO CHẤT LƯỢNG KHÁM CHỮA BỆNH

Trung tâm Y tế Hạ Hòa là đơn vị y tế hạng II, với 13 khoa lâm sàng và cận lâm sàng, 5 phòng chức năng và 20 trạm y tế xã. Những năm qua, trước nhu cầu ngày càng cao về chăm sóc sức khỏe của nhân dân, Trung tâm đã thực hiện nhiều giải pháp để nâng cao chất lượng khám chữa bệnh đáp ứng sự hài lòng của người bệnh.

Theo đó, Trung tâm Y tế huyện Hạ Hòa đặc biệt chú trọng đào tạo nguồn nhân lực có trình độ cao thông qua việc cử nhiều cán bộ tham gia đào tạo các kỹ thuật chuyên sâu tại bệnh viện tuyến trên. Ngoài ra, Trung tâm còn thực hiện chính sách đãi ngộ trong công tác thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao, đặc biệt là bác sĩ đã tốt nghiệp hệ 6 năm về công tác lâu dài ở Trung tâm. Đến nay, Trung tâm Y tế huyện Hạ Hòa có 102 bác sĩ, trong đó có 18 bác sĩ sau đại học; tất cả các chuyên khoa đều có chuyên khoa cấp I; 100% Trạm Y tế có bác sĩ làm việc tại trạm.

Song song với đó, những năm qua, Trung tâm còn huy động mọi nguồn lực để mua sắm, lắp đặt trang thiết bị mới phục vụ công tác khám chữa bệnh như: Máy X quang răng cận chóp; Máy xét nghiệm HP qua hơi thở; Máy đo xơ vữa động mạch; máy LASE nội mạch; máy điều trị vết thương bằng Plasma; máy sốc tim; hệ thống chụp cộng hưởng từ MRI 1.5 Tesla...

Đặc biệt, tháng 6 năm 2020, Trung tâm Y tế huyện Hạ Hòa đã khánh thành và đưa vào khai thác Trung tâm khám chữa bệnh chất lượng cao có quy mô 100 giường bệnh, với các khu vực khám bệnh ngoại trú;



*Khu vực tiếp đón
của Trung tâm Y tế huyện Hạ Hòa*



Sảnh ngồi chờ Tòa nhà chất lượng cao của Trung tâm Y tế huyện Hạ Hòa

khu điều trị; khu chăm sóc đặc biệt, khu phẫu thuật... cùng hệ thống phòng khám: chuyên gia, khám VIP, nội, ngoại,... đảm bảo các yếu tố "Sáng - Xanh - Sạch - Đẹp", hài hòa về kiến trúc, thân thiện với môi trường, được trang bị đầy đủ các trang thiết bị tiện nghi mang đến cho người bệnh và người nhà người bệnh cảm giác thoải mái, an tâm như ở nhà.

Bên cạnh đó, Trung tâm Y tế huyện Hạ Hòa còn triển khai chương trình khám bệnh cùng chuyên gia được thực hiện qua hình thức mời các bác sĩ từ Bệnh viện Bạch Mai, Bệnh viện K Hà Nội, Viện Tim mạch quốc gia, Bệnh viện Đại học Y Hà Nội, Bệnh viện Việt Đức, Bệnh viện Đa khoa tỉnh... về trực tiếp khám, chữa bệnh tại Trung tâm đã và đang mang lại hiệu quả tích cực.

Việc mời bác sĩ tại tuyến Trung ương, tuyến tỉnh về trực tiếp thăm khám và điều trị không chỉ giúp tiết kiệm chi phí, tạo điều kiện để người dân được tiếp cận các dịch vụ kỹ thuật cao tại tuyến y tế cơ sở mà còn góp phần đào tạo nâng cao trình độ tay nghề cho y, bác sĩ tuyến cơ sở, tạo chuyển biến tích cực trong công tác khám chữa bệnh tại Trung tâm. Đến nay

nhiều ca bệnh khó, kỹ thuật cao đã được các bác sĩ của Trung tâm thực hiện thành công như: phẫu thuật thay khớp háng bán phần, toàn phần; tán sỏi qua da, tán sỏi ngược dòng bằng laze, tạo hình niệu quản, cắt u phì đại tuyến tiền liệt bằng nội soi, nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản...

Trung tâm Y tế huyện Hạ Hòa còn là một trong những đơn vị tiên phong trong ứng dụng công nghệ thông tin vào quản lý toàn bộ quy trình khám chữa bệnh theo mô hình "Bệnh viện thông minh" với thẻ khám chữa bệnh thông minh, hệ thống Telemedicine phục vụ hội chẩn từ xa với các bệnh viện tuyến tỉnh, tuyến Trung ương. Từ đó giúp người dân tiếp cận với các dịch vụ y tế chất lượng cao ngay tại địa phương, được kịp thời, điều trị mà không cần phải chuyển tuyến.

Hiện nay, Trung tâm Y tế huyện Hạ Hòa đã thực hiện được hầu hết các kỹ thuật của bệnh viện hạng II và nhiều kỹ thuật của bệnh viện hạng I như: Siêu âm tim; Phẫu thuật thay khớp háng; Nội soi tán sỏi qua da; Nội soi cắt túi mật; Tiêm nội khớp; Phẫu thuật nối gân gấp; Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ; Phẫu thuật

nội soi cắt chữa ngoài tử cung; Phẫu thuật vết thương mạch máu; Sinh thiết vòm mũi họng; Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi; Kỹ thuật điều trị vết thương bằng công nghệ Plasma; Nội soi đại tràng gây mê; Kỹ thuật Thở máy không xâm nhập, thở máy xâm nhập; Cai thở máy bằng phương thức SIMV ≤ 8 giờ; Đặt nội khí quản, cấp cứu ngừng tuần hoàn nhi khoa; Điều trị vàng da bằng liệu pháp ánh sáng; chẩn đoán hình ảnh phát hiện sớm khối U bằng quang; Triển khai phương pháp tiêu sợi huyết đường tĩnh mạch.

Cùng với đó Trung tâm Y tế huyện Hạ Hòa đã thành lập Tổ chăm sóc khách hàng có nhiệm vụ đón tiếp, hướng dẫn người bệnh đến khám chữa bệnh. Tất cả các khoa, phòng buồng bệnh, lối đi lại đều có sơ đồ chỉ dẫn rõ ràng, cụ thể. Bệnh nhân khi nằm điều trị nội trú tại Trung tâm không phải nằm ghép, buồng vệ sinh tại các khoa, phòng đảm bảo sạch sẽ, hợp vệ sinh, người bệnh nội trú được cung cấp một số đồ dùng sinh hoạt cá nhân và có nhà dinh dưỡng phục vụ ăn uống, môi trường sạch đẹp.

Được biết thời gian tới, Trung tâm Y tế huyện Hạ Hòa sẽ tập trung nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho đội ngũ y, bác sĩ; duy trì chính sách thu hút bác sĩ có trình độ cao về công tác tại bệnh viện; tiếp tục quan tâm đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị khám chữa bệnh; tích cực tuyên truyền nâng cao nhận thức về y đức, về lương tâm người thầy thuốc trong đội ngũ cán bộ nhân viên; tiếp nhận, phản hồi và giải quyết kịp thời những ý kiến đóng góp của người bệnh để không ngừng đổi mới nâng cao chất lượng phục vụ hướng tới mục tiêu xuyên suốt là nâng cao chất lượng khám chữa bệnh đáp ứng sự hài lòng của người bệnh./.

Minh Châu

BỆNH VIỆN MẮT TỈNH PHÚ THỌ HƯỚNG TỚI MỤC TIÊU VÌ MỘT THẾ GIỚI KHÔNG MÙ LÒA



Bác sĩ khám và chẩn đoán các bệnh lý về mắt cho bệnh nhân bằng các trang thiết bị máy móc chuyên khoa hiện đại

Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ là bệnh viện chuyên khoa hạng II tuyến tỉnh được thành lập năm 2016, có chức năng khám, điều trị các bệnh về mắt; điều hành, quản lý các chương trình phòng chống mù lòa cho nhân dân trong và ngoài tỉnh. Sau hơn 5 năm xây dựng và phát triển, Bệnh viện đã có quy mô giường bệnh tăng 100% (từ 55 giường lên 110 giường bệnh kế hoạch), phục vụ KCB cho trên 200.000 lượt bệnh nhân; Phẫu thuật thể thủy tinh chống mù lòa cho trên 15.000 lượt người bệnh.

Bác sĩ CKII Nguyễn Thanh Hải, Giám đốc Bệnh viện chia sẻ: Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, Sở Y tế và các Sở, ban, ngành trong tỉnh, Bệnh viện đã có cơ sở vật chất khang trang với các khu khám bệnh và điều trị chất lượng cao. Nhằm nâng cao chất lượng KCB, Bệnh viện đã tạo dựng môi trường, cảnh quan “Xanh - Sạch - Đẹp”; cải tiến quy trình khám bệnh tại Khoa Khám bệnh như: Bố trí nhân viên đón tiếp, hướng dẫn cho người bệnh, công khai quy trình KCB cho người có thể BHYT và người bệnh không có thể BHYT.

Để chất lượng phục vụ được tốt hơn, Bệnh viện đã tăng cường

Thời gian qua, với phương châm “chất lượng tạo nên giá trị cốt lõi”, Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ đã không ngừng nâng cao chất lượng khám, chữa bệnh (KCB), chất lượng phục vụ, hướng tới sự hài lòng của bệnh nhân.

ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý như: Lắp đặt các hệ thống camera, hệ thống tự động hóa lấy số khám bệnh tự động, quản lý người bệnh nằm viện, quản lý hồ sơ bệnh án, thanh toán bảo hiểm y tế... Đặc biệt, triển khai sâu rộng tại tất cả các khoa, phòng và từng cá nhân về mô hình quản lý “5S” (sàng lọc, sắp xếp, sạch sẽ, sẵn sàng, sẵn sàng), “Thi đua học tập và làm theo tấm gương đạo đức Hồ Chí Minh”; thực hiện “Quy tắc ứng xử” giao tiếp với bệnh nhân, “Đổi mới phong cách thái độ phục vụ của cán bộ y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh”, nâng cao ý thức, lương tâm người thầy thuốc trong thực hiện nhiệm vụ với tinh thần thái độ phục vụ tận tình, chu đáo.

Bên cạnh đó, Bệnh viện tập trung nguồn lực đầu tư mua sắm trang thiết bị công nghệ hiện đại, đồng thời chú trọng công tác đào tạo nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ, nhân viên y tế có trình độ chuyên môn cao. Hằng năm, Bệnh viện cử các bác sĩ, kỹ thuật viên tham gia các khóa đào tạo, chuyển giao công nghệ tại bệnh viện Mắt Trung ương, tham dự hội thảo trong nước và quốc tế, nhằm cập nhật kiến thức, nắm chắc kỹ thuật và vững vàng trong việc điều trị đối với từng ca bệnh, làm chủ các trang bị kỹ thuật hiện đại.

Cùng với đó, Bệnh viện đẩy mạnh nghiên cứu các đề tài khoa học; phát triển thành công những kỹ thuật mới trong điều trị các bệnh lý phức tạp về mắt (trung bình đạt 4-5 kỹ thuật mới/năm) như: Chụp cắt lớp võng mạc (OCT bán phần sau); đo công suất

thể thủy tinh nhân tạo bằng máy sinh trắc tự động; Kỹ thuật đo nhãn áp bằng nhãn áp kế không tiếp xúc; Kỹ thuật đo thị trường bằng thị trường kế tĩnh; chụp bản đồ giác mạc; đo độ dày giác mạc; Kỹ thuật tiêm nội nhãn; Kỹ thuật tiêm Botulinum Toxin A điều trị co giật mí, co giật nửa mặt... Phẫu thuật Phaco đặt thể thủy tinh 2 tiêu cự tăng cường thị lực trung gian; đặt thể thủy tinh đa tiêu cự, tiêu cự kéo dài,... Phẫu thuật lác, sụp mí ở trẻ em có gây mê; Phẫu thuật rạch góc tiền phòng; Phẫu thuật ghép da điều trị hở mí do sẹo... Nhờ triển khai nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật vượt tuyến nên Bệnh viện đã hạn chế được tình trạng bệnh nhân chuyển tuyến và giúp người bệnh được điều trị kịp thời (Tỷ lệ bệnh nhân chuyển tuyến Trung ương chỉ dưới 1%).

Ngoài nhiệm vụ KCB, công tác phòng chống mù lòa và chăm sóc mắt tại cộng đồng cũng là một nhiệm vụ được Bệnh viện quan tâm, thực hiện tốt. Bệnh viện đã thường xuyên phối hợp với các đơn vị y tế trong ngành, nhất là các Trung tâm Y tế, bệnh viện đa khoa tuyến huyện, phối hợp với ngành Giáo dục và Đào tạo, Hội Người cao tuổi tỉnh... tổ chức khám mắt, kết hợp tuyên truyền, tư vấn tại cộng đồng cho hàng chục nghìn lượt người mỗi năm.

Tính tới hết năm 2021, Bệnh viện đã khám điều tra đục thể thủy tinh cộng đồng cho người dân tại trên 50 xã/phường/thị trấn của tỉnh Phú Thọ; KCB cho trên 35.000 lượt bệnh nhân; phẫu thuật đem lại ánh sáng cho người bệnh đạt 3.666 ca...

Từ những kết quả quan trọng trong công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân, Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ đã trở thành địa chỉ tin cậy mang lại ánh sáng và niềm vui cho nhân dân trên địa bàn Tỉnh và các vùng lân cận./

Kiều Thủy

CON SỐ & SỰ KIỆN

Tạp chí của Tổng cục Thống kê ISSN 2734-9136. Số kỳ I - 11/2022 (633) Ra hàng tháng. Năm thứ 61

Tổng biên tập: NGUYỄN THỊ THANH HƯƠNG - Phó Tổng biên tập: BUI BÍCH THỦY - NGUYỄN THỊ PHƯƠNG LAN

Tòa soạn: 54 Nguyễn Chí Thanh, Đống Đa, Hà Nội **ĐT:** (84-24) 37344920 - 37344970 - 37344971

Fax: 84-24-37344969 **Email:** consosukien@gso.gov.vn

Giấy phép xuất bản số 340/GP-BTTTT ngày 09/6/2021. Số lượng in: 1.200 bản

In tại **Công ty TNHH In Tân Thăng Long**

Ấn phẩm được phát hành qua ngành Bưu điện. Độc giả đặt mua tại các Bưu điện trong cả nước.

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG TRONG NGÀNH

1. Tổng cục Thống kê làm việc với UBND tỉnh Hưng Yên
2. Hội nghị Tập huấn Công tác bảo vệ bí mật nhà nước
3. Tổng cục Thống kê tiếp xúc giao đoàn chuyên gia dự án Italia về "Cải thiện hệ thống Thống kê quốc gia Việt Nam"
4. Tăng cường chất lượng và hình thức tuyên truyền, phổ biến thông tin thống kê

TS. Nguyễn Thị Hương

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư - Kết quả thực hiện đề án thống kê khu vực kinh tế chưa được quan sát năm 2021

ThS. Nguyễn Diệu Huyền

8. Sự cần thiết ban hành và nội dung chủ yếu của quy trình biên soạn GDP, GRDP

Nguyễn Đình Khuyến

KINH TẾ - XÃ HỘI

10. Tình hình kinh tế - xã hội 10 tháng năm 2022
12. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và chỉ số giá Đô la Mỹ tháng 10 năm 2022
13. Định hướng phát triển kinh tế - xã hội Tây Nguyên đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Thu Hòa

16. Thương mại điện tử Việt Nam từ góc nhìn thế giới và khu vực

Minh Hà

19. Giải ngân vốn đầu tư công những tháng cuối năm 2022: Bút tốc chặng nước rút

Thu Hương

21. Thị trường giáo dục Việt Nam hấp dẫn các nhà đầu tư nước ngoài

Kim Hải

24. Tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

ThS. Nguyễn Chung Thủy

27. Sản xuất nông nghiệp theo hướng kinh tế tuần hoàn ở Việt Nam hiện nay

Phạm Minh Thành - TS. Phạm Xuân Thu

29. Hợp tác xã chuyển đổi số để thích ứng trong kỷ nguyên mới

Bích Ngọc

32. Việt Nam nỗ lực với cam kết phát thải ròng bằng 0

Duy Hưng

35. Gỡ nút thắt phát triển nhà ở xã hội tại Việt Nam

Trúc Linh

37. Tin địa phương

QUỐC TẾ

38. Nông nghiệp đô thị của Singapore

Gia Linh

41. Thị trường gạo thế giới: Bấp bênh sau lệnh cấm xuất khẩu của Ấn Độ

Tiến Long

PHÚ THỌ - THU HÚT ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

44. Ngành Tài chính Phú Thọ góp phần tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội

Thành Nam

46. Huyện Tân Sơn: Phát huy nội lực, phát triển bút phá

Trọng Nghĩa

48. Trường cao đẳng Y tế Phú Thọ: Địa chỉ đào tạo nguồn nhân lực y tế chất lượng cao

Trịnh Long

49. Bệnh viện Tâm thần Phú Thọ: 45 năm xây dựng và phát triển

Minh Hùng

50. Trung tâm Y tế huyện Hạ Hòa: Nhiều giải pháp để cao chất lượng khám chữa bệnh

Minh Châu

52. Bệnh viện Mắt tỉnh Phú Thọ: Hướng tới mục tiêu vì một thế giới không mù lòa

Kiều Thủy

Giá: 27.000 đ

Mang
Phồn thịnh
đến Khách hàng



AGRIBANK
CHI NHÁNH TỈNH PHÚ THỌ



Địa chỉ: Đường Trần Phú, phường Gia Cẩm, thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ | Tel: 0210 3846850